

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 290 – Chúa nhật 18.12.2016

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

CỎ VỎ VIỆC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA	Vatican 2
Chương Hai Laudato Si': TIN MỪNG CỦA VIỆC SÁNG TẠO	Lm Phan Văn Lợi dịch
NGÔI LỜI ĐÃ ĐỀN ĐỂ THẾ GIAN ĐƯỢC CHAN HÒA ƠN PHÚC	Jerome Nguyễn Văn Nội
ĐỪNG NGẠI... THỰC THI Ý CHÚA	Dã Quỳ
ÔI THẬT DIỄM PHÚC VÌ CÓ THIÊN CHÚA Ở CÙNG!	Lm. Anton Nguyễn Văn Độ
EMMANUEL: XIN VÀ HỨA	Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
CỨ NÓI TIN CHÚA KITÔ LÀ ĐỦ ĐỂ ĐƯỢC CỨU RỒI CHẴNG?	Lm. PX. Ngô Tôn Huân
DÂNG MÌNH VÀ PHÓ THÁC MÌNH CHO ĐỨC MẸ	Gm. GB. Bùi Tuần
XIN CHO CON MỘT ĐOM LỬA THÁNH-THẦN CHÚA	Gs. Biển-Đức Đỗ Quang-Vinh
MẸ, NGUỒN YÊU THƯƠNG VÔ BỜ!	Cursillista Inhaxiô Đặng Phúc Minh
NHÂN DANH CHÚA GIÊSU	Lm. Micae Phaolô Trần Minh Huy, pss.
SINH TỔ HÒA TAN TRONG NƯỚC	Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.

CỎ VỎ VIỆC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, HĐGMVN

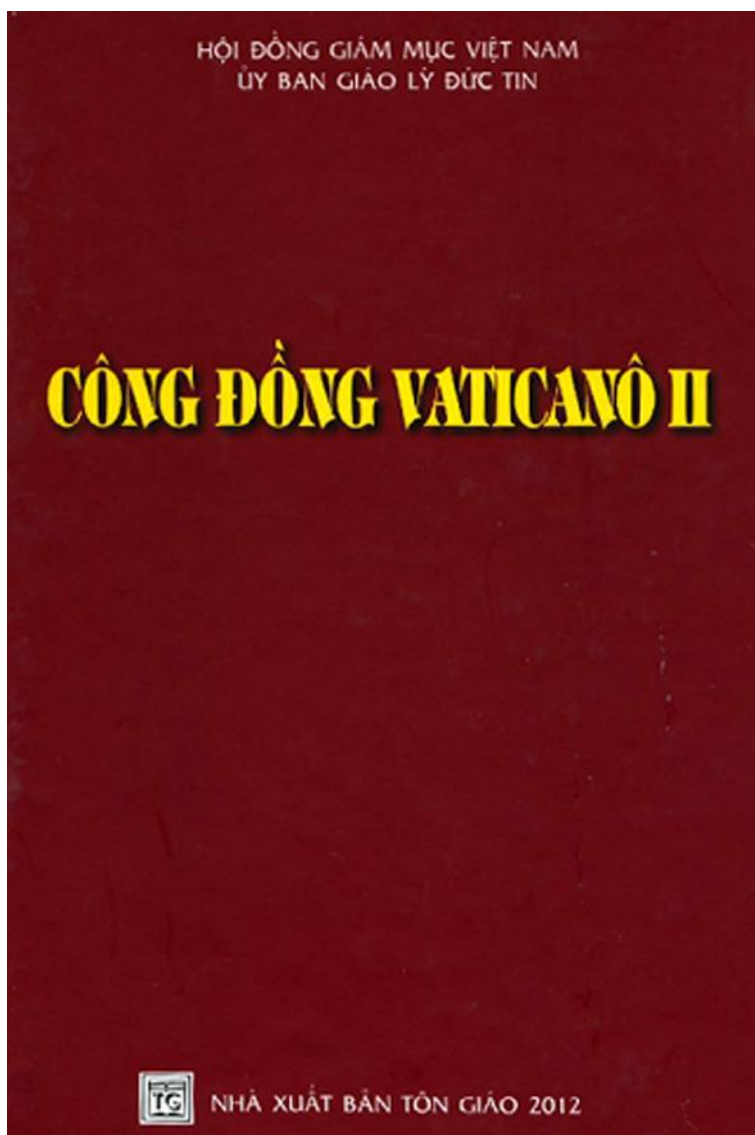
LTS: BBT CGVN và Đặc San GSVN hân hạnh giới thiệu trọn bộ 16 Văn Kiện Công Đồng Vatican 2, bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, HĐGMVN, ấn bản mới nhất, có bán tại các Nhà Sách Công Giáo.

Suốt hơn 10 năm qua trên Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam chúng con đã trung thành phổ biến bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện PIO X Đà Lạt; Nay với trọn tấm lòng biết ơn các dịch giả qua các thời kỳ, chúng con xin tiếp tục công việc tối cần thiết này nhưng với một bản dịch hoàn chỉnh hơn - **Bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, HĐGMVN**. Rất mong được mọi người đón nhận, hỗ trợ việc phổ biến tài liệu quý này như KIM CHỈ NAM đích thực, đầy đủ và hoàn hảo cho mọi thành phần Dân Chúa. Chúng ta đang sống trong thời điểm kỷ niệm 50 năm Thánh Công Đồng Chung Vatican 2; Dân Chúa Việt Nam khi dành thời gian đọc lại các Hiến Chế, Sắc Lệnh, Tuyên Ngôn sẽ luôn nhận ra điều mới mẻ và hữu ích cho từng cá nhân cũng như cộng đoàn.

Chúng con xin chân thành cảm ơn Quý Đức Cha, Quý Cha Ủy Ban GLĐT đã sẵn lòng cho phép chúng con giới thiệu bản văn quý giá này qua internet. Quý Cha và Quý Vị có thể yêu cầu nhận trọn bộ hay từng Văn Kiện cụ thể trên một file word qua email, hoặc cũng có thể tải về máy tại địa chỉ: <http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=home&v=subject&is=31>

Xin chân thành cảm ơn

BBT CGVN & Đặc San GSVN



VỀ MỤC LỤC

HIẾN CHẾ MỤC VỤ VỀ GIÁO HỘI TRONG THẾ GIỚI NGÀY NAY **GAUDIUM ET SPES** Ngày 7 tháng 12 năm 1965

PHẦN THỨ HAI **MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHẨN THIẾT**

CHƯƠNG II **CƠ VÕ VIỆC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA**

53. Nhập đề

Một nhân vị chỉ có thể đạt tới nhân tính đích thực và trọn vẹn nhờ văn hóa, nghĩa là nhờ việc trau dồi những phẩm chất thiện hảo và giá trị của thiên nhiên. Vì vậy, bất cứ nơi đâu có cuộc sống con người, thì thiên nhiên và văn hóa đều được gắn kết vào nhau hết sức chặt chẽ.

Theo nghĩa tổng quát, chữ “văn hóa” chỉ tất cả những gì con người dùng để trau dồi và phát triển các năng khiếu đa diện của tâm hồn và thể xác; để cố gắng chế ngự cả trái đất bằng trí thức và lao động; để làm cho đời sống xã hội, cả trong gia đình cũng như nơi cộng đồng chính trị, trở thành nhân đạo hơn, nhờ vào sự tiến bộ trong các tập tục và định chế; sau cùng, để diễn tả, thông truyền và bảo tồn trong các công trình của mình những kinh nghiệm tinh thần và hoài bão lớn lao của các thời đại, để giúp cho nhiều người và toàn thể nhân loại tiến bộ hơn.

Vì vậy, văn hóa nhân loại thiết yếu mang tính cách lịch sử và xã hội, và chữ “văn hóa” thường mặc thêm một ý nghĩa xã hội học cũng như nhân chủng học. Chính vì ý nghĩa này mà người ta nói đến sự đa tạp của các nền văn hóa. Thật vậy, vì có nhiều cách sử dụng sự vật, nhiều cách làm việc và diễn tả tư tưởng, nhiều cách phụng tự và định hình phong tục, nhiều cách thiết lập luật lệ và định chế pháp lý, nhiều cách phát triển khoa học, nghệ thuật và trau dồi thẩm mỹ, nên mới phát sinh nhiều cách chung sống và nhiều dạng thức phối hợp các giá trị của cuộc sống. Như thế, từ các định chế lưu truyền, hình thành một di sản riêng cho mỗi cộng đồng nhân loại. Cũng do cách thức ấy mà hình thành một môi trường lịch sử nhất định, trong đó con người của bất cứ dân tộc nào hay thời đại nào cũng đều dự phần, và từ đó con người rút ra những giá trị góp phần thăng tiến nền văn minh nhân loại.

ĐOẠN 1 **TÌNH TRẠNG VĂN HÓA TRONG THẾ GIỚI NGÀY NAY**

54. Những lối sống mới

Điều kiện sinh sống của con người hiện đại về phương diện xã hội và văn hóa đã biến đổi sâu đậm, đến độ người ta có thể nói đến một kỷ nguyên mới của lịch sử nhân loại¹. Từ đó, mở ra những con đường mới để hoàn bị và khuyếch trương văn hóa rộng rãi hơn. Những con đường này đã được khai phá nhờ sự lớn mạnh của các ngành khoa học tự nhiên, nhân văn và xã hội, nhờ sự phát triển kỹ thuật cũng như sự tiến bộ trong công cuộc khám phá và vận dụng

¹ x. Phần Nhập đề của Hiến chế này, số 4-10.

cách thích đáng những phương tiện giúp con người liên lạc với nhau. Bởi đó, nền văn hóa hiện đại mang những đặc điểm này: các khoa học, mệnh danh là khoa học chính xác, phát huy tối đa óc phê bình; những nghiên cứu mới nhất về tâm lý học giải thích hoạt động của con người sâu xa hơn; các bộ môn sử học góp phần lớn lao giúp con người nhận định sự vật dưới khía cạnh biến chuyển và tiến hóa; các tập tục và cách sống ngày càng đồng nhất; hiện tượng công nghiệp hoá, đô thị hóa cộng với những nguyên nhân khác làm bộc phát đời sống tập thể, tạo nên những hình thức văn hóa mới (văn hóa đại chúng), từ đó, phát sinh những cách suy tư, hành động và giải trí mới; đồng thời, sự gia tăng việc trao đổi giữa các dân tộc và các tập thể xã hội cũng mở rộng hơn cho mọi người và từng người, kho tàng của các nền văn hóa khác nhau, và cử thể, dần dần xuất hiện một hình thức văn hóa nhân loại đại đồng hơn, vừa hướng tới và thể hiện hơn nữa sự hợp nhất nhân loại, vừa luôn tôn trọng những đặc điểm của các nền văn hóa khác nhau.

55. Con người, tác giả của văn hóa

Càng ngày càng có nhiều người, nam cũng như nữ, thuộc các tập thể hay quốc gia, ý thức được chính họ là những người xây dựng và kiến tạo văn hóa của cộng đồng. Trên toàn thế giới, ngày càng gia tăng ý thức tự lập và trách nhiệm, điều rất cần cho sự trưởng thành của nhân loại trên bình diện tinh thần và luân lý. Điều đó sẽ được nhận thấy rõ ràng hơn, nếu chúng ta nhìn vào sự thống nhất của thế giới và bốn phận của chúng ta là phải kiến tạo một thế giới tốt đẹp hơn trong chân lý và công bằng. Như vậy, chúng ta là chứng nhân của sự hình thành một nền nhân bản mới, trong đó, con người được định nghĩa trước hết dựa trên trách nhiệm của mình đối với anh em và đối với lịch sử.

56. Những khó khăn và bốn phận

Trong những điều kiện như thế, không có gì ngạc nhiên khi thấy con người, vì nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc phát triển văn hóa, nên vun đắp niềm hy vọng cao xa, nhưng đồng thời cũng lo âu nhìn vào bao nhiêu mâu thuẫn trước mắt đang phải giải quyết:

Phải làm gì để cuộc trao đổi thường xuyên giữa các nền văn hóa đưa đến sự đối thoại đích thực và hữu ích giữa các tập thể và các quốc gia khác nhau mà không xáo trộn cuộc sống của các cộng đồng, không đánh mất sự khôn ngoan của tiền nhân cũng như không gây tổn hại cho những đặc tính riêng của các dân tộc?

Phải làm thế nào để phát huy sức năng động và sự truyền bá của nền văn hóa mới, mà không hủy diệt lòng trung thành gắn bó với di sản truyền thống? Đây là vấn đề đặc biệt khẩn cấp khi phải hòa hợp nền văn hóa phát sinh từ sự tiến bộ lớn lao của khoa học và kỹ thuật, với nền văn hóa được nuôi dưỡng bằng các học thức cổ điển theo những truyền thống khác nhau.

Làm sao có thể dung hòa sự phân tán rất nhanh chóng và ngày càng gia tăng của các bộ môn chuyên biệt với nhu cầu tổng hợp các bộ môn ấy, cũng như với nhu cầu duy trì nơi con người khả năng chiêm niệm và ngưỡng mộ, như là phương thế giúp con người đạt tới sự khôn ngoan?

Phải làm gì để mọi người trên thế giới cùng được hưởng ích lợi của văn hóa, trong khi kiến thức của các nhà thông thái luôn cao siêu và phức tạp hơn?

Sau hết, phải làm sao để vừa công nhận sự tự lập chính đáng mà văn hóa đòi hỏi, vừa không rơi vào một chủ thuyết nhân bản thể tục thuần túy đến độ đối nghịch với tôn giáo?

Chính giữa các mâu thuẫn ấy mà văn hóa nhân loại ngày nay phải phát triển, để phát huy cách xứng hợp nhân vị toàn vẹn, đồng thời giúp con người thi hành những bốn phận mà mọi người đều được kêu gọi để chu toàn, đặc biệt các Kitô hữu, những người đã được liên kết trong tình huynh đệ với gia đình nhân loại duy nhất.

ĐOẠN 2

MỘT VÀI NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN VIỆC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

57. Đức tin và văn hóa

Các Kitô hữu, những người đang trên đường lữ hành tiến về thành đô thiên quốc, phải tìm kiếm và thường ném những sự trên trời²; điều đó chẳng những không làm giảm thiểu, nhưng đúng hơn lại làm tăng thêm trách nhiệm của họ là góp sức với mọi người kiến tạo một thế giới nhân đạo hơn. Thật vậy, mầu nhiệm đức tin Kitô giáo đã đem đến cho họ nhiều khích lệ và trợ lực quý giá để họ chu toàn bốn phận ấy cách hăng say hơn, và nhất là để họ khám phá được ý nghĩa trọn vẹn của công trình làm cho văn hóa nhân loại giữ được vị trí trỗi vượt trong ơn gọi toàn diện của con người.

Thật vậy, khi lao động với chính đôi tay của mình hoặc với phương tiện kỹ thuật để trái đất này trở sinh hoa quả, và trở thành nơi cư ngụ xứng đáng của toàn thể gia đình nhân loại, và khi tham dự cách ý thức vào tập thể xã hội, con người tuân theo ý định của Thiên Chúa được tỏ bày ngay từ thuở đầu là loài người phải chế ngự trái đất³ và hoàn tất công trình tạo dựng, đồng thời con người phát huy được chính bản thân; và đó cũng là lúc con người thực thi điều răn quan trọng của Chúa Kitô là hiến thân phục vụ anh em.

Hơn nữa, khi chuyên tâm học hỏi các bộ môn triết học, sử học, toán học, vạn vật học và trau dồi nghệ thuật, con người có thể góp phần lớn lao vào công cuộc thăng tiến gia đình nhân loại để đạt tới những giá trị cao cả của chân, thiện, mỹ, và một phán đoán có giá trị phổ quát, và như thế, con người được soi chiếu rạng rỡ hơn bởi Đấng Khôn Ngoan kỳ diệu, hiện diện bên Chúa từ thuở đời đời, cùng Chúa an bài mọi sự, nô đùa trên trái đất và vui sướng ở với con cái loài người⁴.

Cũng nhờ đó mà tâm trí nhân loại, khi đã bớt nô lệ vật chất, có thể dễ dàng vươn cao để thờ phượng và chiêm ngưỡng Đấng Tạo Hóa. Hơn nữa, con người còn được ân sủng thúc đẩy để nhận ra Ngôi Lời Thiên Chúa, Đấng trước khi nhập thể để cứu chuộc và kết thân muôn loài nơi Người, đã ở trong thế gian như “ánh sáng thật luôn soi chiếu mọi người” (Ga 1,9)⁵.

Vì khoa học và kỹ thuật, do tự bản chất của phương pháp nghiên cứu, không thể xâm nhập cơ cấu sâu xa của sự vật, nên sự tiến bộ hiện nay của chúng dĩ nhiên có thể đưa đến một thứ chủ thuyết duy hiện tượng và bất khả tri, khi phương pháp khảo sát của những bộ môn này được đánh giá quá cao, coi như luật tối hậu để khám phá toàn thể chân lý. Một nguy hiểm khác là vì con người tin tưởng thái quá vào những phát minh hiện đại, nên rơi vào thái độ tự mãn và không còn tìm kiếm những giá trị cao cả hơn.

Tuy nhiên, những hậu quả tai hại ấy không nhất thiết luôn đi liền với nền văn hóa hiện đại, và chúng ta không dựa vào đó mà phủ nhận những giá trị tích cực của nền văn hóa này. Trong số những giá trị ấy phải kể đến: sự ham thích học hỏi, thái độ trung thành tôn trọng chân lý trong các công trình nghiên cứu khoa học, nhu cầu làm việc tập thể trong các toán chuyên viên, tình liên đới quốc tế, ý thức ngày càng rõ rệt nơi các nhà thông thái về trách nhiệm phải giúp đỡ và hơn nữa phải bảo vệ con người, ý muốn đem lại điều kiện sinh sống thuận lợi hơn cho tất cả mọi người, nhất là những người chịu thiệt thòi vì không lao động được hoặc vì kém văn hóa. Tất cả những giá trị này có thể góp phần chuẩn bị cho con người đón nhận sứ điệp Tin Mừng, một sự chuẩn bị có thể được hình thành nhờ tình yêu thần linh của Đấng đã đến để cứu chuộc thế gian.

58. Mối liên hệ đa diện giữa Tin Mừng của Chúa Kitô và văn hóa nhân loại

² x. Cl 3,1-2.

³ x. St 1,28.

⁴ x. Cn 8,30-31.

⁵ x. T. IRÊNÊ, *Adv Haer.* III, 11, 8; Sagnard, tr. 200; x. nt., 16, 6; tr. 290-292; 21, 10-22; tr. 370-372; 22, 3; tr. 378; v.v...

Giữa sứ điệp cứu độ và văn hóa nhân loại có nhiều mối liên hệ. Thật vậy, khi tự mặc khải cùng dân Ngài cho tới khi tỏ mình đầy đủ trong Chúa Con nhập thể, Thiên Chúa đã nói theo văn hóa riêng của từng thời đại.

Cũng thế, trải qua các thế kỷ sống trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, Giáo Hội đã sử dụng tài nguyên của các nền văn hóa khác biệt để phổ biến và giải thích cho muôn dân sứ điệp của Chúa Kitô trong khi rao giảng, để khám phá và thấu hiểu sâu xa hơn, để diễn tả sứ điệp ấy cách tốt đẹp hơn trong các lễ nghi phụng vụ và trong cuộc sống đa dạng của cộng đồng các tín hữu.

Nhưng đồng thời, vì được sai đến với mọi dân tộc thuộc mọi nơi và mọi thời, Giáo Hội không để bị ràng buộc theo kiểu độc chiếm hay không thể tách rời được với một chủng tộc hay quốc gia, với một lối sống đặc thù hoặc một tập tục cũ hay mới nào. Trung thành với truyền thống cá biệt và đồng thời ý thức sứ mệnh phổ quát của mình, Giáo Hội có thể liên kết với nhiều hình thức văn hóa khác nhau, nhờ đó, chính Giáo Hội cũng như các nền văn hóa ấy đều được phong phú hơn.

Sứ điệp Tin Mừng của Chúa Kitô không ngừng đổi mới cuộc sống và văn hóa của loài người sa ngã, chống lại và khử trừ các sai lầm và sự ác phát sinh từ sức quyến rũ thường xuyên đầy nguy hiểm của tội lỗi. Tin Mừng không ngừng thanh luyện và nâng cao phong hóa các dân tộc. Với nguồn thiên ân sung mãn, Tin Mừng như tác động từ bên trong làm cho những đức tính và nét đẹp cao quý nơi tâm hồn các dân tộc hay của từng thời đại được thêm phong phú, được củng cố, bổ túc và tái tạo trong Chúa Kitô⁶. Như thế, trong khi chu toàn bổn phận của chính mình⁷, Giáo Hội thúc đẩy và góp phần vào công cuộc phát triển văn hóa nhân loại, đồng thời cũng dùng mọi hoạt động, cả trong lãnh vực phụng vụ, để hướng dẫn con người đạt tới tự do nội tâm.

59. Phối hợp xác đáng các giá trị trong văn hóa nhân loại

Vì những lý do vừa trình bày, Giáo Hội muốn nhắc cho mọi người nhớ rằng văn hóa phải hướng đến sự phát triển toàn diện của nhân vị, lợi ích của cộng đồng và của toàn thể xã hội nhân loại. Do đó, phải hoàn thiện tâm hồn để phát triển khả năng ngưỡng mộ, suy ngẫm, chiêm niệm, để có được sự phân định của riêng bản thân, đồng thời phát huy ý thức về tôn giáo, luân lý cũng như xã hội.

Thật vậy, vì trực tiếp phát sinh từ xã hội tính và lý trí của con người, nên văn hóa luôn cần có được tự do đúng mức để phát triển, cũng như có quyền hợp pháp để hành động độc lập theo các nguyên tắc riêng. Do đó, văn hóa có quyền được tôn trọng và được hưởng một quyền bất khả xâm phạm nào đó, dĩ nhiên vẫn phải duy trì quyền lợi cá nhân và cộng đoàn hoặc đặc thù hoặc phổ quát, trong giới hạn của công ích.

Nhắc lại những điều Công Đồng Vatican thứ nhất đã dạy, thánh Công Đồng tuyên bố: “Có hai lãnh vực tri thức” khác biệt nhau, đó là đức tin và lý trí; Giáo Hội không phản đối “các ngành nghề và các bộ môn nhân văn sử dụng những nguyên lý và phương pháp riêng trong phạm vi của mình”; vì thế, Giáo Hội “nhìn nhận sự tự do chính đáng này”, và xác nhận sự tự lập hợp pháp của văn hóa, nhất là của các khoa học⁸.

Tất cả những điều vừa trình bày đòi hỏi phải để cho con người có thể tự do đi tìm chân lý, phát biểu, phổ biến ý kiến của mình và được tự do hành nghề tùy sở thích, miễn là tôn trọng trật tự luân lý và công ích; sau cùng, cũng phải cho con người có được thông tin chính xác về những biến cố xảy ra trong đời sống công cộng⁹.

Bổn phận của công quyền không phải là xác định đặc tính của những dạng thức văn hóa, nhưng là tạo điều kiện và phương tiện thuận lợi để phát triển đời sống văn hóa cho mọi người, kể cả những thành phần thiểu số của quốc gia¹⁰. Do đó, phải hết sức tránh sao cho văn hóa không bị tách rời khỏi mục đích đặc thù của mình để rồi bị cưỡng ép làm công cụ cho các thế lực chính trị hay kinh tế.

⁶ x. Ep 1,10.

⁷ x. *Lời Đức Piô XI nói với Đức Giám mục Roland-Gosselin*: Semaines sociales de France, Versailles, 1963, tr. 461-462.

⁸ CD VATICAN I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. IV: DS 1695, 1799 (3015-3019); x. PIÔ XI, Thông điệp *Quadragesimo Anno*: AAS 23 (1931), tr. 190.

⁹ x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*: AAS 55 (1963), tr. 260.

¹⁰ x. nt.: AAS 55 (1963), tr. 283; PIÔ XII, *Sứ điệp truyền thanh* 24.12.1941: AAS 34 (1942), tr. 16-17.

ĐOẠN 3

MỘT VÀI BỔN PHẬN CẤP BÁCH CỦA KITÔ HỮU ĐỐI VỚI VĂN HÓA

60. Phải nhìn nhận và thực thi quyền thụ hưởng văn hóa của mọi người

Vì ngày nay, con người có đủ khả năng giải thoát một phần lớn nhân loại khỏi nạn ngu dốt, nên bổn phận thích đáng nhất trong thời đại chúng ta, đặc biệt đối với các Kitô hữu, là tích cực nỗ lực để xác lập những phán quyết căn bản, trong lãnh vực kinh tế cũng như chính trị, trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế, để quyền thụ hưởng văn hóa của mọi người được nhìn nhận và thực thi tại mọi nơi trên thế giới, vì đây là một quyền lợi phù hợp với phẩm giá con người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, quốc gia, tôn giáo và giai cấp xã hội. Do đó, phải cung ứng cho tất cả mọi người đầy đủ những thiện ích của văn hóa, nhất là những gì làm nên nét văn hóa căn bản, đừng để nhiều người vì bị mù chữ hay thiếu năng lực hoạt động nên không thể cộng tác vào lợi ích chung đúng với danh nghĩa con người.

Bởi thế, phải cố gắng làm cho những người có khả năng được theo học các bậc cao đẳng; và nếu có thể được, liệu cho họ có được những trách vụ, công tác và những hoạt động phục vụ trong xã hội tùy theo sở trường và năng khiếu họ đã thấm thậ¹¹. Như thế, mọi người và mọi tầng lớp xã hội nơi mỗi dân tộc đều có thể phát triển trọn vẹn đời sống văn hóa phù hợp với tài năng và truyền thống của mình.

Hơn nữa, cũng cần nỗ lực tối đa để giúp mọi người ý thức về quyền thụ hưởng văn hóa cũng như bổn phận của họ trong việc thăng tiến bản thân và giúp đỡ tha nhân. Thật vậy, đôi khi cũng vẫn còn những điều kiện sinh sống và công việc nặng nhọc cản trở con người tham gia các hoạt động và làm mất đi cả sự quan tâm đến văn hóa. Đặc biệt, đối với nông dân và công nhân, cần phải bảo đảm sao cho những điều kiện lao động không ngăn cản nhưng sẽ khuyến khích họ trau dồi văn hóa. Nữ giới cũng đã tham gia vào hầu hết các ngành sinh hoạt, vì thế, cũng phải để cho họ có thể đảm trách toàn vẹn những phần việc phù hợp với khả năng riêng của họ. Mọi người đều phải nhìn nhận và cổ vũ sự tham gia đặc biệt và cần thiết của nữ giới trong sinh hoạt văn hóa.

61. Giáo dục văn hóa toàn diện cho con người

Ngày nay, trong lãnh vực tri thức, tổng hợp các bộ môn và các ngành là một việc khó hơn ngày xưa rất nhiều. Thật vậy, trong khi các yếu tố cấu tạo văn hóa càng ngày càng gia tăng và thêm khác biệt, thì nơi mỗi người, khả năng cảm nhận và dung hợp các yếu tố ấy lại suy giảm, đến nỗi hình ảnh “con người phổ quát” cứ lu mờ dần. Tuy nhiên, mỗi người vẫn có bổn phận bảo toàn nhân vị toàn vẹn của mình, trong đó trỗi vượt nhất chính là những giá trị của trí tuệ, ý chí, lương tri và tình huynh đệ, tất cả những giá trị này đều do Thiên Chúa thiết lập, được phục hồi và nâng cao một cách kỳ diệu trong Chúa Kitô.

Hơn ai hết, gia đình được ví như người mẹ và người vú nuôi của công trình giáo dục này, vì trong gia đình, con cái được tình yêu ấp ủ sẽ khám phá ra các bậc thang giá trị một cách dễ dàng hơn, trong khi đó, các yếu tố văn hóa cao đẹp sẽ như thể tự nhiên theo năm tháng thấm dần vào tâm trí các thanh thiếu niên.

Xã hội ngày nay cũng có những phương tiện thích hợp cho công cuộc giáo dục này, nhất là nhờ việc phổ biến ngày càng rộng rãi sách báo và những phương tiện mới trong ngành truyền thông văn hóa xã hội, giúp cho nền văn hóa trở nên phổ cập hơn. Thật vậy, nhờ giảm bớt phần nào thời gian làm việc, nhiều người sẽ có giờ để trau dồi văn hóa. Do đó, phải biết dùng thời giờ nhàn rỗi để thư giãn tinh thần, bồi dưỡng tâm trí và thể xác bằng các hoạt động và học hỏi theo sở thích, tham quan những miền xa lạ (du lịch), như thế sẽ giúp mở mang kiến thức, hơn nữa, cũng giúp con người được thêm phong phú nhờ hiểu biết lẫn nhau, hay bằng việc tập luyện và sinh hoạt thể dục thể thao, để giữ được quân bình trong tâm trí cũng như trong nếp sống cộng đồng, đồng thời phát huy những mối bang giao huynh đệ giữa mọi người không phân biệt giai cấp, quốc gia hay chủng tộc. Vì thế, các Kitô hữu phải cộng tác để làm cho tình

¹¹ x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*: AAS 55 (1963), tr. 260.

thần nhân bản và Kitô giáo thấm nhuần vào các hoạt động văn hóa, các sinh hoạt tập thể, là những sinh hoạt đặc thù của thời đại chúng ta.

Tuy nhiên, những phương tiện trên vẫn chưa đem lại một nền giáo dục văn hóa toàn diện, nếu đồng thời con người không tìm hiểu sâu xa về ý nghĩa của văn hóa và khoa học đối với con người.

62. Hoà hợp văn hóa nhân loại với Kitô giáo

Mặc dù Giáo Hội đã đóng góp nhiều vào sự phát triển văn hóa, tuy nhiên kinh nghiệm cho thấy, vì những lý do nhất thời, sự hòa hợp giữa văn hóa và Kitô giáo không phải lúc nào cũng diễn tiến cách dễ dàng.

Những khó khăn này không nhất thiết gây tổn hại cho đời sống đức tin, trái lại còn có thể thúc đẩy lý trí tìm hiểu đức tin một cách chính xác và sâu sắc hơn. Thật vậy, các cuộc nghiên cứu và những khám phá gần đây của khoa học cũng như của sử học và triết học đã khơi lên những vấn nạn mới, có ảnh hưởng đến chính cuộc sống, và đòi hỏi các nhà thần học phải nghiên cứu nhiều hơn nữa. Do đó, các nhà thần học, trong khi vẫn trung thành với những phương pháp và yêu cầu riêng của khoa thần học, được mời gọi luôn tìm kiếm một phương thức thích hợp hơn để truyền thông giáo lý cho người đương thời, vì một đảng là kho tàng đức tin hay là các chân lý, một đảng là phương thức diễn đạt theo đúng ý nghĩa và nội dung của các chân lý ấy¹². Trong hoạt động mục vụ, phải hiểu một cách đầy đủ và áp dụng không những các nguyên tắc thần học, nhưng cả những phát minh của các khoa học trần thế, nhất là khoa tâm lý và xã hội học, sao cho các tín hữu được hướng dẫn để có đời sống đức tin tinh ròng và trưởng thành hơn.

Văn chương và nghệ thuật, theo cách thức riêng của mình, cũng có một vai trò quan trọng trong đời sống Giáo Hội. Thật vậy, văn chương và nghệ thuật tìm cách diễn đạt bản tính nhân văn cũng như các vấn đề và kinh nghiệm của con người, trong nỗ lực nhận biết và hoàn thiện chính mình cũng như cả thế giới; văn chương và nghệ thuật cũng nỗ lực khám phá vị trí của con người trong lịch sử và vũ trụ, giải bày những nỗi khổ và niềm vui, những nhu cầu và năng lực của con người, đồng thời phác họa một vận mệnh tốt đẹp hơn cho con người. Như thế, văn chương và nghệ thuật có thể nâng cao đời sống nhân loại, được diễn tả dưới nhiều hình thức, tùy từng thời đại và từng địa phương khác nhau.

Vì thế, cần phải làm sao để các văn nghệ sĩ cảm thấy rằng Giáo Hội vẫn lưu tâm đến hoạt động của họ và trong tự do chính đáng, họ có thể thực hiện những cuộc trao đổi dễ dàng hơn với cộng đồng Kitô hữu. Giáo Hội cũng nên công nhận những hình thức nghệ thuật mới, thích hợp với thời đại chúng ta, tùy theo bản chất của từng dân tộc, từng địa phương. Cũng nên đưa những hình thức nghệ thuật này vào nơi phụng vụ, theo lối diễn đạt thích nghi và phù hợp với phụng vụ, để giúp con người nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa¹³.

Như thế, những nhận thức về Thiên Chúa được biểu lộ rõ nét hơn, việc rao giảng Tin Mừng trở nên dễ hiểu hơn, và như gần gũi hơn với cuộc sống của con người.

Bởi vậy, các tín hữu phải sống liên kết hết sức chặt chẽ với những người đương thời, và để tâm tìm hiểu tường tận lối suy tư và cảm nghĩ đã được diễn tả qua những tinh hoa văn hóa. Các tín hữu phải biết phối hợp những kiến thức khoa học và học thuyết mới cũng như những phát minh mới mẻ cùng với nếp sống và giáo lý Kitô giáo, để cảm thức tôn giáo và tâm hồn chính trực của họ sẽ song hành với kiến thức khoa học và kỹ thuật mỗi ngày một tiến bộ, và nhờ đó, họ có thể nhận định và giải thích mọi sự với lối cảm nghĩ hoàn toàn Kitô giáo.

Những vị chuyên gia thần học trong các chủng viện và đại học nên tích cực cộng tác qua việc hợp lực và trao đổi ý kiến với những người am tường các khoa học khác. Công cuộc nghiên cứu thần học, trong khi tìm hiểu sâu xa hơn về chân lý mạc khải, không được tách rời khỏi thời đại của mình, để từ đó có thể giúp những người có trình độ cao trong các bộ môn khác hiểu biết đức tin đầy đủ hơn. Việc hợp tác này sẽ giúp ích nhiều cho việc đào tạo các thừa tác viên thi hành thánh vụ, những người có khả năng diễn giải giáo lý về Thiên Chúa, về con người và thế giới một cách thích hợp với thời đại chúng ta hơn, nhờ đó, lời họ rao giảng cũng được đón nhận dễ dàng hơn¹⁴. Hơn nữa, cũng mong sao có nhiều giáo dân được học hỏi về các khoa học thánh, và có được nhiều người chuyên tâm nghiên cứu và đào sâu những môn học này. Tuy nhiên, để các tín

¹² X. GIOAN XXIII, *Diễn văn khai mạc Công Đồng*, 11.10.1962: AAS 54 (1962), tr. 792.

¹³ X. CD VATICAN II, *Hiến chế về Phụng vụ thánh Sacrosanctum Concilium*, 123; PHAOLÔ VI, *Discorso agli artisti romani*, 7.5.1964: 56 (1964), tr. 439-442.

¹⁴ X. CD VATICAN II, *Sắc lệnh về Đào tạo linh mục Optatum Totius* và *Tuyên ngôn về Giáo dục Kitô giáo Gravissimum Educationis*.

hữu, giáo sĩ hoặc giáo dân, có thể làm tròn bổn phận của mình, họ cần có đủ tự do để nghiên cứu, suy tư, cũng như để khiêm tốn và mạnh dạn trình bày quan điểm trong lãnh vực chuyên môn của họ¹⁵.

VỀ MỤC LỤC

Chương Hai Laudato Si' : TIN MỪNG CỦA VIỆC SÁNG TẠO

ĐỨC GIÁO HOÀNG PHANXICÔ LAUDATO SI'



THÔNGIỆP VỀ “VIỆC BẢO VỆ NGÔI NHÀ CHUNG”

*Linh mục Phêrô Phan Văn Lợi dịch
từ bản tiếng Pháp của Vatican.va*

CHƯƠNG HAI TIN MỪNG CỦA VIỆC SÁNG TẠO

62. Tại sao trong bản văn này, được gởi đến cho mọi người thiện chí, lại đưa vào một chương trưng dẫn nhiều xác tín đức tin ? Tôi biết rõ rằng trong các lãnh vực chính trị và tư tưởng, một số người mạnh mẽ loại bỏ ý tưởng về một Đấng Tạo Hóa, hay xem đó là không quan trọng, đến độ đẩy vào trong lãnh vực phi lý sự phong phú mà các tôn giáo có thể cống hiến cho một sinh thái học trọn vẹn và cho một sự phát triển nhân loại tròn đầy. Nhiều lần khác, người ta xem các tôn giáo chỉ là một thứ văn hóa thấp kém, chỉ đáng được chiếu cố khoan dung. Tuy nhiên, khoa học và tôn giáo, vốn đề ra nhiều kiểu tiếp cận thực tại khác biệt nhau, có thể bước vào một cuộc đối thoại quan trọng và phong phú cho cả hai.

¹⁵ X. CD VATICAN II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 37.

I. ÁNH SÁNG DO NIỀM TIN MANG ĐẾN

63. Khi tính đến sự phức tạp của cơn khủng hoảng sinh thái học và vô vàn nguyên nhân của nó, chúng ta phải công nhận rằng các giải pháp không thể đến từ một cách thể giải thích và biến đổi thực tại duy nhất. Cũng cần nhớ tới các tài sản văn hóa khác nhau của các dân tộc, đến nghệ thuật và thi ca, đến đời sống nội tâm và linh đạo. Nếu chúng ta thật sự tìm cách xây dựng một sinh thái học cho phép chúng ta khôi phục những gì mình đã hủy hoại, thì lúc ấy không một ngành khoa học nào và không một hình thức khôn ngoan nào được bỏ qua, cả khôn ngoan tôn giáo với ngôn ngữ riêng của nó. Hơn nữa, Giáo hội Công giáo sẵn lòng đối thoại với tư tưởng triết học và điều đó đã giúp Giáo hội sản sinh được nhiều tổng hợp khác nhau giữa đức tin và lý trí. Về những gì liên quan đến các vấn đề xã hội, điều ấy có thể nhận thấy trong sự phát triển giáo huấn xã hội của Giáo hội; giáo huấn này được mời gọi phong phú hóa thêm mãi từ những thách thức mới.

64. Mặt khác, cho dầu Thông điệp này mở lòng đối thoại với tất cả mọi người để cùng nhau tìm những con đường giải thoát, ngay từ đầu tôi vẫn muốn cho thấy rằng làm sao các xác tín của đức tin công hiến cho các Kitô hữu cũng như các tín đồ khác nhiều động lực quan trọng để bảo vệ thiên nhiên và các anh chị em yếu đuối nhất. Nếu nguyên sự kiện làm người đã thúc đẩy loài người phải chăm sóc môi trường mà mình thuộc về, thì các Kitô hữu càng biết rõ rằng bổn phận của họ bên trong tạo vật và trách nhiệm của họ đối với thiên nhiên và đối với Đấng Sáng Tạo là một thành phần của đức tin họ [36]. Vì thế, một điều tốt lành cho nhân loại và cho thế giới là chúng ta, những tín hữu, nhận rõ hơn nữa các dẫn thân sinh thái học xuất phát từ các xác tín của chúng ta.

II. SỰ KHÔN NGOAN CỦA CÁC TRÌNH THUẬT KINH THÁNH

65. Không lập lại ở đây toàn bộ thần học về Sáng tạo, chúng ta tự hỏi các đại trình thuật Thánh kinh nói gì về sự sáng tạo và về liên hệ giữa con người với thế giới. Nơi trình thuật đầu tiên về công trình sáng tạo trong sách Sáng thế, chương trình của Thiên Chúa bao gồm việc sáng tạo con người. Sau khi tạo dựng con người, có câu nói: “Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp” (St 1,31). Thánh kinh dạy rằng mỗi con người đều được sáng tạo từ tình yêu, theo hình ảnh và giống Thiên Chúa (x. St 1,26). Khẳng định này cho chúng ta thấy phẩm giá rất lớn lao của từng con người, “vốn không chỉ là một vật nào đó, nhưng còn là một ai đó. Nó có khả năng biết mình, làm chủ mình, hiến mình cách tự do và bước vào thông hiệp với những người khác” [37]. Thánh Gioan-Phaolô II đã nhắc nhở rằng tình yêu rất đặc biệt mà Đấng Sáng Tạo dành cho từng con người, ban cho họ một phẩm giá vô biên [38]. Những ai dẫn thân bảo vệ nhân phẩm có thể tìm được trong niềm tin Kitô giáo những luận cứ sâu xa nhất cho sự dẫn thân này. Tuyệt vời biết bao niềm xác tín rằng sự sống của mỗi con người không chìm đi trong một hỗn mang vô vọng, trong một thế giới bị cai quản bởi ngẫu nhiên thuần túy hay bởi những chu kỳ cứ lặp đi lặp lại cách phi lý! Đấng Sáng Tạo có thể nói với mỗi người trong chúng ta: “Trước khi cho người thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết người” (Gr 1,5). Chúng ta đã được cứu mang trong trái tim của Thiên Chúa, và vì thế, “mỗi người trong chúng ta là kết quả của một tư tưởng của Thiên Chúa. Mỗi người trong chúng ta đều được muốn, mỗi người đều được yêu và mỗi người đều cần thiết.” [39].

66. Các trình thuật về việc tạo dựng nơi sách Sáng thế chứa đựng trong ngôn ngữ biểu tượng và kể chuyện của chúng nhiều giáo huấn sâu xa về cuộc sống con người và thực tại lịch sử của họ. Các trình thuật này gợi ý rằng cuộc sống con người dựa trên ba mối liên hệ căn bản, gắn kết mật thiết với nhau: liên hệ với Thiên Chúa, với tha nhân và với đất đai. Theo Thánh kinh, ba liên hệ sinh tử này đã bị cắt đứt không chỉ bên ngoài, nhưng cả bên trong chúng ta. Sự gãy đổ này là tội lỗi. Sự hài hòa giữa Tạo Hóa, nhân loại và toàn thể tạo vật đã bị phá hủy bởi sự kiện chúng ta đã muốn thay thế vị trí của Thiên Chúa, bằng cách từ chối công nhận mình như những thụ tạo hữu hạn. Sự kiện này cũng đã làm biến tính sứ mệnh “thống trị” mặt đất (x. St 1, 28) “cày cấy và canh giữ đất đai” (x. St 2,15). Hậu quả là liên hệ hài hòa từ nguyên thủy giữa con người với thiên nhiên đã trở thành xung đột (x. St 3,17-19). Vì lý do đó, thật ý nghĩa khi

sự hòa hợp mà thánh Phaxicô Assidi từng sống với vạn vật đã được giải thích như một cách thuyên chữa sự đổ vỡ này. Thánh Bonaventura từng nói rằng qua việc hòa giải trọn vẹn với tất cả mọi thụ tạo, thánh Phaxicô cách nào đó đã trở lại với tình trạng vô tội nguyên thủy” [40]. Thay vì theo tấm gương này, tội lỗi hôm nay tự biểu lộ với tất cả sức mạnh tàn phá của nó trong những cuộc chiến tranh, dưới nhiều hình thức bạo lực và ngược đãi, trong việc bỏ rơi những gì mong manh yếu đuối nhất, trong những cuộc tấn công vào thiên nhiên.

67. Chúng ta không phải là Thiên Chúa. Trái đất có trước chúng ta và đã được ban cho chúng ta. Điều này cho phép trả lời một kết án đưa ra chống lại tư tưởng Do Thái-Kitô giáo : đã có nói rằng từ trình thuật Sáng thế mời gọi “thống trị” trái đất (x. St 1,28), người ta hẳn cố vũ việc khai thác thiên nhiên cách thô bạo khi trình bày một hình ảnh con người như kẻ thống trị và hủy diệt. Đây không phải là cách giải thích Thánh kinh đúng đắn, như Giáo hội hiểu. Nếu đúng là đôi khi, Kitô hữu chúng ta đã giải thích sai Thánh kinh, ngày nay chúng ta phải mạnh mẽ từ bỏ ý tưởng cho rằng từ sự kiện được sáng tạo theo hình ảnh của Thiên Chúa và từ nhiệm vụ làm chủ trái đất, chúng ta được một quyền thống trị tuyệt đối trên các tạo vật khác. Cần phải đọc các văn bản Thánh kinh trong văn mạch của chúng, với một sự chú giải thích hợp, và phải nhớ rằng chúng mời gọi chúng ta “cày cấy” và “canh giữ” khu vườn của thế giới (x. St 2,15). Đang khi “cày cấy” có nghĩa là cày xới, khai hoang hay tác động, thì “canh giữ” có nghĩa là bảo vệ, che chở, giữ gìn, chăm sóc, trông chừng. Điều này bao hàm một liên hệ hỗ tương giữa con người với thiên nhiên. Mỗi cộng đoàn có thể lấy ra từ đất lành những gì cần thiết cho mình để sống, nhưng cũng có nhiệm vụ bảo vệ nó và bảo đảm duy trì sự phì nhiêu của nó cho thế hệ tương lai; vì rốt cục “Chúa làm chủ trái đất thuộc” (Tv 245,1), “làm chủ cõi đất và mọi loài trong đó” (Đnl 10,14). Vì lý do ấy, Thiên Chúa phủ nhận mọi ý đồ sở hữu tuyệt đối : “Đất thì không được bán đứt, vì đất là của Ta, còn các người chỉ là ngoại kiều, là khách trọ nhà Ta” (Lv 25,23).

68. Trách nhiệm như thế đối với một trái đất thuộc về Thiên Chúa, bao hàm việc con người được phú ban sự thông minh phải tôn trọng các định luật của thiên nhiên và các quân bình tế nhị giữa những hữu thể của thế giới này, vì “Người ra lệnh, là hết thảy được tạo thành. Người định nơi cho tất cả đến muôn đời muôn thuở, ban truyền lề luật, luật đó chẳng hề qua” (Tv 148, 5b-6). Vì thế, pháp chế Thánh kinh nhấn nhá trong việc đề ra cho con người nhiều quy tắc khác nhau, không những trong liên hệ với đồng loại, nhưng cả trong liên hệ với các sinh vật khác : “Khi anh (em) thấy lừa hay bò của người anh em mình ngã trên đường, thì đừng bỏ mặc làm ngơ, nhưng phải giúp người anh em đỡ chúng dậy...Nếu trên đường đi, anh (em) gặp một tổ chim, ở trên bất cứ cây nào hay ở dưới đất, trong đó có chim con hoặc trứng, và chim mẹ đang ủ chim con hay ấp trứng, thì anh (em) không được bắt cả mẹ lẫn con” (Đnl 22,4.6). Trong viễn tượng này, sự nghỉ ngơi ngày thứ bảy không chỉ được đề nghị cho con người, nhưng cũng “để bò lừa của người được nghỉ ngơi” (Xh 23, 12). Như thế, chúng ta nhận thấy Thánh Kinh không khiến sinh ra một quy nhân thuyết độc tài bất quan tâm đến các tạo vật khác.

69. Trong khi có thể sử dụng vạn vật một cách có trách nhiệm, chúng ta được mời gọi thừa nhận rằng các sinh vật khác cũng có một giá trị riêng trước Thiên Chúa và “qua sự hiện hữu đơn giản của mình, chúng chúc tụng và tôn vinh” Người [41], vì “công trình Chúa làm Chúa được hân hoan” (Tv 104, 31). Chính vì phẩm giá độc nhất của mình và việc được ban lý trí, con người được kêu gọi tôn trọng tạo vật với các định luật nội tại của chúng, vì “Đức Chúa dùng khôn ngoan đặt nền cho trái đất” (Cn 3,19). Ngày nay Giáo hội không chỉ nói rằng các tạo vật khác hoàn toàn tùy thuộc vào thiện ích của con người, như thể chúng chẳng có giá trị tự nội nào và chúng ta có thể sử dụng chúng tùy ý. Vì thế các Giám Mục nước Đức đã dạy về các thụ tạo khác rằng “người ta có thể nói *sự hiện hữu ưu tiên hơn sự hữu ích*” [42]. Sách Giáo lý, một cách trực tiếp và mạnh mẽ, đã đặt lại vấn đề thuyết qui nhân lệch lạc: “Mỗi tạo vật đều có sự thiện hảo riêng của mình [...] Các thụ tạo khác nhau, được muốn trong hữu thể riêng của chúng, phản ánh mỗi vật mỗi cách một tia sáng của sự khôn ngoan và sự tốt lành vô biên của Thiên Chúa. Chính vì thế, con người phải tôn trọng sự tốt lành riêng của mỗi tạo vật để tránh sử dụng chúng một cách vô trật tự” [43].

70. Trong trình thuật về Cain và Abel, chúng ta thấy sự ganh tị đã dẫn Cain đến chỗ phạm bất công quá đáng đối với em mình. Đến lượt nó, điều này đã gây nên một sự cắt đứt liên hệ giữa Cain với Thiên Chúa và giữa Cain với mảnh đất mà anh ta đã bị đuổi khỏi. Đoạn văn này được tóm kết trong cuộc đối thoại bí ẩn giữa Cain với Thiên Chúa. Thiên Chúa hỏi : “Em người đâu ?” Cain trả lời y không biết và Thiên Chúa nhấn mạnh : “Người đã làm gì vậy ? Từ dưới đất, tiếng máu của em người đang kêu lên Ta. Giờ đây người bị nguyên rủa và bị đuổi ra khỏi mảnh đất màu mỡ” (St 4, 9-11). Sự chênh lệch trong trách nhiệm vun đắp và gìn giữ một mối liên hệ thích đáng với người bên cạnh, với người mà tôi có bổn phận chú tâm và che chở, sự chênh lệch đó phá vỡ mối liên hệ bên trong với chính tôi, với những kẻ khác, với Thiên Chúa và với trái đất. Khi mọi liên hệ này bị coi thường, khi công lý chẳng còn cư ngụ trái đất, thì Thánh kinh nói với chúng ta rằng toàn bộ sự sống gặp nguy hiểm. Đó là điều mà trình thuật về Noê dạy chúng ta, khi Thiên Chúa hăm dọa tiêu diệt nhân loại vì nó thường bất lực sống ngang tầm những đòi buộc về công lý và hòa bình : “Ta đã quyết định giờ tận số của mọi xác phàm, vì tại chúng mà đất đầy bạo lực” (St 6, 13). Trong các trình thuật cổ xưa ấy, vay mượn từ lối biểu tượng sâu xa, đã có mặt một xác tín hiện thời: tất cả đều liên kết với nhau và việc bảo vệ đích thực cho sự sống riêng của chúng ta cũng như cho mọi liên hệ của chúng ta với thiên nhiên không tách khỏi tình huynh đệ, sự công bằng cũng như lòng trung tín với kẻ khác.

71. Cho dầu “sự gian ác của con người quá là nhiều trên mặt đất” (St 6,5) và Thiên Chúa “hối hận vì đã làm ra con người trên mặt đất” (St 6,6), tuy thế Người đã quyết định mở một con đường cứu độ qua Noê, kẻ vẫn quang minh và công chính. Như thế, Người đã ban cho nhân loại khả năng thực hiện một khởi đầu mới : chỉ cần một kẻ tốt lành là có hy vọng! Truyền thống Thánh kinh xác lập rõ ràng rằng sự khôi phục ấy bao hàm việc tái khám phá và tôn trọng các chu kỳ được chính bàn tay Thiên Chúa ghi khắc vào trong thiên nhiên. Điều này có thể thấy, ví dụ trong luật ngày Sa-bát. Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã ngưng mọi công trình của Người. Người đã ra lệnh cho Israen rằng mỗi ngày thứ bảy phải là một ngày nghỉ, ngày *Sa-bát* (x. St 2, 2-3 ; Xh 16, 23 ; 20, 10). Ngoài ra, một năm sa-bát cũng đã được thiết lập cho dân Israen và cho cả đất đai của họ cứ mỗi bảy năm (x. Lv 25, 1-4). Trong năm đó đất được hoàn toàn nghỉ ngơi; người ta không gieo cấy, chỉ thu hoạch những gì cần thiết để sống và tiếp khách (x. Lv 25, 4-6). Cuối cùng, sau bảy tuần năm, nghĩa là sau bốn mươi chín năm, Năm Toàn xá được cử hành, năm tha thứ tất cả và “ân xá cho mọi cư dân” (Lv 25,10). Việc phát triển pháp chế này đã tìm cách bảo đảm sự quân bình và bình đẳng trong các liên hệ giữa con người với đồng loại và với đất đai nơi mình từng sống và làm việc. Đồng thời đó cũng từng là sự công nhận rằng quà tặng đất đai, với các hoa trái của nó, thuộc về toàn dân. Những ai từng canh tác và gìn giữ đất đai phải chia sẻ hoa quả, đặc biệt cho các kẻ nghèo, các bà góa, các trẻ mồ côi và khách lạ : “Khi các người gặt lúa trong đất của các người, (các) người không được gặt tới sát bờ ruộng ; lúa gặt sót, (các) người không được mót. Vườn nho (các) người, (các) người không được hái lại, những trái rớt, (các) người sẽ bỏ lại cho người nghèo và ngoại kiều. Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của các người” (Lv 19, 9-10).

72. Các Thánh vịnh năng mời gọi con người ta tụng Thiên Chúa Tào Hóa, “Đấng trải mặt đất này trên làn nước bao la, muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương” (Tv 136,6). Nhưng chúng cũng mời gọi mọi tạo vật khác ca tụng Người: “Ca tụng Chúa đi, này vàng ô bóng nguyệt, ca tụng Người, muôn tinh tú rạng soi. Ca tụng Chúa đi, hỡi cửu trùng cao vút, cả khối nước phía trên bầu trời. Nào ca tụng Thánh Danh Đức Chúa, vì Người ra lệnh, là hết thảy được tạo thành” (Tv 148, 3-5). Chúng ta hiện hữu không chỉ nhờ quyền năng Thiên Chúa, nhưng cũng trước mặt Người và bên cạnh Người. Vì thế chúng ta thờ lạy Người.

73. Tác phẩm của các ngôn sứ thì mời gọi tìm lại sức mạnh trong những lúc khó khăn, bằng cách chiêm ngắm vị Thiên Chúa toàn năng đã tạo thành vũ trụ. Quyền lực vô biên của Thiên Chúa không khiến chúng ta trốn chạy tình âu yếm hiện phụ của Người, vì trong Người lòng mến thương và sự mạnh mẽ kết hợp với nhau. Thật vậy, mọi nền linh đạo lành mạnh cùng lúc bao hàm việc đón nhận tình yêu của Thiên Chúa và việc tin tưởng thờ lạy Đức Chúa vì

quyền năng vô biên của Người. Trong Thánh Kinh, vị Thiên Chúa giải thoát và cứu độ, cũng chính là Đấng đã tạo dựng vũ trụ, và hai cách hành động thần linh này liên kết với nhau sâu sắc và chặt chẽ : “Lạy Đức Chúa, Chúa Thượng của con ! này Ngài đã tạo thành trời đất bằng sức mạnh vĩ đại và cách tay uy quyền của Ngài. Không có gì mà Ngài không làm được ! [...], Ngài đã dùng dầu lạ điền thiêng, đã giương bàn tay mạnh mẽ và cánh tay uy quyền... mà đưa dân Ngài là Israel ra khỏi Ai Cập” (Gr 32, 17.21). “Đức Chúa là Thiên Chúa vĩnh cửu, là Đấng sáng tạo toàn cõi đất. Người không mệt mỏi, chẳng nhọc nhằn, trí thông minh của Người không dò thấu. Người ban sức mạnh cho ai mệt mỏi, kẻ kiệt lực, Người làm cho nên cường tráng.” (Is 40, 28b-29).

74. Kinh nghiệm cuộc lưu đày ở Babylon đã làm phát sinh một cơn khủng hoảng thiêng liêng vốn đã cổ vũ việc đào sâu niềm tin vào Thiên Chúa, nói rõ sự toàn năng sáng tạo của Người, để khích lệ dân tìm lại hy vọng trong hoàn cảnh khốn khổ của họ. Nhiều thế kỷ sau, trong một lúc thử thách và bách hại khác, khi đế quốc Rô-ma tìm cách áp đặt một sự thống trị tuyệt đối, các tín hữu đã tìm lại được an ủi và hy vọng bằng cách lớn lên trong niềm tin tưởng vào Thiên Chúa toàn năng, và họ từng ca hát : “Lạy Chúa là Thiên Chúa Toàn Năng, sự nghiệp Ngài thật lớn lao kỳ diệu ! Lạy Đức Vua trị vì muôn nước, đường lối Ngài quả chân thật công minh” (Kh 15,3). Nếu Người đã có thể sáng tạo vũ trụ từ hư vô, Người cũng có thể can thiệp trong thế giới này và chiến thắng sự dữ dưới mọi hình thức. Vì thế, sự bất công không phải là vô địch.

75. Chúng ta không thể có một linh đạo lãng quên Thiên Chúa toàn năng và sáng tạo. Bằng không, rốt cục chúng ta sẽ tôn thờ các quyền lực khác của thế giới, hay chính chúng ta sẽ chiếm chỗ của Chúa đến độ muốn giẫm lên thực tại do Người sáng tạo mà chẳng biết giới hạn nào. Cách thức tốt nhất để đặt con người đúng vị trí của mình và chấm dứt các tham vọng của nó muốn làm kẻ thống trị tuyệt đối trên trái đất, đó là đưa ra hình ảnh một người Cha Tạo Hóa và Chủ tể độc nhất của thế giới, vì nếu không, con người sẽ luôn có xu hướng áp đặt lên thực tại các luật lệ và lợi ích của mình.

III. MÀU NHIỆM CỦA VŨ TRỤ

76. Đối với truyền thống Do Thái-Kitô giáo, nói chữ “sáng tạo/tạo vật” là muốn nói nhiều hơn chữ “thiên nhiên”, vì có một liên hệ với dự phóng tình yêu của Thiên Chúa, trong đó mỗi tạo vật đều có một giá trị và một ý nghĩa riêng. Thiên nhiên thường được hiểu như một hệ thống mà người ta phân tách, tìm hiểu và quản lý, thế nhưng sáng tạo/tạo vật chỉ có thể được hiểu như một quà tặng đến từ bàn tay rộng mở của Cha mọi người, như một thực tại được soi sáng bởi thứ tình mời gọi chúng ta bước vào một sự hiệp thông hoàn vũ.

77. “Một lời Chúa phán làm ra chín tầng trời” (Tv 33,6). Câu đó như thế chỉ ra cho chúng ta rằng thế giới phát xuất từ một quyết định chứ không từ hỗn mang hay ngẫu nhiên, và điều này nâng cao nó hơn nữa. Trong lời sáng tạo có một chọn lựa tự do được biểu lộ. Vũ trụ đã không nổi lên như kết quả của một quyền lực độc đoán, một biểu dương sức mạnh hay một ước muốn khẳng định mình. Sáng tạo thuộc trật tự tình yêu. Tình yêu của Thiên Chúa là lý do nền tảng của toàn thể sáng tạo : “Quả thế, Chúa yêu thương mọi loài hiện hữu, không ghê tởm bất cứ loài nào Chúa đã làm ra, vì giả như Chúa ghét loài nào, thì đã chẳng dựng nên nó” (Kn 11, 24). Mỗi tạo vật đều là đối tượng lòng âu yếm của Cha, Đấng ban cho nó một vị trí trong thế giới. Ngay cả sự sống phù du của hữu thể vô nghĩa nhất cũng là đối tượng của tình yêu Người, và trong ít giây hiện hữu ấy của nó, Người vẫn lấy tình yêu thương bao bọc nó. Thánh Basiliô Cả từng nói rằng Đấng Sáng Tạo là cũng là “lòng tốt vô bờ bến”[44], và Dante Alighieri từng nói đến “tình yêu chuyển động mặt trời và các ngôi sao” [45]. Vì thế từ những công trình đã được tạo dựng, người ta hướng lên “lòng thương xót đầy tình yêu của Người”[46].

78. Đồng thời, tư tưởng Do Thái-Kitô giáo cũng đã làm thiên nhiên mất tính chất huyền thoại. Dù không ngừng chiêm ngắm nó vì sự huy hoàng và bao la của nó, tư tưởng Do Thái-

Kitô giáo đã không gán cho nó một tính chất thần linh nào. Như thế, việc dần thân của chúng ta đối với thiên nhiên càng được giải thích rõ. Việc quay về với thiên nhiên không được thực hiện với cái giá là tự do và trách nhiệm của con người, vì con người cũng thuộc thế giới với nhiệm vụ trau dồi các khả năng của mình để che chở nó và phát triển các tiềm năng của nó. Nếu chúng ta thừa nhận giá trị và sự mong manh của thiên nhiên và đồng thời những khả năng mà Tạo Hóa đã trao ban cho chúng ta, thì điều đó cho phép chúng ta hôm nay chấm dứt tân huyền thoại về tiến bộ vật chất vô giới hạn. Một thế giới mong manh, với một con người mà Thiên Chúa trao nhiệm vụ chăm sóc nó, chất vấn trí tuệ của chúng ta để nhận thấy chúng ta phải định hướng, trau dồi và giới hạn quyền lực của chúng ta như thế nào.

79. Trong vũ trụ này, được cấu thành bằng nhiều hệ thống mở vốn đi vào thông giao với nhau, chúng ta có thể khám phá ra vô số hình thức quan hệ và tham dự. Điều đó cũng khiến nghĩ đến toàn thể vũ trụ như một cái gì đó mở ra với sự siêu việt của Thiên Chúa, trong đó nó được phát triển. Đức tin cho phép chúng ta giải thích ý nghĩa và vẻ đẹp màu nhiệm của những gì đang đến. Tự do con người có thể cống hiến sự đóng góp thông minh của mình cho một cuộc tiến hóa tích cực, nhưng nó cũng có thể là nguồn gốc của nhiều điều xấu mới, nhiều nguyên nhân đau khổ mới và nhiều suy thoái đích thực. Điều này gây nên lịch sử thú vị và bi thảm của con người, một lịch sử có khả năng biến thành việc triển khai sự giải phóng, tăng trưởng, cứu độ và yêu thương hay thành một con đường suy thoái và hủy hoại lẫn nhau. Vì thế, hành động của Giáo Hội là không chỉ cố gắng nhắc nhở bốn phận chăm sóc thiên nhiên, nhưng “đồng thời cũng phải đặc biệt bảo vệ con người khỏi tự hủy hoại”[47].

80. Tuy nhiên, Thiên Chúa, Đấng muốn hành động với chúng ta và tin tưởng vào sự cộng tác của chúng ta, cũng có thể rút ra cái gì đó tốt lành từ điều xấu chúng ta phạm, vì “Thánh Thần có một sức tưởng tượng vô biên, thuộc riêng Thần Trí, biết tiên liệu và giải quyết các vấn đề của những chuyện phạm nhân, kể cả những chuyện phức tạp nhất và khó xâm nhập nhất” [48]. Người đã muốn tự giới hạn chính mình cách nào đó khi sáng tạo ra một thế giới cần có sự phát triển, nơi nhiều sự vật mà chúng ta coi là xấu xa, nguy hiểm hay là nguồn đau khổ, trong thực tế là những cơn đau đớn của sự chuyển dạ thúc giục chúng ta cộng tác với Đấng Tạo Hóa. [49]. Người hiện diện ở chỗ thâm sâu nhất của vạn vật, không điều kiện hóa sự độc lập của thụ tạo Người, và điều đó tạo ra sự độc lập chính đáng của các thực tại trần gian [50]. Sự hiện diện thần linh này, vốn đảm bảo cho sự trường tồn và phát triển của mọi hữu thể, “chính là sự tiếp tục hành động sáng tạo” [51]. Thần Khí Thiên Chúa đã đổ đầy vũ trụ nhiều tiềm năng cho phép rằng ngay giữa lòng tạo vật, một cái gì đó mới mẻ có thể xuất hiện: “Thiên nhiên không gì khác là sự hiểu biết một nghệ thuật nào đó, cụ thể là nghệ thuật thần linh in vào trong vạn vật và nhờ đó chính vạn vật chuyển động đến một cùng đích xác định. Như thế nghệ nhân đóng tàu có thể ban cho gỗ khả năng tự biến đổi chính nó để mang hình dạng con tàu.”[52].

81. Cho dù con người cũng giả thiết nhiều quá trình tiến hóa, nó cũng bao hàm một sự mới mẻ vốn không hoàn toàn giải thích được bằng sự tiến triển của các hệ thống mở khác. Mỗi người chúng ta tự thân đều có một căn tính cá nhân, có thể đi vào đối thoại với những kẻ khác và với chính Thiên Chúa. Khả năng suy tư, lý luận, sáng tạo, giải thích, sáng tác nghệ thuật cũng như nhiều khả năng độc đáo khác, cho thấy một tính cách đặc biệt, siêu vượt lãnh vực thể lý và sinh học. Sự mới mẻ về phẩm vốn bao hàm sự chỗi dậy của một hữu thể hữu ngã trong vũ trụ vật chất, giả thiết một hành động trực tiếp của Thiên Chúa, một lời mời gọi đặc biệt đi vào cuộc sống và vào tương quan anh-tôi, tôi-anh. Từ các trình thuật của Thánh Kinh, chúng ta nhận thấy con người là như một chủ thể, không bao giờ có thể bị giản lược vào phạm trù đối tượng.

82. Nhưng cũng sẽ sai lầm nếu nghĩ rằng các sinh vật khác phải bị xem như các đối tượng thuần túy, chịu sự thống trị độc đoán của con người. Khi người ta đề nghị xem thiên nhiên chỉ như đối tượng hữu dụng, điều đó cũng có nhiều hậu quả quan trọng trên xã hội. Quan niệm củng cố sự tùy tiện của kẻ mạnh hơn đã cổ vũ cho nhiều sự bất bình đẳng, bất công và

bạo lực vô biên trên phần đông loài người, vì những tài nguyên rốt cục thuộc về kẻ đầu tiên đến hay có quyền lực nhất: người chiến thắng mang đi tất cả. Lý tưởng hòa hợp, công bằng, huynh đệ và hòa bình mà Đức Giêsu đề nghị, đối nghịch lại với một mô hình như thế, và trong niềm tôn trọng các giới chức thời mình, Người từng giải thích điều đó như sau : “Anh em biết : thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Giữa anh em thì không được như vậy : Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ anh em” (Mt 20, 25-26).

83. Kết thúc cuộc hành trình của vũ trụ nằm nơi sự viên mãn của Thiên Chúa, vốn đã được đạt tới bởi Đức Kitô phục sinh, trực chính của quá trình thành thực vũ trụ [53]. Chúng ta như thế thêm một lập luận nữa để phủ nhận mọi thống trị chuyên chế và vô trách nhiệm của con người trên các thụ tạo khác. Mục đích tối hậu của các thụ tạo khác không phải là chúng ta. Nhưng tất cả chúng tiến tới với chúng ta và qua chúng ta, đến kết điểm chung là chính Thiên Chúa, trong một sự viên mãn siêu việt, nơi Đức Kitô phục sinh ôm lấy và soi sáng tất cả; vì con người, được phú ban trí tuệ và tình yêu, được lôi kéo bởi sự viên mãn của Đức Kitô, thì được kêu gọi để dẫn mọi thụ tạo trở về với Tạo Hóa của chúng.

IV. SỨ ĐIỆP CỦA TỪNG THỤ TẠO TRONG SỰ HÀI HÒA CỦA TOÀN THỂ SÁNG TẠO

84. Khi chúng ta nhấn mạnh rằng con người là hình ảnh của Thiên Chúa, điều đó không được khiến chúng ta quên rằng mỗi thụ tạo đều có một chức năng và chẳng thụ tạo nào dư thừa cả. Toàn bộ vũ trụ vật chất là một ngôn ngữ của tình thương Thiên Chúa, sự âu yếm vô tận của Người đối với chúng ta. Đất, nước, núi non – tất cả đều là sự mơn trớn của Thiên Chúa. Lịch sử tình thân của mỗi người với Thiên Chúa luôn diễn ra trong một không gian địa lý, vốn tự biến thành một dấu chỉ hoàn toàn cá nhân, và mỗi người trong chúng ta đều giữ trong ký ức những nơi mà khi nhớ lại thì tạo cho mình nhiều điều tốt đẹp. Ai đã lớn lên trong vùng núi, hay khi còn bé từng ngồi uống nước bên bờ suối, hay từng chơi trên một quảng trường của khu phố mình, khi trở về những nơi ấy, đều cảm thấy được kêu gọi tìm lại căn tính của mình.

85. Thiên Chúa đã viết một quyển sách hay “mà các từ chính là vô số tạo vật hiện diện trong vũ trụ” [54]. Các Giám mục Canada đã có lý khi nhấn mạnh rằng không có thụ tạo nào nằm ngoài sự biểu lộ ấy của Thiên Chúa : “Từ những toàn cảnh rộng lớn nhất cho đến dạng thức sống nhỏ bé nhất, thiên nhiên luôn là một nguồn thần phục và kinh sợ. Ngoài ra, nó là một mạc khải liên tục về cái thần linh” [55]. Các Giám mục Nhật Bản, về phần mình, cũng đã nhắc lại một điểm đầy gợi ý: “Nghe mỗi thụ tạo hát lên bài thánh ca về sự hiện hữu của mình, đó là sống vui tươi trong tình yêu Thiên Chúa và trong hy vọng” [56]. Việc chiêm ngắm tạo vật như thế giúp chúng ta khám phá qua mỗi vật một giáo huấn mà Thiên Chúa muốn truyền cho chúng ta, vì “đối với tín hữu, chiêm ngắm tạo vật cũng là nghe một sứ điệp, một tiếng nói nghịch lý và thỉnh lặng” [57]. Chúng ta có thể khẳng định rằng “bên cạnh mạc khải đúng nghĩa chứa đựng trong Thánh kinh, cũng có một biểu lộ thần linh trong mặt trời chiếu rọi cũng như trong màn đêm buông xuống” [58]. Khi chú tâm đến biểu lộ này, con người học được cách nhận ra chính mình trong mối liên hệ với các thụ tạo khác : “Tôi diễn tả mình khi diễn tả thế giới; tôi khảo sát tính thánh thiêng của tôi khi tìm hiểu tính thánh thiêng của vũ trụ”. [59]

86. Toàn thể vũ trụ với vô số liên hệ của nó, cho thấy rõ hơn sự phong phú vô tận của Thiên Chúa. Thánh Tôma Aquinô từng khôn ngoan lưu ý rằng tính phong phú và đa dạng đều “xuất phát từ ý định của tác nhân tiên khởi”, Đáng đã muốn rằng “cái gì thiếu sót nơi mỗi vật để trình bày sự tốt lành thần linh, thì được bổ túc bằng những vật khác” [60] vì “một tạo vật duy nhất không đủ trình bày cách thích hợp” [61] sự tốt lành của Người. Vì thế, chúng ta phải nắm bắt sự đa dạng của vạn vật trong vô số liên hệ của chúng” [62]. Do đó người ta hiểu hơn tầm quan trọng và ý nghĩa của bất cứ thụ tạo nào, nếu chiêm ngắm nó trong toàn thể dự phóng của Thiên Chúa. Sách Giáo lý cũng dạy như vậy: “Sự tương thuộc của các thụ tạo là do ý muốn Thiên Chúa. Mặt trời và mặt trăng, cây trúc bá và bông hoa nhỏ, phượng hoàng và se sẻ : cảnh

thiên hình vạn trạng và lớn nhỏ khác nhau của chúng nói lên rằng không thụ tạo nào tự đủ cho chính nó. Chúng chỉ hiện hữu trong sự lệ thuộc lẫn nhau, để bổ túc cho nhau và phục vụ lẫn nhau” [63].

87. Khi chúng ta ý thức rằng sự phản ảnh Thiên Chúa tìm thấy trong tất cả những gì hiện hữu, thì trái tim cảm nghiệm ước muốn tôn thờ Thiên Chúa thay cho và cùng với mọi tạo vật của Người, như được diễn tả trong thánh ca xinh đẹp của thánh Phanxicô thành Assisi :

*3 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
với muôn tạo vật của Ngài,
đặc biệt với Ông Anh Mặt Trời,
Anh là ban ngày,
nhờ Anh, Ngài soi chiếu chúng con,
4 Anh đẹp và tỏa ánh rạng ngời,
Anh là dấu chỉ về Ngài, lạy Đấng Tối Cao.
5 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
vì Chị Trăng và các ngôi sao
mà Chúa đã dựng trong bầu trời:
lung linh, quý giá và diễm lệ.
6 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
vì Anh Gió, vì Không khí và Mây trời,
cảnh thanh quang và tứ thời bát tiết,
nhờ chúng, Chúa nâng đỡ các tạo vật của Ngài.
7 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
vì Chị Nước, chị rất hữu ích và khiêm tốn,
quý hóa và trong sạch.
8 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
vì Anh Lửa,
nhờ Anh, Chúa sáng soi đêm,
Anh xinh đẹp và vui tươi,
oai hùng và mạnh mẽ. [64]*

88. Các Giám mục Braxin đã nhấn mạnh rằng toàn thể thiên nhiên ngoài việc biểu lộ Thiên Chúa, còn là một nơi để Người hiện diện. Trong mỗi thụ tạo, Thần Khí sống động của Người cư ngụ và mời gọi chúng ta quan hệ với Người [65]. Việc khám phá sự hiện diện ấy thúc đẩy chúng ta phát triển “những nhân đức sinh thái học” [66]. Nhưng khi nói lên điều ấy, chúng ta đừng quên rằng cũng có một khoảng cách vô biên giữa thiên nhiên với Tạo Hóa, và vạn vật của thế giới này không có được sự viên mãn của Thiên Chúa. Bằng không, chúng ta sẽ chẳng làm gì tốt đẹp cho các thụ tạo, vì chúng ta không nhận ra vị trí thật và riêng của chúng, và rốt cục chúng ta đòi hỏi không đúng phép nơi chúng những gì mà trong sự nhỏ bé của chúng, chúng không thể cho chúng ta.

V. MỘT SỰ HIỆP THÔNG HOÀN VŨ

89. Các thụ tạo của thế giới này không thể được xem như của vô chủ : “Lạy Chúa Tể là Đấng yêu sự sống, mọi loài đều là của Chúa” (Kn 11,26). Từ đó, đưa đến xác tín rằng vì được tạo dựng bởi cùng một Cha, chúng ta và mọi hữu thể trong vũ trụ đều nối kết với nhau bằng nhiều dây vô hình và làm thành một loại gia đình phổ quát, một sự hiệp thông cao cả thúc đẩy chúng ta có một sự tôn trọng mang tính linh thánh, dịu dàng và khiêm nhu. Tôi muốn nhắc rằng “Thiên Chúa đã nối kết chúng ta cách chặt chẽ với thế giới quanh ta, đến độ việc hoang hóa đất đai cũng giống như một cơn bệnh đối với từng người, và chúng ta có thể khóc than trước việc diệt vong của một loài, như thể đó là một việc cắt cụt thân thể.” [67]

90. Điều đó không có nghĩa là mọi sinh vật đều bình đẳng, cũng chẳng rút khỏi con người giá trị đặc biệt của nó, một giá trị cùng lúc kéo theo một trách nhiệm kinh khủng. Điều đó

cũng chẳng giả thiết việc thần hóa trái đất, cái việc tước khỏi chúng ta lời kêu gọi cộng tác với nó và bảo vệ sự mong manh của nó. Những quan niệm này rốt cục tạo nên nhiều bất quân bình mới nhằm thoát khỏi thực tại đang chất vấn chúng ta. [68]. Đôi khi người ta nhận thấy một ám ảnh chối bỏ mọi sự ưu việt của con người, và đưa đến một cuộc đấu tranh cho các loài khác mà chúng ta không dấn thân vào để bảo vệ phẩm giá bình đẳng giữa mọi con người. Đúng là chúng ta phải quan tâm để các sinh vật khác không bị đối xử một cách vô trách nhiệm. Nhưng những bất bình đẳng lớn lao hiện có giữa chúng ta nên làm chúng ta đặc biệt phần nộ, vì chúng ta tiếp tục dung túng chuyện một số người cho mình xứng đáng hơn các kẻ khác. Chúng ta không còn nhận ra rằng một số người chết gí trong một sự cùng khổ hèn hạ, chẳng thực sự có khả năng thoát ra khỏi đó, trong khi nhiều kẻ khác thậm chí chẳng biết làm gì với cái mình sở hữu, kiêu hãnh phô trương sự ưu việt tự gọi của mình, và để lại đằng sau lưng một mức phung phí không thể phổ cập hóa mà không hủy diệt cả hành tinh. Chúng ta tiếp tục chấp nhận trong thực tế rằng một số cảm thấy mình là người hơn những kẻ khác, như thể họ đã được sinh ra với những quyền lợi lớn lao hơn.

91. Cảm thức kết hợp mật thiết với các hữu thể khác của thiên nhiên không thể đích thực, nếu như đồng thời không có trong tâm sự triu mến, cảm thông và lo lắng cho những người khác. Sự thiếu nhất quán là hiển nhiên từ phía kẻ chiến đấu chống việc buôn bán các con thú đang trên đường tuyệt diệt, nhưng vẫn hoàn toàn dửng dưng trước việc buôn người, không quan tâm đến những kẻ nghèo hay ra sức triệt hạ một người mà mình chẳng thích. Điều này gây nguy cho ý nghĩa của việc chiến đấu vì môi trường. Không phải tình cờ mà trong bài ca về tạo vật, nơi thánh Phanxicô chúc tụng Thiên Chúa vì muôn thụ tạo của Người, ngài đã thêm điều này : “Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con, vì những ai tha thứ do mến yêu Ngài”. Tất cả đều liên kết với nhau. Vì thế cần phải có một sự quan tâm đến môi trường kết hợp với một tình yêu chân thành đối với mọi người, và một sự dấn thân kiên vững đối với những vấn đề của xã hội.

92. Mặt khác, khi trái tim đích thực mở ra cho một sự hiệp thông hoàn vũ, thì không có gì lẫn chẳng có ai bị loại ra khỏi tình huynh đệ ấy. Vì thế, cũng đúng là sự dửng dưng hay độc ác đối với các tạo vật khác của thế giới này cuối cùng luôn mở rộng cách này hay cách nọ tới việc đối xử với những người khác. Trái tim chỉ có một, và thói khốn nạn khiến chúng ta hành hạ một con vật, cũng sớm bộc lộ trong mối tương quan với những người khác. Mọi sự độc ác trên bất cứ thụ tạo nào “đều nghịch với phẩm giá con người” [69]. Chúng ta không thể cho rằng mình yêu nhiều, nếu chúng ta loại khỏi các mối quan tâm của mình một phần thực tại. “Bình an, công lý và bảo vệ tạo vật là ba đề tài tuyệt đối liên kết với nhau, chẳng thể tách biệt để xét riêng, bằng không sẽ lại rơi vào chủ thuyết giản lược” [70]. Tất cả đều liên kết với nhau, và xét như là những con người, tất cả chúng ta kết hợp với nhau như anh chị em trong một cuộc hành hương tuyệt diệu, quán lầy nhau bởi tình yêu mà Thiên Chúa đem đến cho mỗi thụ tạo của Người và cũng âu yếm nối kết chúng ta với anh mặt trời, chị mặt trăng, em sông và mẹ đất.

VI. CỦA CẢI LÀ ĐỂ DÙNG CHUNG

93. Ngày hôm nay, tín hữu lẫn phi tín hữu, chúng ta đều đồng ý về việc trái đất chủ yếu là một gia sản chung mà hoa quả của nó mọi người đều được hưởng. Đối với các tín hữu, điều đó trở nên vấn đề trung thành đối với Đấng Sáng Tạo, vì Thiên Chúa đã tạo dựng thế giới này cho tất cả. Vì thế, mọi tiếp cận sinh thái học phải hội nhập vào một viễn ảnh xã hội có chú ý đến các quyền lợi căn bản của những kẻ bất hạnh nhất. Nguyên tắc “quyền tư hữu lệ thuộc mục đích dùng chung của của cải” và từ đó “mọi người đều có quyền sử dụng chúng” là “luật vàng” cho thái độ xã hội và là “nguyên tắc đầu tiên của mọi trật tự đạo đức xã hội” [71]. Truyền thống Kitô giáo đã chẳng bao giờ công nhận quyền tư hữu là tuyệt đối hay bất khả xâm phạm, và nó đã nhấn mạnh chức năng xã hội của mọi hình thức tư hữu. Thánh Gioan-Phaolô II đã mạnh mẽ nhắc lại giáo lý này khi khẳng định rằng : “Thiên Chúa đã tặng trái đất cho toàn thể loài người để nó nuôi sống mọi thành viên của nhân loại, *không loại trừ cũng chẳng ưu tiên cho ai*” [72]. Đó là những lời cô đọng và mạnh mẽ. Ngài đã nhấn mạnh rằng “một kiểu phát triển không tôn

trọng và cổ vũ các quyền con người, cá nhân và xã hội, kinh tế và chính trị, kể cả những quyền của các quốc gia và dân tộc, sẽ không xứng đáng với con người” [73]. Một cách hết sức rõ ràng, ngài đã giải thích rằng : “Dĩ nhiên, Giáo hội bảo vệ quyền tư hữu, nhưng cũng dạy không kém rõ ràng rằng trên mọi sở hữu luôn đè nặng một quyền sai áp xã hội, để các của cải phục vụ việc sử dụng chung mà Thiên Chúa đã định cho chúng” [74]. Vì thế ngài đã nhắc lại rằng “không được phép quản lý quà tặng này theo cách mọi của cải ấy chỉ làm lợi cho một số người, vì đó chẳng phù hợp với ý định Thiên Chúa” [75]. Điều này sẽ nghiêm túc đặt lại vấn đề những thói quen bất công của một phần nhân loại. [76].

94. Người giàu cũng như người nghèo đều có phẩm giá bằng nhau, vì “cả hai đều được Đức Chúa tạo dựng” (Cn 22,2), “Sang hay hèn đều do Người tạo tác” (Kn 6,7) và “Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt” (Mt 5,45). Điều đó có nhiều hệ quả thực tiễn như các Giám mục Paraguay đã trình bày : “Mọi nông dân đều có quyền tự nhiên là sở hữu một mảnh đất hợp lý, nơi họ có thể dựng nhà ở, làm việc để nuôi gia đình và được an toàn sinh sống. Quyền này phải được bảo đảm, để việc thực hiện nó không trở thành ảo tưởng nhưng đích thực. Điều đó có nghĩa là ngoài danh nghĩa sở hữu, người nông dân còn phải được dựa vào các phương tiện giáo dục kỹ thuật, tín dụng, bảo hiểm và việc thương mại hóa” [77].

95. Môi trường là một của cải chung, gia sản của toàn thể nhân loại, dưới trách nhiệm chung của mọi người. Ai chiếm hữu một cái gì đó, thì chỉ để quản lý vì ích lợi của tất cả. Nếu không làm như thế, chúng ta khiến lương tâm của mình ra nặng trĩu vì phủ nhận sự sống của những người khác. Chính vì thế, các Giám mục Tân Tây Lan đã tự hỏi giới luật “chớ giết người” có nghĩa gì, khi “hai mươi phần trăm dân số địa cầu tiêu thụ các tài nguyên theo kiểu cướp của các nước nghèo và các thế hệ tương lai, những gì họ cần để tồn tại.” [78]

VII. CÁI NHÌN CỦA ĐỨC GIÊSU

96. Đức Giêsu lấy lại niềm tin của Thánh kinh vào Thiên Chúa Sáng Tạo và nêu bật một sự kiện căn bản : Thiên Chúa là Cha (x. Mt 11, 25). Trong các cuộc đối thoại với môn đệ mình, Đức Giêsu từng mời gọi họ thừa nhận mối liên hệ phụ tử mà Thiên Chúa có với mọi thụ tạo của Người, và từng nhắc nhở họ với một sự âu yếm cảm động rằng mỗi thụ tạo quan trọng ra sao trong mắt Thiên Chúa : “Năm con chim sẻ chỉ bán được hai hào, phải không ? Thế mà không một con nào bị bỏ quên trước mặt Thiên Chúa” (Lc 12, 6). “Hãy xem chim trời : chúng không gieo, không gặt, không tích thu vào kho ; thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng” (Mt 6, 26).

97. Chúa đã từng có thể kêu mời những kẻ khác chú ý tới vẻ đẹp có trong thế giới, vì chính Người đã luôn tiếp xúc với thiên nhiên và có một sự chú tâm đầy mến thương và kinh ngạc đối với nó. Khi rảo qua mỗi một góc xó của mảnh đất mình, Người đều dừng lại để chiêm ngắm vẻ đẹp mà Cha Người đã tung vãi, và mời các môn đệ nhận ra trong vạn vật một sứ điệp thần linh : “Ngước mắt lên mà xem, đồng lúa đã chín vàng đang chờ ngày gặt hái” (Ga 4,35). “Nước Trời cũng giống như chuyện hạt cải người nọ lấy gieo trong ruộng mình. Tuy nó là loài nhỏ nhất trong tất cả các hạt giống, nhưng khi lớn lên, thì lại là thứ lớn nhất ; nó trở thành một cây.” (Mt 13, 31-32).

98. Đức Giêsu từng sống hòa hợp trọn vẹn với tạo vật, và mọi kẻ khác đều ngạc nhiên về điều đó : “Ông này là người thế nào mà cả gió và biển cũng tuân lệnh ?” (Mt 8,27). Người đã chẳng xuất hiện như một nhà khổ hạnh xa lìa thế gian hay một kẻ thù đối với những điều dễ chịu của cuộc sống. Người từng nói về chính mình : “Con Người đến, cũng ăn cũng uống như ai, thì thiên hạ lại bảo : đây là tay ăn nhậu” (Mt 11, 19). Người từng tách khỏi các triết thuyết khinh rẻ thân xác, vật chất và mọi thứ của thế gian này. Tuy nhiên, các thuyết nhị nguyên độc hại ấy đã đi đến chỗ có một ảnh hưởng quan trọng nơi một số tư tưởng gia Kitô giáo suốt dòng lịch sử và đã làm méo mó Tin Mừng. Đức Giêsu từng lao động với đôi bàn tay, tiếp xúc trực

tiếp hằng ngày với vật chất được Thiên Chúa tạo dựng, để với tay nghề của mình tạo dáng cho nó. Thật đáng kinh ngạc là phần lớn cuộc đời Người đã dành cho công việc ấy trong một cuộc sống đơn sơ, chẳng gọi lên sự thán phục nào : “Ông ta không phải là bác thợ con bà Maria sao ?”(Mc 6,3). Người đã thánh hóa công việc theo cách ấy và đã ban cho nó một giá trị đặc biệt đối với sự trưởng thành của chúng ta. Thánh Gioan-Phaolô II từng dạy rằng “khi chịu đựng lao nhọc của việc làm trong sự kết hiệp với Đức Ki-tô chịu đóng đinh, con người cộng tác một cách nào đó với Con Thiên Chúa vào việc cứu chuộc” [79].

99. Đối với cách hiểu của Ki-tô giáo về thực tại, định mệnh của toàn thể tạo vật đi qua mầu nhiệm Đức Kitô vốn đã hiện diện từ nguyên thủy mọi sự : “Tất cả đều do Thiên Chúa tạo dựng nhờ Người và cho Người” (Cl 1,16). Lời tựa của Tin mừng thánh Gioan (1,1-18) cho thấy hoạt động sáng tạo của Đức Kitô trong tư cách Lời thần linh (Logos). Thế nhưng lời tựa này gây kinh ngạc khi quả quyết rằng Lời ấy “đã trở nên người phàm” (Ga 1,14). Một Ngôi trong Ba Ngôi Thiên Chúa đã xen mình vào vũ trụ thụ tạo bằng cách liên kết số phận mình với nó cho đến thập giá. Từ nguyên thủy thế giới, nhưng với cách thức đặc biệt từ cuộc Nhập thể, mầu nhiệm Chúa Kitô hoạt động một cách bí mật trong toàn thể thực tại tự nhiên mà chẳng vì thế ảnh hưởng lên sự độc lập của nó.

100. Tân Ước không chỉ nói với chúng ta về Đức Giêsu tại thế với mối tương quan cụ thể và dễ thương của Người với thế giới. Nó cũng cho thấy Người như Đấng Phục sinh và Chúa vinh hiển, hiện diện với vương quyền phổ quát của Người trong toàn thể thụ tạo: “Vì Thiên Chúa đã muốn làm cho tất cả sự viên mãn hiện diện ở nơi Người, cũng như muốn nhờ Người mà làm cho muôn vật được hòa giải với mình. Nhờ máu Người đổ ra trên thập giá, Thiên Chúa đã đem lại bình an cho mọi loài dưới đất và muôn vật trên trời”(x. Cl 1,19-20). Điều này ném chúng ta vào cuối thời gian, khi Chúa Con sẽ trao lại mọi sự cho Chúa Cha và “như vậy, Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài” (x. Cr 15, 28). Theo cách thức ấy, mọi tạo vật của trần gian này không còn xuất hiện trước mặt chúng ta như một thực tại thuần túy tự nhiên, vì Đấng Phục Sinh bao trọn chúng cách mầu nhiệm và hướng chúng đến một định mệnh viên mãn. Ngay cả hoa đồng nội và chim trời mà Người đã chiêm ngắm cách kinh ngạc thán phục với đôi mắt nhân loại của mình, thì bây giờ lại được tràn đầy sự hiện diện sáng láng của Người.

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

NGÔI LỜI ĐÃ ĐẾN ĐỂ THẾ GIAN ĐƯỢC CHAN HÒA ƠN PHÚC

ĐẠI LỄ CHÚA GIÁNG SINH NĂM A (25/12/2016)

[Is 52,7-10; Dt 1, 1-6; Ga 1, 1-18]

I. DẪN VÀO PHỤNG VỤ

Lễ Giáng Sinh là một Niềm Vui lớn cho toàn nhân loại, nhất là cho những người thành tâm thiện chí và những người nghèo hèn trong các xã hội. Thiên Chúa cao siêu, cực thánh, vô hình đã trở thành một trẻ thơ bé bỏng trên cánh tay yêu thương trìu mến của người mẹ hiền và trước mắt mọi phàm nhân. Điều kỳ diệu ấy chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng vô cùng quyền năng mới thực hiện được. Ngôi Lời Thiên Chúa, là Hài Nhi Giê-su, đã đến thế gian để đem phúc trời là bình an và tình thương của Thiên Chúa đến cho muôn dân, muôn người.

Chúng ta hãy đón nhận Chúa Hài Nhi Giê-su là Thiên Chúa giáng trần để cứu nhân loại khỏi vòng nô lệ của tội lỗi mà trở thành con cái của Thiên Chúa!

Chúng ta hãy để cho Niềm Vui Thiên Quốc tràn vào tâm hồn, gia đình và cuộc sống của chúng ta!

Và chúng ta hãy làm hết sức mình để cho mọi người chung quanh hưởng được Niềm Vui mà Con Một Thiên Chúa đã đem đến trần gian!

II. LẮNG NGHE LỜI CHÚA TRONG BA BÀI THÁNH KINH

2.1 Lắng nghe Lời Chúa trong bài đọc 1 (Is 52,7-10): Người bốn bể sẽ nhìn thấy ơn cứu độ của Thiên Chúa chúng ta.

⁷ Đẹp thay trên đồi núi bước chân người loan báo tin mừng, công bố bình an, người loan tin hạnh phúc, công bố ơn cứu độ và nói với Xi-on rằng: "Thiên Chúa ngự là Vua hiển trị." ⁸ Kìa nghe chẳng quân canh gác của người cùng cất tiếng reo hò vang dậy; họ sẽ được thấy tận mắt Đức Chúa đang trở về Xi-on. ⁹ Hỡi Giê-ru-sa-lem điêu tàn hoang phế, hãy đồng thanh bật tiếng reo mừng, vì Đức Chúa an ủi dân Người, và cứu chuộc Giêrusalem. ¹⁰ Trước mặt muôn dân, Đức Chúa đã vung cánh tay thần thánh của Người: ơn cứu độ của Thiên Chúa chúng ta, người bốn bể rồi ra nhìn thấy.

2.2 Lắng nghe Lời Chúa trong bài đọc 2 (Dt 1,1-6): Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử.

¹ Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ; ² nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử. Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ, đã đặt Người làm Đấng thừa hưởng muôn vật muôn loài. ³ Người là phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa. Người là Đấng dùng lời quyền năng của mình mà duy trì vạn vật. Sau khi đã tẩy trừ tội lỗi, Người lên ngự bên hữu Đấng Cao Cả trên trời. ⁴ Danh hiệu Người được thừa hưởng, cao cả hơn danh hiệu các thiên thần bao nhiêu, thì Người lại trở nên hạ hơn họ bấy nhiêu.

⁵ Thật vậy, có bao giờ Thiên Chúa đã phán cùng vị thiên thần nào: Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con hoặc là: Ta sẽ là Cha Người, và chính Người sẽ là Con Ta. ⁶ Khi đưa Trưởng Tử vào thế giới loài người, Thiên Chúa lại nói: Mọi thiên thần của Thiên Chúa, phải thờ lạy Người.

2.3 Lắng nghe Lời Chúa trong bài Tin Mừng (Ga 1,1-18): Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta.

¹ Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời.

Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa,
và Ngôi Lời là Thiên Chúa.

² Lúc khởi đầu, Người vẫn hướng về Thiên Chúa.

³ Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành,
và không có Người,

thì chẳng có gì được tạo thành.

Điều đã được tạo thành ⁴ ở nơi Người là sự sống,
và sự sống là ánh sáng cho nhân loại.

⁵ Ánh sáng chiếu soi trong bóng tối,
và bóng tối đã không diệt được ánh sáng.

⁶ Có một người được Thiên Chúa sai đến,
tên là Gio-an.

⁷ Ông đến để làm chứng, và làm chứng về ánh sáng,
để mọi người nhờ ông mà tin.

⁸ Ông không phải là ánh sáng,
nhưng ông đến để làm chứng về ánh sáng.

⁹ Ngôi Lời là ánh sáng thật,
ánh sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người.

¹⁰ Người ở giữa thế gian,
và thế gian đã nhờ Người mà có,
nhưng lại không nhận biết Người.

¹¹ Người đã đến nhà mình,
nhưng người nhà chẳng chịu đón nhận.

¹² Còn những ai đón nhận,
tức là những ai tin vào danh Người,
thì Người cho họ quyền trở nên con Thiên Chúa.

¹³ Họ được sinh ra, không phải do khí huyết,
cũng chẳng do ước muốn của nhục thể,
hoặc do ước muốn của người đàn ông,
nhưng do bởi Thiên Chúa.

¹⁴ Ngôi Lời đã trở nên người phàm
và cư ngụ giữa chúng ta.

Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người,
vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người,
là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật.

¹⁵ Ông Gio-an làm chứng về Người, ông tuyên bố:
"Đây là Đấng mà tôi đã nói:

Người đến sau tôi, hừng trời hơn tôi, vì có trước tôi."

¹⁶ Từ nguồn sung mãn của Người,
tất cả chúng ta đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác.

¹⁷ Quả thế, Lễ Luật đã được Thiên Chúa ban qua ông Mô-sê,
còn ân sủng và sự thật,
thì nhờ Đức Giê-su Ki-tô mà có.

¹⁸ Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả;
nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa
và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha,
chính Người đã tỏ cho chúng ta biết.

III. KHÁM PHÁ CHÂN DUNG VÀ SỨ ĐIỆP LỜI CHÚA TRONG BA BÀI THÁNH KINH

3.1 Chân Dung của Thiên Chúa (Chúa là ai?)

Trong ba bài Sách Thánh hôm nay chúng ta khám phá Thiên Chúa là:

* Vua hiển trị bằng Tình Yêu Thương, là Đấng đang trở về Xi-on để an ủi dân Ít-ra-en và cứu chuộc Giê-ru-sa-lem và vùng cánh tay thần thánh trước mặt muôn dân.

* Đấng, trong các thời đại trước, đã phán dạy qua các ngôn sứ; nhưng vào thời sau hết này, Người phán dạy qua Thánh Tử là Chúa Giê-su. Chúa Giê-su vừa là Thiên Chúa (Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ) vừa là Con Thiên Chúa (Ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con).

* Là Ngôi Lời đã thành xác phàm và cư ngụ giữa chúng ta và ở giữa thế gian. Người đã đến nhà mình, nhưng thế gian đã không nhận biết Người và người nhà đã không đón nhận Người. Những ai đón nhận, tức là tin vào danh Người, thì Người cho họ quyền trở nên con Thiên Chúa."

* Là Ánh Sáng thật, Ánh Sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người.

* Là Đấng đem ân sủng và sự thật cho loài người.

3.2 Sứ điệp hay Giáo Huấn của Lời Chúa (Chúa dạy gì hay Chúa muốn chúng ta làm gì?)

Qua ba bài Sách Thánh hôm nay, giáo huấn hay sứ điệp của Lời Chúa là:

"Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta. Người đã đến nhà mình. Những ai đón nhận, tức là những ai tin vào danh Người, thì Người cho họ quyền trở nên con Thiên Chúa. Từ nguồn sung mãn của Người, tất cả chúng ta đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác."

IV. SỐNG VỚI CHÚA VÀ THỰC THI SỨ ĐIỆP CỦA NGƯỜI

Thiên Chúa mời chúng ta đáp lại Tình Thương của Chúa Cha và việc Xuống Thế của Ngôi Lời bằng cách:

4.1 Sống với Chúa là Thiên Chúa quyền năng và yêu thương. Sống với Chúa là Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta nơi Chúa Giê-su Hài Nhi. Sống một cách mật thiết, biết ơn và vâng phục.

4.2 Thực thi Ý Chúa hay Giáo Huấn của Chúa là đón nhận biết và đón nhận Chúa Giê-su tức tin vào Danh Người để trở nên con cái Thiên Chúa.

Cụ thể là:

(a) Nhận biết Hài Nhi Giê-su chính là Ngôi Lời Nhập Thể làm người và hiện đang cư ngụ giữa loài người!

(b) Nhận biết Chúa Giê-su là Ánh Sáng, là Ân Sủng.

(c) Sống khiêm nhường, phục vụ, bỏ mình, tự hạ theo gương Hài Nhi Giê-su cho xứng danh là con cái Thiên Chúa.

(d) Thường xuyên dâng lời chúc tụng, ngợi khen Hai Nhi Giê-su là biểu hiện cụ thể của Thiên Chúa Tình Thương và Quyền Năng.

Mỗi người nhìn lại xem mình đã và đang sống như thế nào với sứ điệp trên của Lời Chúa?

V. CẦU NGUYỆN CHO THẾ GIỚI VÀ HỘI THÁNH

[**Ghi chú:** Lời cầu nguyện giáo dân thường có 4 ý: ý thứ nhất cầu cho thế giới, ý thứ hai cầu cho Hội Thánh toàn cầu, ý thứ ba cầu cho giáo dân của giáo xứ, ý thứ bốn cầu cho một hạng người đặc biệt nào đó]

5.1 «Vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tũ.» Cùng với Đức Mẹ và các Thánh Nam Nữ, chúng ta hãy cầu xin Chúa cho các dân, các nước trong thế giới hôm nay, biết nhận ra Vị Ngôn Sứ vĩ đại của Thiên Chúa là đã xuống thế làm người, để mạc khải Thiên Chúa cho con người và đem muôn vàn ơn phúc của Trời cho những người thành tâm thiện chí.

Xướng: Chúng ta cùng cầu xin Chúa!

Đáp: Xin Chúa nhận lời chúng con!

5.2 «Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta.» Cùng với Đức Mẹ và các Thánh Nam Nữ, chúng ta hãy cầu xin Chúa cho Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô, cho các Hồng Y, Giám Mục, Linh Mục, Phó Tế, Tu Sĩ Nam Nữ và Giáo Dân để mọi thành phần Dân Chúa biết mở rộng tâm hồn đón rước Ngôi Lời vào nhà mình và sống thân mật với Người.

Xướng: Chúng ta cùng cầu xin Chúa!

Đáp: Xin Chúa nhận lời chúng con!

5.3 «Từ nguồn sung mãn của Người, tất cả chúng ta đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác.» Cùng với Đức Mẹ và các Thánh Nam Nữ, chúng ta hãy cầu xin Chúa cho các Ki-tô hữu trong cộng đoàn giáo xứ chúng ta, để mọi người lãnh nhận được muôn vàn ơn phúc trong Mùa Giáng Sinh năm nay.

Xướng: Chúng ta cùng cầu xin Chúa!

Đáp: Xin Chúa nhận lời chúng con!

5.4 «Đây là Đấng mà tôi đã nói: Người đến sau tôi, nhưng trỗi hơn tôi, vì có trước tôi.» Cùng với Đức Mẹ và các Thánh Nam Nữ, chúng ta hãy cầu xin Chúa cho những người có trách nhiệm giúp đỡ và hướng dẫn người khác tìm kiếm Thiên Chúa, để họ biết cách biểu lộ Thiên Chúa trong lời nói, việc làm và cách sống của họ.

Xướng: Chúng ta cùng cầu xin Chúa!

Đáp: Xin Chúa nhận lời chúng con!

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội.

Sài Gòn ngày 17/12/2016

VỀ MỤC LỤC

ĐƯỜNG NGẠI... THỰC THI Ý CHÚA

Tin Mừng Chúa Nhật Tuần IV Mùa Vọng C (Mt 1, 18-24)

Tám ngày trước Đại Lễ Giáng Sinh, Giáo Hội cho chúng ta chiêm ngắm chân dung của Thánh Giuse và Mẹ Maria. Trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, vai trò của Thánh Giuse và Mẹ Maria rất quan trọng. Chính nhờ lòng vâng phục của Thánh Giuse và Mẹ, mà Đấng Emmanuel đã nhập thể, nhập thể và hiện hữu trong một dòng tộc giữa trần thế để thực hiện lời hứa của Thiên Chúa trong sứ mạng cứu độ nhân loại.

Vai trò của Mẹ Maria thật lớn lao. Mẹ luôn hiện diện trong những tường thuật của Tin Mừng mà chúng ta sẽ đọc cho tới ngày Noel **"Đây là gốc tích Đức Giêsu Kitô: bà Maria, mẹ Người..."** Những lời kể về Mẹ thật giản dị nhưng lại mang nặng chiều sâu nhân loại và mầu nhiệm. Chúng ta chiêm nghiệm hình ảnh của Mẹ Maria, một thôn nữ đang ở độ tuổi mười lăm đôi mươi.

Mẹ Maria theo tập tục của Phương Đông thời ấy, đính hôn và thành hôn với một người nam **"Maria, mẹ Người, đã thành hôn với ông Giuse."** Với kinh nghiệm của nhiều người, chắc hẳn chúng ta biết trong thời gian sau khi đính hôn, người ta rất hạnh phúc để chờ đợi ngày được ở bên nhau. Thế nhưng, với Mẹ Maria, một biến cố mầu nhiệm khác đã diễn ra trong cuộc hôn nhân của Mẹ **"Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần."** Người con Mẹ đang cưu mang là do quyền năng Thiên Chúa thực hiện sau lời xin vâng và niềm xác tín của Mẹ vào chương trình của Ngài. Con trẻ này không là một trẻ thơ như bao đứa trẻ khác. Người là **"Thiên Chúa ở cùng chúng ta."** Người sẽ được gọi là **"con người và Thiên Chúa"**. Nhưng làm sao Giuse, hôn phu của Mẹ hiểu được và đón nhận?

Đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể. Thiên Chúa đã quan phòng chuẩn bị cho Ngôi Hai một người cha trần thế. Người cha ấy chắc chắn cũng được đầy tràn ân sủng **"Ông Giuse, chồng bà là người công chính."** Vì công chính nên khi gặp điều trái ý, đối diện với những biến cố khó khăn hay sai phạm của người, Giuse chỉ âm thầm suy nghĩ và tìm cách cư xử tốt nhất cho người khác, nhất là người mà mình yêu thương **"không muốn tố giác bà, nên**

mới định tâm bỏ bà cách kín đáo." Làm sao có thể hiểu được ý Chúa nhiệm màu? Làm thế nào để thực hiện được chương trình của Thiên Chúa, nếu không lắng nghe và mở lòng vâng phục tín thác?

Có thể nói giấc mộng và lời báo mộng của Thiên Thần Chúa cho Thánh Giuse được gọi là một biến cố "*Truyền Tin*", một loan báo về cuộc sinh hạ của Chúa Giêsu Kitô- Đấng Cứu Độ **"Này ông Giuse, là con cháu Đavít, đừng ngại ...Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ."** Lời sứ thần mà Giuse lắng nghe đã thay đổi mọi suy nghĩ và quyết định của ngài. Giờ đây thực thi ý Chúa và cộng tác với chương trình cứu độ của Chúa là chọn lựa hàng đầu của thánh Giuse. Từ đây, ngài đã đón nhận Đấng Cứu Thế và Mẹ Người bằng hành động cụ thể và cuộc sống hy sinh tận tụy trong suốt cuộc đời.

Tạ ơn Thiên Chúa về lời hứa kỳ diệu Ngài đã thực hiện " **Này đây, Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Emmanuel, nghĩa là "*Thiên Chúa ở cùng chúng ta*."** Một Đấng Cứu Độ mặc lấy xác phàm để thực hiện lời hứa của Thiên Chúa. Một Giao Ước mới với nhân loại được thực thi "***Emmanuel-Thiên Chúa ở cùng chúng ta***". Thật hạnh phúc cho chúng ta đã được Thiên Chúa yêu thương khi sai Ngôi Hai Thiên Chúa đến ở cùng và cứu độ chúng ta. Vậy chúng ta có ước muốn Thiên Chúa ở cùng và sẵn lòng đón Người không? Mẹ Maria và Thánh Giuse đã là mẫu gương cho chúng ta về việc rộng mở tâm lòng và cuộc đời để Chúa đến, ở cùng và cứu độ.

Ta hãy chiêm ngắm sự dâng hiến trọn vẹn cuộc đời và chương trình riêng của Mẹ Maria để xin vâng và cộng tác vào chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Cung lòng Mẹ đã trở nên đền thờ cho Chúa ngự. Mẹ đã cưu mang, dưỡng nuôi Con Thiên Chúa trong chính lòng dạ mình và Mẹ được gọi là "*Thân Mẫu Chúa Giêsu*". Chúng ta cũng hãy học nơi Thánh Giuse sự khéo léo tế nhị khi đối xử với anh chị em và lòng vâng phục tín thác vào thánh ý Thiên Chúa qua mọi biến cố, qua tiếng nói lương tâm chân chính và trong sáng. Sự công chính đã giúp ngài có khả năng tham dự vào mầu nhiệm của Thiên Chúa và sẵn sàng dấn thân cộng tác thực thi chương trình của Chúa dẫu cho khó khăn vất vả.

Thiên Chúa muốn chúng ta cộng tác với Ngài. Chúng ta, từng Kitô hữu hay những đôi bạn trẻ sắp, đang và đã bước vào đời hôn nhân. Hôm nay, mỗi chúng ta cũng có một trách nhiệm: lắng nghe, thực thi thánh ý Chúa, làm cho Chúa sinh ra trong tâm lòng mình, trong anh chị em và nhất là để Chúa ở cùng, lớn lên và cứu độ chúng ta. Ước gì trong thời gian cuối của Mùa Vọng này, chúng ta biết noi gương Mẹ Maria và Thánh Giuse, biết hăng hái thưa xin vâng và sẵn sàng chọn lựa theo ý Chúa để dâng trọn cuộc đời thực hiện những phương cách cứu độ trong thế giới hôm nay qua đời sống yêu thương, công bằng, bác ái, sẻ chia cụ thể. Có như thế, cuộc đời chúng ta mới thực sự có Thiên Chúa ở cùng và chính chúng ta là cánh tay nối dài của Chúa vươn đến anh chị em.

Lạy Đấng Emmanuel, xin đến và ở cùng chúng con. Xin dạy chúng con biết mở rộng tâm lòng chờ đón Chúa và dấn thân thực thi thánh ý Chúa. Amen.

Dã Quỳ

ÔI THẬT DIỄM PHÚC VÌ CÓ THIÊN CHÚA Ở CÙNG!

Suy niệm Chúa Nhật IV Mùa Vọng - A

(Mt 1, 18 - 24)

Theo nguồn tin của Tổ Chức Khí Tượng Thế Giới (WMO: World Meteorological Organization) nói hôm Thứ Năm (27/01/2011). Trái đất này đang nóng dần lên, các lớp băng ở Bắc Cực tan thêm và bởi thời tiết cực đoan. Có một số khác lại cho rằng trái đất đang lạnh đi, ngày 06/01/2014 cơn bão Hercules đi qua khu vực phía bắc Mỹ khiến nhiệt độ nơi này xuống thấp kỷ lục trong vòng 20 năm -31 độ C ở Chicago, thậm chí đến -60 độ C tại một số thành phố làm 13 người chết, gần 3.000 chuyến bay bị hủy. Ngày 7/1, 50 bang nước Mỹ đều có nhiệt độ dưới 0 độ C vào một thời điểm. Ngay tại Sapa, Việt Nam có tuyết phủ mấy ngày.

Số khác trung dung hơn, cho rằng nhiệt độ Trái đất đang thay đổi nóng lạnh bất thường và thay đổi đột ngột một cách bất thường, từ mức lạnh gần như thấp nhất chuyển sang mức nóng đỉnh điểm trong chưa đầy 100 năm, khoảng thời gian ngắn nhất trong lịch sử.

Hôm 2/5, các nhà khoa học sử dụng kính thiên văn TRAPPIST tại Chile để theo dõi và phát hiện ra ba hành tinh có kích thước giống Trái Đất quay quanh một ngôi sao lùn ở khoảng cách thích hợp, tạo điều kiện cho sự sống phát triển với hy vọng con người có thể sống được ở đó.

Tóm lại, sự sống trên mặt đất của con người và mọi sinh vật đang bị đe dọa, và người ta đi tìm một hành tinh xanh khác để sống hơn.

Về phương diện con người, nạn phá thai đã lên tới mức báo động chưa từng thấy trong lịch sử loài người. Mỗi năm chỉ riêng Việt Nam đã có gần 3 triệu ca phá thai. Có nghĩa là mỗi ngày có khoảng 8 ngàn ca phá thai. Thứ nhất là Sài Gòn, kế đến là Hà Nội, Huế, Cần Thơ... Duy trì sự sống là một yếu tố căn bản cho sự tồn tại của một dân tộc, ấy vậy mà họ đang tiêu hủy sự sống con người.

Con người đã dùng vũ khí sinh học giết người hàng loạt để hủy diệt nhau. Có những chuyện chưa từng nghe thì nay đã thấy, như "Bất hiếu với cha mẹ nơi cửa tử bệnh viện" gây nổi xót xa, tức giận trong cộng đồng, nghĩa là mẹ ốm có thể chữa được, 4 người con của bà có mặt tại viện (trong số tất cả 8 người con) tranh cãi nhau rồi quyết định mang mẹ về chôn chết (Vnexpress, Thứ ba, 27/8/2013). Hay cả năm người con đồng ý với án tử hình bố. Một vài dẫn chứng cụ thể trên cho thấy Trái đất này, con người ngày nay khó sống và khó yêu quá.

Trái đất và con người đang như thế, nhưng Đức Giêsu con Thiên Chúa đã đến sống cùng chúng ta, như Isaia loan báo : *"Này đây, Chúa toàn năng đến: Người sẽ được gọi là Emmanuel, Thiên Chúa ở cùng chúng tôi"*. Những lời trên đây được lặp lại trong các ngày này, đặc biệt Chúa nhật thứ IV, để khẳng định rằng Trái đất vẫn rất đáng yêu và con người vẫn còn

đáng mến. Thiên Chúa đến vì mến địa cầu, Thiên Chúa thương vì tình thương vẫn vương khi tạo dựng.

Toàn bộ phụng vụ xoay quanh lời ngôn sứ : "*Này đây một trinh nữ sẽ mang thai và hạ sinh một con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Emmanuel, nghĩa là Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta*". (Is 7,14 ; Mt 1,23). Nếu bài đọc I, ngôn sứ tuyên sấm lời Thiên Chúa hứa : "*Sẽ cho các người một dấu: này đây một trinh nữ sẽ thụ thai...*" (Is 7,14), thì lời hứa ấy được thực hiện trong Bài Tin Mừng : Tất cả sự kiện này đã được thực hiện để làm trọn lời Chúa dùng miệng Tiên tri phán xưa rằng: "*Này đây một trinh nữ sẽ mang thai ...*" Mt 1,23). Câu này tiếp tục lặp lại trong phần alleluia và cả phần Ca hiệp lễ nữa.

Thiên Chúa đến ở cùng chúng ta, vì Ngài vẫn còn tin tưởng chúng ta!... Ngài đến để sống với con người, Ngài chọn cư ngụ trên trái đất để ở lại với con người, để sống tại nơi con người vẫn sống trong niềm vui hay nỗi buồn. Vì thế, Trái đất không còn là 'thung lũng đầy nước mắt' nữa mà là nơi Thiên Chúa đến cắm lều, gặp gỡ con người, là nơi Thiên Chúa liên đới với con người.

Thiên Chúa xuống thế làm người vì chúng ta, tất cả chúng ta đều cảm thấy mình được yêu thương và được đón nhận; chúng ta khám phá mình có phẩm vị quý giá và duy nhất trước nhan Đấng Tạo Hoá.

Đấng Emmanuel, Thiên Chúa ở cùng chúng ta. Khi sinh ra trong cảnh khó nghèo tại Bêlem, Chúa Giêsu đã muốn trở thành bạn đồng hành với mỗi người chúng ta. Trên mặt đất này, kể từ khi Người muốn "*dựng lều*" để cư ngụ, thì không còn ai là kẻ xa lạ nữa. Thật vậy, tất cả chúng ta là những khách lữ hành sống tạm qua trên trần gian này, chính Chúa Giêsu là Đấng làm cho chúng ta có cảm nghiệm dường như mình đang sống tại nhà mình, trên mặt đất này, nơi được thánh hoá do bởi sự hiện diện của Chúa. Và Chúa cũng mời gọi chúng ta hãy biến trái đất này trở thành căn nhà đón tiếp tất cả mọi người.

" *Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta*". (Is 7,14 ; Mt 1,23). Các Giáo Phụ đã giải thích. Con Thiên Chúa đã trở nên nhỏ bé, đến độ vào được trong máng cỏ. Ngài trở nên trẻ thơ để dạy chúng ta yêu thương những trẻ thơ và những kẻ yếu đuối. Bằng cách thế như vậy, Ngài dạy chúng ta tôn trọng trẻ thơ, những em đang đau khổ và bị lạm dụng trên thế giới, những em đã được sinh ra cũng như những trẻ không được sinh ra. Ngài dạy chúng ta nhìn đến những trẻ bị đưa vào trong thế giới của bạo lực, như làm lính, phải đi ăn xin, phải khổ vì nghèo vì đói, những trẻ em không được hưởng chút tình thương. Chính Thiên Chúa, Đấng đã trở nên trẻ thơ, mời gọi chúng ta dẫn thân, ngõ hầu sức mạnh của tình yêu Chúa chăm sóc cho tất cả các trẻ em này; để phẩm giá của các em được tôn trọng.

Nhưng khi Thiên Chúa chia sẻ thân phận con người của chúng ta, Ngài không hiện diện giữa nhân loại ở một nơi an nhàn lý tưởng, nhưng ở trong thế giới thực này, với bao điều tốt đẹp và xấu xa, với những chia rẽ, sự dữ, nghèo đói, lạm dụng quyền lực và chiến tranh. Ngài chọn tham gia vào lịch sử của chúng ta như lịch sử ấy vốn thế, với tất cả gánh nặng của những giới hạn và bi kịch của nó.... *Ngài là Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta...* trong mọi nỗi khổ đau của lịch sử. Chúa Giêsu được sinh ra là minh chứng cho thấy Thiên Chúa đứng về phía con người,

một lần và mãi mãi, để cứu chúng ta và nâng chúng ta lên khỏi bụi bặm của khổ đau, của khó khăn và tội lỗi chúng ta”.

Còn hạnh phúc nào hơn khi có Thiên Chúa ở cùng, ấy là sức mạnh thiêng liêng giúp chúng ta không bị gục ngã dưới sức nặng của khổ nhọc, của tuyệt vọng và buồn phiền... Chúa Giêsu được sinh ra mang đến cho chúng ta tin vui rằng Thiên Chúa yêu thương chúng ta vô cùng và yêu thương mọi người và từng người trong chúng ta. Amen.

Linh mục Antôn Nguyễn Văn Độ

VỀ MỤC LỤC

EMMANUEL: XIN VÀ HỨA



CHÚA NHẬT IV-A MÙA VỌNG

Is 7:10-14; Rm 1:1-7; Mt 1:18-24

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Chúa Nhật IV mùa Vọng hôm nay, Giáo Hội cho chúng ta nghe lời tiên tri Isaiah, giấc mơ của Giuse và lời hứa của Thiên Chúa hằng sống, đáng đã trở thành máu thịt loài người trong lòng Trinh Nữ Maria. Sinh nhật chúa Giesu là ngày khởi đầu của lịch sử loài người, ngày hoàn thành mọi hy vọng, ước mơ và trông đợi của dân Israel trong cưu ước.

DẤU CHỈ CỦA TIÊN TRI ISAIAH

Trong bài đọc 1, tiên tri Isaiah (Is 7:10-14) cho biết vua Ahaz tỏ ra muốn dựa vào quyền lực của Assyria hơn là của Thiên Chúa (c.12) vì ông không dám làm phiền Thiên Chúa. Đây là một hình thức đạo đức giả nên đã bị Isaiah quở trách. Dấu chỉ mà Isaiah đưa ra có liên hệ đến việc bảo vệ xứ Judah trong cảnh chán nản buồn phiền, và đặc biệt hơn nữa cũng liên quan đến việc hoàn thành lời Chúa hứa trước kia với David (2Sm 7:12-16): Đấng Emmanuel sẽ đến là một vị vua lý tưởng (Is 9:5-6; 11:1-5).

Giáo Hội luôn luôn theo dõi Tin Mừng Mathieu để thấy lời Chúa hứa được thực hiện nơi chúa Kito và Mẹ Maria (Is 7:14). Riêng Isaiah thì không biết đến sức mạnh ẩn dấu dưới những lời mình nói. Một số người lại nghĩ ông vua tương lai là Hezekiah mà thân mẫu cũng là người đàn bà Do Thái trẻ, không có chồng. Tuy nhiên Chúa Thánh Thần đã chuẩn bị một giáng sinh khác hầu hoàn thành sứ mệnh của Emmanuel mà thân mẫu là mẹ Thiên Chúa cũng sẽ suốt đời đồng trình để lời tiên tri này được trọn vẹn.

HOÀN THÀNH LỜI HỨA NƠI ĐỨC KITO

Toàn thể Tin Mừng Mathieu đều nói về lời hứa được hoàn thành nơi đức Kito. Theo gia phả (Mt 1:1-17) thì chúa Giesu chính là điểm lịch sử giao ước của Israel, đặc biệt dựa vào những giải đáp và giai đoạn chót đầy bi thảm của đời đức Kito. Mathieu cũng đồng ý với người Do Thái cùng thời với ông là thời gian lưu đầy là biến cố sau cùng và đặc biệt trước thời chúa Giesu. Khi thiên thần nói chúa Giesu sẽ “*cứu dân người khỏi tội lỗi*” (Is 1:21) có nghĩa là giải phóng khỏi cảnh lưu đầy. Bài tường thuật của Mathieu về thời thơ ấu của chúa Giesu có thể coi như lời mở đầu Tin Mừng của ông.

Gia phả và năm câu chuyện cho thấy chúa Giesu giáng trần chính là cao điểm của lịch sử Israel, và những biến cố về thụ thai, giáng sinh và thời thơ ấu của Người là những yếu tố hoàn thành lời tiên tri trong cựu ước. Mathieu cho chúng ta biết đức Giesu sinh ra đã hoàn thành ít nhất ba đề mục trong kinh thánh. Dân Israel trở về đất hứa. Chữ “Giesu”, theo ngôn ngữ Hy Lạp là “Joshua” cũng như Emmanuel nghĩa là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”, đức Giesu là hiện thân của Thiên Chúa nơi dân Người (Is 7:14; 1:23). Như một tân David, đức Giesu là sứ giả tức đấng thiên sai sinh ra ở Bethlehem (Mt 2:5, Micah 5:1-3).

Câu chuyện đầu tiên Mathieu kể về thời niên thiếu của đức Giesu (Mt 1:18-25) tóm gọn mọi điều nói ở Mathieu 1:16. Đức mẹ trinh thai là công việc của Chúa Thánh Thần. Việc Giuse tính bỏ Đức Mẹ không thành, đã đem Đức Mẹ về nhà mình đồng thời nhận bào thai chúa Giesu là con mình là do lệnh báo từ trời qua giấc mộng. Đường dây gia phả bị đứt đoạn nhưng lời hứa với David đã được hoàn thành qua việc Giuse nhận con trẻ Giesu vào gia đình họ David. Mathieu nhận ra Đức Mẹ trinh thai đúng như là lời tiên tri Isaiah đã nói (Is. 7:14).

GIUSE LÀ NGƯỜI CÔNG CHÍNH

Đính hôn là giai đoạn đầu của hôn nhân trước khi hai người nam và nữ chính thức ăn ở với nhau như vợ chồng. Do đó sự bất trung được coi như tội ngoại tình. Thời gian đính hôn kết thúc ít tháng sau khi người chồng mang vợ mình về nhà, lúc đó là bắt đầu thời gian hôn nhân

chính thức. Theo luật Maisen thì Giuse được coi là người công chính (c.19). Ông muốn huy bỏ giao ước với người mà ông nghi là đã lỗi luật một cách trầm trọng. Theo luật thì ông phải hành xử như vậy, nhưng bản văn viết lại không tán đồng quan điểm này, như sách Thử Luật (TI 22:20-21) không nêu rõ ràng đứng về phía Giuse.

NHỮNG ÂM VANG TRONG CỰU ƯỚC

Trong Cựu Ước có danh xưng “*Thiên thần Chúa*” có nghĩa là thiên thần được chỉ định thay Chúa liên lạc với loài người. Giấc mộng nói tới trong tin mừng Mathieu (Mt 2:13, 19, 22) có thể ám chỉ giấc mộng của Giuse, con của tổ phụ Jacob (St 37: 5-11:19). Giấc mộng này đi song hành và rất gần với giấc mộng của Amram là cha của Maisen, có liên hệ với Josephus (Antiquities 2,9,3; 212, 215-16). Tên Giesu trong tiếng Do Thái (Mt 1:21) ở thế kỷ I gợi nhớ lại tiếng *Joshua* (tiếng Hy Lạp là “Iesous”) có nghĩa là “*Yahweh giúp đỡ*”, tức “*Chúa cứu*”.

THIÊN CHÚA Ở CÙNG CHÚNG TA

Trong Mathieu chúng ta có một tên rất tượng hình là “Emmanuel”, có nghĩa “*Thiên Chúa ở cùng chúng ta*”. Thiên Chúa hứa giải phóng dân Israel mang họ trở về Judah vào thời Isaiah, qua việc Chúa Giesu giáng trần biểu hiện là Thiên Chúa ở cùng dân người. “Emmanuel / Thiên Chúa ở cùng chúng ta” vẫn còn xuất hiện ở cuối Tin Mừng Mathieu khi nói về Chúa Giesu phục sinh để chứng tỏ cho các môn đệ là Chúa Giesu vẫn tiếp tục ở lại với các ông: “*Ta vẫn luôn luôn ở lại với các anh cho đến tận thế*” (Mt 28:20). Thật vậy, Thiên Chúa đã giữ lời hứa qua Đức Giesu, và chúa Giesu đã hoàn thành chương trình cứu độ của Thiên Chúa trong cả lời nói lẫn việc làm, trong cả ước vọng và sự hiện diện, bằng cả máu và thịt mình.

Dưới danh xưng Emmanuel, chúng ta đã tìm ra câu trả lời cho nỗi ước mong thầm thiết có Thiên Chúa của loài người qua mọi thời đại. Emmanuel, về phía chúng ta, chính là cầu nguyện và khẩn van, về phía Thiên Chúa thì có cả lời hứa lẫn việc tuyên xưng. Khi chúng ta tuyên xưng Lời, là chúng ta đã thực sự cầu nguyện và khẩn van: “*Lạy Chúa, xin ở với chúng con!*” Khi Thiên Chúa nói nên lời thì đáng tạo dựng muôn loài, vô thủy vô chung, sáng láng vô cùng cũng nói với chúng ta: “*Ta ở với các con*” qua con trẻ này. Thiên Chúa ở cùng chúng ta qua hài nhi này, không đơn thuần chỉ để ban ơn phúc như kiêu trang trí cho đẹp mắt những lúc gặp khó khăn. Thiên Chúa cũng không ở với chúng ta như cách Thiên Chúa sẽ dùng Đức Giesu để giúp đỡ, bảo vệ và hướng dẫn chúng ta khỏi cơn nguy biến. Không, Thiên Chúa hài nhi đang nằm trong máng cỏ ở Bethlehem là “*Thiên Chúa Ở Cùng Chúng Ta*”, bởi vì con trẻ đó chính là Thiên Chúa.

Hơn hẳn các thánh sử khác, Mathieu cẩn thận ghi lại mọi biến cố xảy ra trong đời Chúa Giesu đến độ “*những điều được truyền qua các tiên tri đều được ứng nghiệm*”(Mt.2:23). Cuối cùng ở câu Mt 1:25, chúng ta thấy Mathieu viết: “*...cho đến khi Mẹ Maria sinh con trai*”. Mathieu đã cẩn thận nhấn mạnh là Giuse không có trách nhiệm làm cho Maria có thai Chúa Giesu. Trong ngôn ngữ Hy Lạp từ *lời /word* được dịch là “*đến khi*” cũng không ám chỉ những điều kiện

của một hôn nhân bình thường sau khi người vợ sinh con, nhưng cũng không hoàn toàn loại trừ nó.

LỜI KẾT: CHIỀU KÍCH CỦA THỜI CÁNH CHUNG

Tuần này chúng ta tiếp tục suy niệm tông thư Lời Chúa / Verbum Domini của Biển Đức XVI, nhất là phần nói về *“chiều kích của Lời Chúa về thời cánh chung”*

14*-Trong tất cả mọi điều về chuyện này, Giáo Hội lên tiếng cho biết là, với Chúa Giesu Kito, thì Giáo Hội luôn luôn nắm vững Lời Chúa cố định như sau: *“Người là đầu hết và là cuối chót” (Kh 1:17)*. Người đã cho mọi tạo vật và lịch sử một ý nghĩa nhất định; do đó chúng ta đã được kêu gọi để sống trong thời gian và trong sự tạo dựng của Thiên Chúa đúng theo nhịp điệu của lời về thời cánh chung; “Vây tân ước của Kito giáo, vì nó là một giao ước mới và nhất định, nên sẽ chẳng bao giờ qua đi; và không có một mạc khải chung mới nào cần phải chờ đợi trước khi Chúa Giesu Kito tỏ mình trong vinh quang (cf 1Tm 6:14 và Tt 2:13).

Thực vậy, như các Giáo phụ đã ghi chú trong hội nghị, *“Kito giáo độc nhất và duy nhất phải được biểu lộ trong biến cố đức Giesu Kito, cao điểm của mạc khải, lời hứa của Thiên Chúa được ứng nghiệm và là đáng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người. Người là đáng làm cho mọi người nhận biết Thiên Chúa (Ga 1:18), là đáng duy nhất, là Lời nhất định đã được ban cho loài người.”*

Thánh Gioan Thánh Giá đã diễn tả sự thật này một cách tuyệt vời: *“Vì Người đã ban cho chúng ta Con Một người, Lời duy nhất (vì Người không có ai khác), Người đã nói tất cả mọi sự ngay lập tức trong Lời duy nhất này –và Người không còn gì nữa để nói...bởi vì Người đã nói trước cho các tiên tri theo nhiều cách, Người đã nói tất cả mọi sự ngay lập tức bằng cách ban cho chúng ta tất cả những sự này là Con Một của người. Bất cứ ai cật vấn Thiên Chúa hoặc ước mong một viễn tượng hay mạc khải nào đó thì có thể bị lỗi, không phải chỉ vì điên khùng mà còn súc phạm đến Người nữa, bởi lẽ đã không để mắt hoàn toàn nơi Chúa Kito, lại sống mơ mộng về một điều khác mới lạ nào đó.”*

Hậu quả là hội nghị đã chỉ ra nhu cầu *“phải giúp các tín hữu phân biệt Lời Chúa với những mạc khải riêng”* mà nhiệm vụ của nó *“không phải là ‘hoàn thành’ mạc khải nhất định của chúa Kito, mà là giúp họ sống với mạc khải trọn vẹn hơn trong một thời gian nhất định nào đó của lịch sử”*. Giá trị của mạc khải riêng thì tự bản chất nó khác với mạc khải chung. Mạc khải chung đòi hỏi đức tin, trong đó chính Thiên Chúa nói với chúng ta qua lời nói của loài người và trung gian là xã hội sinh động của Giáo Hội. Tiêu chuẩn để xét đoán sự thật của một mạc khải riêng là hướng về chính Đức Kito. Nếu nó dẫn đưa chúng ta xa lìa Người, thì chắc chắn nó không được dẫn đưa do Chúa Thánh Thần, đáng diu dắt chúng ta đi vào Tin Mừng thâm sâu hơn, chứ không làm cho chúng ta xa rời nó. Mạc khải riêng là một phụ giúp cho niềm tin này, nó chứng minh tính khả tín của nó một cách rõ ràng, bởi vì nó trở lại với mạc khải chung. Khi Giáo Hội chuẩn nhận một mạc khải riêng thì có nghĩa là nó không có gì ngược lại đức tin và luân lý. Lúc đó đưa ra công chúng thì sẽ không trái luật và người tín hữu có quyền tán đồng một cách khôn ngoan. Một mạc khải riêng có thể giới thiệu những phương hướng mới, đưa ra những hình thức mới về bác ái hoặc đào sâu những hình thức cũ. Nó có thể có một đặc tính ngôn sứ nào

đó (cf 1Th 5:19-21) và có thể là một trợ giúp có giá trị để hiểu biết rõ ràng hơn và sống Phúc Âm ở một thời điểm nào đó; do đó không nên đối xử nhẹ nhàng với nó. Đó là một cách giúp đỡ, nhưng không bắt buộc phải dùng nó. Trong bất cứ biến cố nào, nuôi dưỡng niềm tin, hy vọng và tình thương yêu vẫn là vấn đề quan yếu. Đó là con đường cứu chuộc thường xuyên cho tất cả mọi người.

Fleming Island, Florida

Dec 25, 2016

NTC

***NB-** Đây là bài suy niệm của một giáo dân bình thường dựa vào những điều đã được học hỏi nơi Giáo Hội, trong Kinh Thánh/Tin Mừng, những lớp giảng huấn dành cho giáo dân người lớn và những nghiên cứu riêng tư cùng kinh nghiệm sống đạo trong xứ, cộng đồng và bạn bè v.v.... Dĩ nhiên có nhiều thiếu sót và có thể sai lỗi, xin quý độc giả và các đáng bậc góp ý sửa chữa. Rất đa tạ*

VỀ MỤC LỤC

CỨ NÓI TIN CHÚA KITÔ LÀ ĐỦ ĐỂ ĐƯỢC CỨU RỒI CHẴNG ?

Hỏi: Các nhóm Tin lành đều dạy : chỉ cần tin Chúa Kitô là đủ để được cứu rồi . Xin cha giải thích thêm về điều này.

Trả lời :

Nói đến cứu độ (salvation) là nói đến hy vọng được sống đời đời với Chúa trên Nước Trời, sau khi kết thúc hành trình con người trên trần thế này.

Nói đến cứu rồi cũng nhắc nhở cho mọi tín hữu chúng ta công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Giê su-Kitô, Đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, Đấng đã đến trong trần gian làm Con Người để “ **phục vụ và hiến dâng mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người**”. (Mt 20:28)

Cho mục đích đó, Chúa Kitô đã xuống trần gian để thi hành Chương Trình cứu chuộc nhân loại của Chúa Cha, “ **Đấng cứu độ chúng ta, Đấng muốn cho mọi người được cứu độ nhân biết chân lý** và.” (1 Tm 2: 4)

Như thế đủ cho ta biết Thiên Chúa yêu thương con người đến mức quá bội và công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô chính là giá máu cực trọng Chúa đã đổ ra trên thập giá năm xưa để cho con người được hy vọng cứu rồi mà sống hạnh phúc đời đời với Chúa trên Thiên Quốc, nơi không còn đau khổ, bất công, bạo tàn và chết chóc nữa,

Phải nói là có hy vọng thôi chứ chưa bảo đảm 100% là được cứu rồi ngay từ bây giờ vì lý do sau đây:

Trước hết, Thiên Chúa là tình yêu và công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô là quá đủ cho con người được cứu độ để sống hạnh phúc đời đời với Chúa trên Nước trời mai sau.

Nhưng công nghiệp cứu chuộc này không tự động áp dụng cho hết mọi người mà không cần đòi hỏi con người phải đóng góp gì để xứng đáng được hưởng nhờ công nghiệp ấy.

Lại nữa, nếu chỉ cần tin Chúa Kitô là được cứu rồi, thì không ai phải cần đến Giáo Hội là phương tiện hữu hiệu chuyên chở ơn cứu độ của Chúa cho con người ở khắp mọi nơi và trong mọi thời gian sống trên trần thế này.

Ngược lại, phải tin Chúa Kitô, và có thiện chí cộng tác với ơn cứu độ của Người thì mới đủ để được cứu rồi.

Lý do là con người còn có ý muốn tự do (free will) mà Thiên Chúa ban tặng và luôn tôn trọng cho con người sử dụng, để hoặc muốn được cứu độ hay khước từ lời mời hưởng ơn cứu độ của Chúa, để sống theo ý muốn của mình, chạy theo thế gian và đầu hàng ma quỷ khiến mất hy vọng được cứu độ.

Dụ ngôn về “ **những người khách được mời xin kiêu từ**” trong Tin Mừng Thánh Luca (Lc 14: 24), và dụ ngôn “ **tiệc cưới**” trong Tin Mừng Thánh Matthêu (Mt 22; 1-14) đã đủ nói lên này.

Thật vậy, khi tạo dựng con người Thiên Chúa không cần hỏi kiến của ai, nhưng để cứu con người khỏi chết vì tội, Thiên Chúa cần sự cộng tác của con người vào công việc vô cùng quan trọng này.

Sở dĩ thế, là vì Thiên Chúa không tạo dựng con người như những bộ máy “ Robots” chỉ biết hoạt động theo lệnh của người điều khiển, mà là những tạo vật có lý trí và y muốn tự do (intelligent and free will). Có lý trí để hiểu biết và có tự do để chọn lựa. Vì thế, vấn đề thường phạt chỉ được đặt ra cho riêng con người mà thôi.

Nghĩa là nếu con người chọn Chúa để sống theo đường lối của Chúa thì sẽ được cứu độ. Ngược lại, nếu khước từ Chúa để sống theo ý muốn của riêng mình, sống theo thế gian và làm nô lệ cho ma quỷ, thì Thiên Chúa sẽ tôn trọng ý muốn đó và con người sẽ phải lãnh nhận mọi hậu quả của tự do chọn lựa này.

Chính vì con người có tự do để sống theo ý muốn của mình, và Thiên Chúa không can thiệp để ngăn cản, nên Thiên Chúa đã quả trách dân Do Thái xưa như sau:

“ Suốt bốn mươi năm dòng giống này làm Ta chán ngán

Ta đã nói: đây là dân tâm hồn lăm lặc

Chúng nào biết đến đường lối của Ta

Nên Ta mới thịnh nộ thề rằng:

Chúng sẽ không được vào chốn yên nghỉ của Ta,” (Tv 95 (94) : 10-11)

Thiên Chúa quả trách như trên vì dân Do Thái đã chọn sống theo ý muốn của họ, và làm những việc trái nghịch với ý muốn của Chúa, thay vì chọn Chúa để sống theo đường lối của Chúa, vì thế nên Người đã phải than trách họ như trên.

Sau này, khi Chúa Giêsu đến rao giảng Tin Mừng Cứu Độ, nhân việc có mười tám người bị tháp Si-lô-a đổ xuống đè chết, Chúa đã nghiêm khắc cảnh cáo bọn Biệt phái như sau:

“ Các ông tưởng họ là những người mắc tội nặng hơn tất cả những người khác ở Giêrusalem chẳng ? Không phải thế đâu, nhưng nếu các ông không chịu sám hối thì các ông cũng sẽ chết hết như vậy,” (Lc 13: 4-5)

Chúa đòi phải sám hối vì người ta đã tự do phạm tội, làm những sự dữ, sự tội là những việc Chúa ghét như hận thù, gian ác, giết người, giết thai nhi để lấy các bộ phận trong thân thể của thai nhi đem bán kiếm tiền, như bọn **Planned Parenthood** đã làm từ bao lâu nay ở Mỹ mà nay người ta mới phanh phui lên án.

Lại nữa, bọn cuồng tín Hồi giáo(ISIS) đang bắt cóc, chặt đầu con tin, hãm hiếp phụ nữ, bách hại các Kitô hữu thiểu số ở Trung Đông, cùng bọn buôn bán phụ nữ và bắt cóc trẻ gái bán cho bọn ma cô tú bà hành nghề mãi dâm và ấu dâm (child prostitution) rất khốn nạn ở nhiều nơi trên thế giới tội lỗi ngày nay, thì thử hỏi : chúng tự do hành động hay bị ai bó buộc ?

Nếu chúng tự do hành động thì chúng sẽ phải lãnh chịu mọi hậu quả do những việc gian ác, tội lỗi chúng đã và đang làm, gây đau khổ lớn lao cho các nạn nhân của chúng ở khắp nơi trên thế giới vô luân, vô đạo này.

Thiên Chúa nhân từ, và công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô là vô giá và đủ cho con người được cứu độ, nhưng tình thương của Chúa và công nghiệp ấy không thể bao che cho những kẻ cứ phạm tội và làm những sự dữ mà không biết ăn năn sám hối để từ bỏ và xin tha thứ.

Đây chính là phần đóng góp của con người vào ơn cứu độ mà Thiên Chúa đòi hỏi mọi người chúng ta, không phải vì Chúa không yêu thương đủ mà vì Người còn phải tôn trọng ý muốn tự do của mỗi người chúng ta nữa.

Anh em Tin lành không chia sẻ niềm tin này, vì họ quan niệm rằng con người đã mất hết mọi khả năng hành thiện sau khi Adam và Eva phạm tội, nên chỉ còn tin Chúa Kitô là được cứu độ mà thôi. Điều này chỉ đúng một phần là cậy nhờ công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô, nhưng sai ở điểm con người vẫn còn tự do để cộng tác với ơn Chúa để được cứu rỗi, hay khước từ Chúa để bị luận phạt, và đây là phần đóng góp của con người mà Thiên Chúa đòi hỏi để được hưởng công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô.

Nói khác đi , nếu chúng ta muốn được hưởng công nghiệp của Chúa Cứu Thế Giêsu, thì chúng ta phải tỏ thiện chí, muốn thực tâm yếu mến Chúa và sống theo đường lối của Người để cương quyết chống lại ma quỷ là kẻ thù duy nhất không muốn cho ai được cứu độ. Vì thế, chúng tìm mọi cách để cám dỗ con người xa lìa Thiên Chúa , và không bước đi theo Chúa Kitô là “ **con Đường, là sự Thật và là sự Sống.**” (Ga 14:6)

Là con Đường vì ngoài Chúa Kitô ra, không có con đường nào khác dẫn con người đến nơi an nghỉ cuối cùng là Nước Trời hạnh phúc.

Là sự Thật vì thế gian là gian dối, sảo trá, nhìn đen nói trắng, hô hào công bình bác ái, nhưng thực chất lại làm những việc hoàn toàn bất công, gian ác và vô nhân đạo. như bóc lột, bắt công xã hội, bao che cho bọn xã hội đen làm những sự dữ gây khổ đau cho người dân lành và đứng dưng trước sự nghèo đói của biết bao người

xấu số trong xã hội.

Là sự Sống, vì chỉ có Chúa mới có “ **lời ban sự sống đời đời**” như Phêrô đã tuyên xưng một ngày kia.(Ga 6: 68)

Như thế, nếu sống theo ma quỷ và thế gian, thì chắc chắn sẽ dẫn đưa đến hư mất đời đời.

Thử hỏi những kẻ đang làm những sự dữ như hận thù chém giết, hiếp dâm, dâm ô trộm cướp , bài bạc , buôn bán phụ nữ và trẻ em, bắt công và bóc lột người khác ,,,thì làm sao có thể được cứu độ để vào cõi sống vĩnh cửu, nếu chúng không mau kíp từ bỏ những việc làm tội lỗi, và sám hối để xin tha thứ ?

Và trong trường hợp này thì cứ nói tin Chúa Kitô liệu có ích lợi gì, nếu không muốn nói là hoàn toàn vô ích.?

Chúa đầy lòng thương xót, nhưng Người không bao giờ có thể chấp nhận những sự dữ đó,vì nó hoàn toàn đối nghịch với bản chất cực tốt cực lành của Người.

Và công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô vẫn hoàn toàn vô ích cho những kẻ làm những sự dữ mà không biết ăn năn thống hối để xin Chúa tha thứ.

Như vậy không thể nói tin Chúa Kitô là đủ để được cứu rồi, vì thế nào là tin Chúa Kitô?

Chắc chắn không thể nói suông qua môi miệng mà không có việc làm đi kèm để chứng minh, như Chúa Giê su đã nói rõ với các môn đệ xưa:

“ Ai yêu mến Thầy thì sẽ giữ lời Thầy

Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy

Cha của Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy,” (Ga 14: 23)

Giữ lời Thầy có nghĩa là thực thi những điều Chúa dạy được tóm tắt trong hai điều răn quan trọng nhất là mến Chúa và yêu người. (Mc 12: 28-31)

Mến Chúa thì phải yêu thích điều Chúa muốn. Nghĩa là không thể làm những sự dữ như căm thù, ghen ghét. bỏ vợ cáo gian, kỳ thị chủng tộc, giết người, giết thai nhi, bắt công bóc lột người khác, khủng bố, bạo động, bắt cóc và chặt đầu con tin, gây chiến tranh để chiếm đoạt tài sản và quyền sống của người khác, ham mê tiền của, dâm dăng, mở nhà điểm, sòng bạc, thay vợ đổi chồng, buôn bán phụ nữ và trẻ em cho kỹ nghệ mại dâm và ấu dâm rất khốn nạn...là những tội và sự dữ Chúa ghét mà những ai muốn yêu mến Chúa phải xa tránh để được đẹp lòng Chúa.

Nếu không xa tránh những tội lớn lao trên đây, thì dù có nói tin yêu Chúa cả trăm ngàn lần cũng vô ích mà thôi. Vì lời nói phải đi đôi với việc làm, đức tin phải có hành động cụ thể thích hợp đi kèm để chứng minh, nếu không sẽ là đức tin chết như Thánh Gia-cô-bê Tông Đồ đã dạy(Gc 2: 14-16).

Tóm lại, muốn được cứu rỗi thì trước hết phải cậy nhờ lòng thương xót của Chúa Cha và công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô, Đấng đã vâng lời Chúa Cha đến trần gian làm Con Người để hy sinh chết thay cho mọi người tội lỗi được tha thứ để vào Nước Trời hưởng hạnh phúc vinh cửu mai sau.

Nhưng về phần con người, Chúa vẫn cần thiện chí muốn được cứu độ thể hiện qua quyết tâm cải thiện đời sống để sống theo đường lối của Chúa, xa tránh tội lỗi, chống lại mọi cám dỗ mờ mịt của thế gian vô luân vô đạo, và nhất là của ma quỷ, thù địch của chúng ta, được ví như “**sự tử găm thét rào quanh tìm mỗi căn xé**” mà Thánh Phê-rô đã cảnh giác.(1Pr 5: 8)

Nếu không có quyết tâm trên thì Chúa không thể cứu ai được, dù Người là tình thương và công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô là vô giá và đủ cho con người được cứu độ. Tình thương và công nghiệp này không tự động áp dụng cho ai mà không cần thiện chí muốn đón nhận của người đó. Xin nhớ kỹ điều này.

Ước mong những giải thích trên thỏa mãn câu hỏi đặt ra.

Lm. Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huân,

VỀ MỤC LỤC

DÂNG MÌNH VÀ PHÓ THÁC MÌNH CHO ĐỨC MẸ

Dâng mình cho Đức Mẹ là một cách phó thác mình cho Đức Mẹ. Khi phó thác mình cho Đức Mẹ, tôi có thể trình bày nỗi lòng mình cho Mẹ. Tôi nói với Mẹ, như để vơi đi nỗi lòng người con thơ dại, nhưng sau cùng là để Mẹ ủi an và dẫn dắt theo như Mẹ muốn.

1. Ngày mùng 8 tháng 12 là lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. dịp này, Chúa thôi thúc tôi hãy dâng mình và phó thác mình cho Đức Mẹ một cách khẩn thiết và sốt sắng, trong tâm tình hiệp thông với toàn thể Hội Thánh toàn cầu nói chung và Hội Thánh tại Việt Nam nói riêng.

2. Lý do là tại nhiều nơi, tình hình đang lâm nguy, hoặc sắp lâm nguy. Lâm nguy đó sẽ lan rộng. Cứu tình hình đó là cứu chính mình.

Trước viễn cảnh đó, Đức Mẹ được Chúa giới thiệu là *Đấng mà mọi con cái Chúa có thể và nên phó thác*.

3. Dâng mình cho Đức Mẹ là một cách phó thác mình cho Đức Mẹ.

Khi phó thác mình cho Đức Mẹ, tôi có thể trình bày nỗi lòng mình cho Mẹ. Tôi nói với Mẹ, như để vơi đi nỗi lòng người con thơ dại, nhưng sau cùng là để Mẹ ủi an và dẫn dắt theo như Mẹ muốn.

4. Đức mẹ luôn muốn những gì Chúa muốn. Thánh ý Chúa lại thường rất khác ý muốn của con người chúng ta.

Chính vì thế, mà phó thác mình cho Mẹ đòi tôi phải sẵn sàng từ bỏ ý riêng mình, để vâng phục thánh ý Chúa.

5. Theo kinh nghiệm đời tu, tôi thấy việc phó thác nhấn mạnh đến từ bỏ cái tôi, để thuận theo ý Chúa, luôn là một cuộc chiến nội tâm gay gắt.

6. Thường thì tôi cũng như nhiều người phó thác, chẳng bao giờ dám có ý chống lại thánh ý Chúa. Nhưng chỉ tìm cách dối mình, coi ý mình cũng hợp ý Chúa. Dối mình bằng những ảo tưởng khoác áo đạo đức bề ngoài, nhưng bên trong vẫn nặng cái tôi ích kỷ.

Đôi khi cái tôi đó cũng không đến nỗi phải gọi là ích kỷ, nhưng thiếu thận trọng. Ở đây, tôi nhớ lại lời khuyên chân thành mà cha linh hồn của Charles de Foucauld đã gửi cho Charles: *“Hãy coi chừng lòng nhiệt thành của Cha, hãy rất thận trọng”*. Đúng là lòng nhiệt thành, khi không được thận trọng dưới ơn khôn ngoan của Chúa Thánh Thần, sẽ trở thành kẻ phá phách chương trình cứu độ của Chúa.

7. Để việc phó thác được thực hiện đúng hướng, tôi thường cầu nguyện. Chúa dạy tôi hãy nhìn vào gương Đức Mẹ và gương Chúa Giêsu.

8. *Gương Đức Mẹ phó thác* được nổi bật ở biến cố Mẹ được báo tin Chúa chọn làm mẹ Đấng Cứu Thế, Mẹ thưa: ***“Này con là nữ tỳ của Chúa, con Xin Vâng”*** (Lc 1,38).

Với lời *Xin Vâng* đó, Mẹ đã phó thác mình trọn vẹn cho Chúa suốt đời.

Phó thác của Mẹ là để chìm mình trong khiêm nhường tuyệt đối, âm thầm ca ngợi Chúa. Và chôn vùi mình vào thinh lặng, nghèo khó để lắng nghe Chúa trên đường phục vụ.

Phó thác của Mẹ là chia sẻ con đường thương khó của Chúa Giêsu.

Phó thác của Mẹ là khiêm tốn ở lại bên môn đệ Gioan, để lắng lẽ chia sẻ với Hội Thánh sơ khai.

Nhìn gương phó thác của Mẹ Maria, tôi thấy khiêm nhường cùng với niềm tin vào quyền năng và lòng thương xót Chúa chính là những điều quan trọng làm nên phó thác.

9. *Gương phó thác của Chúa Giêsu* được nổi bật ở giờ phút Chúa Giêsu chịu đóng đinh trên thánh giá, đã nói với Chúa Cha: ***“Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha”*** (Lc 13,16).

Chúa Giêsu phó thác mình trong tay Chúa Cha, ở giờ phút thê thảm nhất. Bị sỉ nhục, bị đau đớn, bị loại trừ, bị kết án, chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, Chúa Giêsu nói lên lời phó thác nơi Chúa Cha. Chứng tỏ rằng: Phó thác đẹp nhất là ở chỗ: Cho dù tất cả đều đổ vỡ, lòng tin vào Thiên Chúa vẫn vững bền.

10. Gương phó thác của Chúa Giêsu và của Mẹ Maria đã giúp tôi rất nhiều. Chúa dùng hai gương sáng để đào tạo tôi.

Việc đào tạo Chúa dành cho tôi về phó thác là thường xuyên, từng ngày, từng giờ. Rất nhiều khi, việc đào tạo đó được tôi cảm nghiệm như còn dài, còn mãi, chẳng bao giờ cùng.

Ngay trong những ngày này, tôi thấy mình mệt mỏi, cạn kiệt về sức khỏe thể xác và tâm hồn, tôi chỉ còn phó thác và xin ơn phó thác.

11. Tôi xin ơn phó thác. Bởi vì tôi sợ tôi không biết phó thác. Tôi xin ơn phó thác một cách rất đơn sơ. Tôi chỉ lặp đi lặp lại lời cầu: *“Con đuối lắm rồi. Con xin phó thác con trong tình yêu của Cha, vì Cha là cha của con”*. Thế thôi.

12. Thế rồi, kết quả là tuyệt vời. Chúa dẫn đưa tôi vào con đường mà thánh ý Chúa muốn. Chứ không phải con đường, mà tôi muốn.

Chúa dẫn đưa một cách mạnh mẽ, nhưng nhẹ nhàng. Tôi cảm được điều đó.

13. Với kinh nghiệm trên đây về phó thác, tôi có một lời khuyên tha thiết gửi đến anh chị em, đó là hãy phó thác mình cho Chúa luôn luôn và trong mọi hoàn cảnh. Đừng bao giờ phó thác mình cho quỷ Satan, cho dù chỉ một phút một giây.

14. Tôi nói như vậy, vì tôi biết đang có phong trào thờ quỷ Satan, và phó thác mình cho quỷ Satan, để nhờ quỷ Satan mà được của cải, địa vị, thắng thế về những lợi ích trần gian.

Hồi tôi còn học ở Cộng Hòa Liên Bang Đức, một vị giám mục tại đó đã nói với tôi về phong trào thờ Satan, dâng mình cho Satan, nhờ Satan mà kiếm lợi. Phong trào đó hoạt động ngay trong giáo phận của Ngài, với những lễ nghi và cam kết trước mặt Satan hiện hình. Phong trào đó đã lan rộng ra nhiều nơi dưới nhiều hình thức.

15. Trước đây, khi còn tại chức, mỗi năm tôi thường được gặp Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

Lần nào cũng vậy, Đức Thánh Giáo Hoàng đều chúc tôi một lời: *“Hãy can đảm”*, đồng thời ban tặng tôi một tràng hạt Đức Mẹ Mân Côi. Tôi hiểu Ngài muốn tôi hãy phó thác mình cho Đức Mẹ, qua việc lần chuỗi mân côi. Tôi vẫn thực thi lời dạy của Ngài.

Thực thi lời dạy của Đức Thánh Giáo Hoàng, lòng tôi mở ra về bốn phận phải đổi mới chính mình, bắt đầu ngay từ việc dâng mình và phó thác mình cho Đức Mẹ và Chúa mỗi ngày.

16. Xét mình về phó thác, nhiều khi tôi thấy tôi cần bỏ đi nhiều ảo tưởng và nhiều tham vọng, mà tôi tự coi là đạo đức, đó là những hành trang làm cho hành trình ơn gọi trở thành nặng nề. Tôi cần tập trung nhiều hơn vào niềm tin ở Đức Mẹ và Thiên Chúa là Cha giàu lòng thương xót, trong tinh thần tỉnh thức và cầu nguyện.

Được dâng mình và phó thác mình cho Đức Mẹ và cho Thiên Chúa, tôi cảm thấy mình được hạnh phúc lạ lùng. Hạnh phúc lạ lùng này đang uốn nắn hồn tôi, theo lời khuyên của thánh Gioan Tiền Hô. Với hạnh phúc đó, tôi nhớ về mọi đồng bào yêu dấu của tôi.

Long Xuyên, ngày 29.11.2016.

+ Gm. GB BÙI TUẦN

VỀ MỤC LỤC

XIN CHO CON MỘT ĐÓM LỬA THÁNH-THẦN CHÚA

(THƠ XUÔI)

*“Ngày lễ Tuần Năm Mười,
các tông-đồ họp nhau trong nhà hội tại Gia-liêm,
cùng với Đức Maria, Mẹ Chúa Giê-su và các môn-đệ khác.
Bỗng dưng tự trời nghe có tiếng động mạnh
tựa hồ tiếng gió thổi tràn lan khắp nhà, nơi các Ngài đang hội.
Rồi có những hình lưỡi lửa hiện ra trên đầu mỗi người.
Khi đó hết thấy mọi người đều được tràn đầy
ơn Đức Chúa Thánh-Thần.” (Tông-Đồ Công-Vụ, 2. 1-4)*



Không phải chỉ là một vùng mờ tối. Không phải như sương mù giăng trên khắp lối. Không phải như lúc trời choạng-vạng nhá-nhem. Cũng không phải rộng như một bức màn đêm. Nhưng tất cả là tối đen dày đặc. Đen như mực chảy. Đen như gỗ cháy. Đen mênh-mông trên không-trung. Đen tràn lan trên mặt đất. Đen chất-chồng lên cao ngất. Đen lênh-láng trên biển sông. Đen ùn-ùn như mây khói. Đen sừng-sững như non cao. Đen chặn bít lối ra vào. Đen đầy lấp cả trời đất. Đen không một kẽ hở. Đen cho tình người tan vỡ. Đen khiến nhân-luân sụp đổ. Đen đến ghê sợ. Đen rừng mình sờn óc. Đen tanh mùi chết-chóc. Đen chụp kín lên hồn tôi. Thôi chết tôi rồi! Lạy Chúa tôi ơi, xin cứu lấy tôi! Con xin Ngài cho con đốt lửa, chân tay con sẽ chẳng còn co-quắp nữa như người lữ-hành chết cứng giữa rừng tăm-tối xa-xôi.

Không hạn hẹp nhỏ bé, nhưng dồi-dào quảng-đại như mạch nước mức mãi không vơi. Lửa phân-phát chia sẻ. Lửa tiếp nối chuyển tay đi đến mọi nơi. Lửa triển-khai không giới-hạn. Lửa chạy dài đến vô-biên. Lửa cháy tiếp-liên. Lửa sáng triền-miên. Lửa chảy ra biển khơi. Lửa trào lên đỉnh núi. Lửa múa trên ngọn cây. Lửa ngập cả đất trời. Lửa đầy sập thành đêm. Lửa soi đường dẫn lối. Lửa sáng trưng khắp miền. Lửa rực cháy cung thiên.

Con trân-trọng Lửa hồng. Con nâng-niu ánh sáng, dầu chỉ là đốm sáng của ngọn đèn hiu-hắt, con vẫn ước mong. Có Lửa hồng, con vững bước đi như có người dẫn dắt. Có Lửa hồng, con được sưởi ấm như hết rồi giá rét của đêm đông.

Chúa ơi, giữ Lửa cho con, xin đừng để tắt, kéo tối-tăm hận-thù sẽ ào-ạt tràn tới tấn-công; kéo bóng đêm gian dối sẽ ập vào chiếm cứ hồn con; kéo bóng đêm tàn-nhẫn lạnh-lùng làm con rét run tê cóng; kéo bóng đêm tai-ương thảm-hoạ khiến con sợ-hãi cô-đơn.

Chúa ơi, giữ Lửa cho con, xin đừng để tắt. Lửa hắt bóng con in trên nền vách, con đối-diện hồn con và con gặp lại bản-thân; con thấy con là mọn hèn, là xấu-xa, là nhuốc-nha đáng trách. Tội-tình này xin Chúa xóa bỏ, con quyết ăn-năn. Tội-tình này sẽ huỷ-diệt trong Lửa hồng nung-nấu. Con sẽ không còn là thanh sắt lẫn-lóc rỉ han. Con sẽ được thanh-tẩy làm nên kho-tàng chất-chứa tình Cha yêu-dấu. Con sẽ được tôi-luyện uốn nắn cho Ngài dùng làm khí-cụ bình-an. Con sẽ nóng đỏ mềm-mại như chính Lửa hồng thiêu-đốt kết con nên một chẳng thể phân ly. Con sẽ được đóng ấn như thành Xô-Đô-Ma năm xưa ghi dấu thiên-uy.

Ồi! Lửa đẹp nhiệm-mầu muôn vẻ. Lửa đẹp thanh-khiết tinh-tuyền. Lửa cháy thơm lễ-vật hiến-tế. Lửa hân-hoan lời kể-lễ hàn-huyên. Lửa toả khói vương trên mái thôn im vắng: Lửa là tin mừng của tồn-tại sự sống. Lửa nuôi niềm hy-vọng cho người lạc bước cô-đơn. Lửa lung-linh vàng óng. Lửa hừng-hực cháy sáng. Lửa giơ tay vươn. Lửa múa chập-chờn. Lửa vẫy gọi nài van. Lửa nhảy mừng chiến-thắng. Lửa vỗ tay reo khúc khải-hoàn. Lửa chẳng thể cân đong. Lửa đơn-giản khôn lường. Lửa là sức mạnh vô song. Lửa phong-phú phi-thường. Lửa cho hết tùy khả-năng tiếp đón. Con ước chi tim con thật rộng lớn, tim con sẽ thành lò Lửa ngùn-ngụt cháy mãi yêu thương.

Lạy Chúa yêu thương! Chúa là tình yêu, Chúa là Lửa hồng rực sáng. Xin Chúa thổi hơi, để cơn bão lửa cuộn-cuộn đốt cháy tim con, cho tình hiệp-thông luôn-luôn bền vững, cho tình hiệp-thông mãi-mãi sắt son, cho tình hiệp-thông hùng-hồn minh-chứng: là con-cái của Tình Yêu, Sự Sáng, con hằng mang trọn hình-ảnh của Thiên-Chúa từ-nhân.

Chúa ơi, giữ Lửa cho con, xin đừng để tắt! Để con suốt đời phản-ánh trung-thành tình Cha chất ngất. Tình Cha không đổi-chác. Tình Cha rất chân-thật. Tình Cha rất mênh-mông. Để con thấy rằng, dầu có tận-hiến yêu Cha, tình con cũng không thể nào cân-xứng, con chỉ là người "tôi-tớ vô-dụng chẳng đáng lấy công".

Chúa ơi! Hãy nổi cơn dông, để Lửa Trời cuốn con lên với Chúa! Chân tay con sẽ chẳng còn co-quắp nữa, như người lữ-hành chết cồng giữa miền băng tuyết lạnh giá đêm đông.

Lord! Grant Me a Spark of Your Holy Spirit

1- When the day of Pentecost came, they were all together in one place. 2- Suddenly a sound like the blowing of a violent wind came from heaven and filled the whole house where they were sitting.

*3- They saw what seemed to be **tongues of fire** that separated and came to rest on each of them.*

4- All of them were filled with the Holy Spirit and began to speak in other tongues as the Spirit enabled them.

(Acts. 2, 1-4)

It's not simply a dim region. It's not darkish like the mist stretching every ways. It's neither dusky like the twilight of the nightfall nor enormously gloomy like the darkling night time. But all is dense darkness. What like inky-black it is! Black as charcoal. Black immensely raising in the space. Black spreading out in abundance on the ground. Black piling up and towering on high. Black overflowing into rivers and seas. Black heaping up as clouds and smoke flying. Black standing strikingly as high mountains. Black obstructing all the exits. Black filling up the highest skies and vast earth. Black having not any slit. Black making broken off the human feelings. Black inciting the collapse of the human morality. Black causing me the horrors. Black provoking shudder and deafening for terror. Black exhaling a bad smell of the massacre. Black closely catching my soul. O my God! Certainly I must be killed! Save me my Lord! Grant me a bit of the Holy Spirit Fire. Thanks to this, my limbs will not curled up anymore like the traveler lying stiff in death within the remote dark jungle.

Not limited and scarce, but abundant like the subterranean stream flowing out never dry, fire is distributed and shared. Fire passing hands to hands, and spreading out everywhere. Fire developing boundless. Fire running far to the infinite. Fire burning continuously. Fire illuminating

incessantly. Fire flowing out to the seas. Fire climbing up to the mountain's peak. Fire dancing on the tops of the trees. Fire flooding Heaven and Earth. Fire demolishing the night's citadel. Fire lighting the entrance's path. Fire illuminating throughout the domain. Fire flaring up brightly the celestial palace.

Lord! I ask you for one holy spark, thanks to this, we aren't separable any more, we will share together the flickering fire, the fire overflowing with deep affection, the fire burning up with love. We will clearly see each other in the dispersive flock, now reunited to guide one another going within the sea of supernatural fire of The Holy Spirit, the fire printed clearly the image of benevolent God.

I esteem the red fire. I cherish the light, even though it's a light speck from a lamp flickering that I have always desired. With the red fire, I firmly step as if I am guided the way. With the red fire, I will be heated as if ended the icy chill of the winter night.

Lord! keep your fire for me, don't let it extinguished for fear that the obscurity of revenge would rush on to attack me, for fear that the darkness of deceit suddenly would break in to forcibly occupy my soul, for fear that the darkness of phlegmatic brutality makes me tremble and numb with freezing cold, for fear that the darkness of misfortunes and disaster makes me frightened and lonely.

Lord! keep your fire for me, don't let it extinguished. Fire casts my shade on the floor and the walls, then I face my soul and I see clearly myself, I know well I am insignificant, vile, disgraceful, blameworthy.

Lord! Please, erase my offences, I repent decisively. My faults will be burnt down in the heating fire. I shall not be the rusty and nullified iron anymore. I shall be purified to become the treasure accumulating your ardent love, I shall be tempered and modeled to turn into "an instrument of thy peace". I shall be hot, red, flexible like the red fire burning me to combine inseparably with me into one. I shall be stamped like formerly Sodom City was carved the trace of the heaven authority.

What a mysterious and perfect beauty of the fire! A clean and pure beauty! Fire burns scented the sacred offering! A clean and pure beauty! Fire listen to people telling gladly their intimate sentiments and inquire one another about the health. Fire emits smoke rising on the roofs in the silent and solitary hamlets. Fire listen to people telling one another the happy news about the survivors. Fire makes the lonely people lost his way, now feeling hope. Fire is glistening and shining. Fire burns bright and ardently. Fire stretching its arms. Fire dances flickeringly. Fire beckons insistently. Fire leaps for triumphal joy. Fire applauds to cheer the song of victory. Fire is immeasurable. Fire is extremely simple. Fire is the incomparable strength. Fire is extremely abundant. Fire gives the whole itself according to the receiving capacity. I wish to have a really large heart, my heart will turn into kiln burning impetuosity and persistently the fire of devoted love.

Lord! You are the love. You are the shining fire. Please blow your breath to rise the fire storm burning my heart, then the communion with you would be perpetually unshakeable, the communion may be eternally solid, the communion may justify eloquently that being offspring of the love and the light, I keep completely and constantly the image of benevolent God.

Lord! command the tempest to rise so that the celestial fire may whirl me up to reach you, then my limbs will never be curled up anymore like that traveler died in the glacial region due to the biting and numb cold of the winter night.

Biển-Đức Đỗ Quang-Vinh

VỀ MỤC LỤC

MẸ, NGUỒN YÊU THƯƠNG VÔ BỜ!

Ai trong chúng ta có thể hát hết những khúc tình ca thấm thiết về mẹ; đọc hết những bài thơ trữ tình đầy ấp yêu thương của mẹ; những câu ca dao ngọt ngào; những câu chuyện thấm đẫm tình thương của mẹ với con cái trong thế gian này! Kho tàng văn học đồ sộ về mẹ của nhân loại hầu như vô giá và vô tận...

Bởi, tình yêu của mẹ dành cho con là một tình yêu thiêng liêng, huyền diệu đã được Thiên Chúa ban cho người mẹ. Con người đã nhận ra được một phần điều bí mật huyền nhiệm nơi tình yêu đó. Trong một cách diễn tả nhấn mạnh, thêm cường điệu về tình yêu của mẹ, một câu ngạn ngữ Ả rập đã nói: *"Vì Thượng Đế không thể ở khắp nơi, nên Chúa đã sản sinh ra các bà mẹ."* Tôi thì lại thích diễn tả điều đó theo một cách khác: *"Tình yêu nơi các bà mẹ với con cái làm tỏ rõ một phần tình yêu nơi Thiên Chúa với con người."*

Tình yêu của các bà mẹ:

Tình yêu nơi các bà mẹ với con cái thật sâu thẳm và mệnh mang. Mẹ sẵn lòng đói lạnh để con được ấm no; mẹ cam nằm chỗ chiếu, nệm ướt trong đêm giá lạnh, để con nằm phần chiếu, nệm khô ráo; con đi xa, mẹ trông đợi nhớ nhung; con lỗi phạm trở về, mẹ thứ tha hoan hỷ.. Bà mẹ sẵn sàng hy sinh tất cả, để con cái được ấm êm hạnh phúc:

"Mẹ nghèo nón lá tả tơi

Mong sao con trẻ vào đời bình yên".

Ca khúc Mẹ yêu con của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý sáng tác năm 1956 do ca sĩ Thu Hiền thể hiện, tôi cứ nghe đi nghe lại nhiều lần đã khơi lại trong tôi, người con mồ côi mẹ bao nhớ nhung thương tiếc!

“À á ru hời ơ hời ru.

Mẹ thương con có hay chăng,

Thương từ khi thai nghén trong lòng.

Mấy nắng sớm chiều mưa rông.

Chín tháng so với chín năm

Gian khổ tính khôn lường...

Miệng con chúm chím xinh xinh,

Như đài hoa đang hé trên cành.

Khát nắng mới và sương lạnh.

Lá thắm, rung cánh tay ôm ấp lấy hòa bình.

À á ru hời ơ hời ru.

Nhớ những lúc mừng con lẫy, rồi con ngò...

Giờ con biết đi rồi,

Đi trên con đường mới.

Mẹ ngắm con cười.

À á ru hời ơ hời ru...”

Và trên hết, mẹ sẵn sàng hy sinh mạng sống để con được sống. Câu chuyện “*Anh Phải Sống*” của nhà văn Khái Hưng. Người mẹ, chị Lạc, vợ anh Thức, sẵn lòng buông tay không bám lấy chồng cho nước cuốn trôi, để chồng có thể đủ sức bơi được trên dòng sông Nhị Hà trong lúc chìm thuyền trôi hết những cành củi khô, vợ chồng anh vừa vớt được, vào một chiều mưa bão. Chị đành chịu chết, để thằng Bò! Cái Nhớn! Cái Bé! Con chị được sống, khi anh Thức sống trở về nhà. Đó là tình yêu dâng hiến (agape), hoàn toàn vô vụ lợi.

Người mẹ được phú bẩm:

“Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào

Tình mẹ tha thiết như dòng suối biển ngọt ngào...”

(Lòng mẹ, Y Vân)

Bởi vì hơi thở của con là hơi thở của mẹ; cuộc sống của con là cuộc sống của mẹ; con sống là mẹ sống; con chết cũng như mẹ chết. Ngoài ra:

Máu thịt, xương cốt của con là máu thịt, xương cốt của mẹ.

Từ trong trứng nước, ngay những giây phút được hình thành theo quyền năng kỳ diệu và lòng yêu thương vô bờ của Thiên Chúa, con được nuôi dưỡng bằng máu thịt của mẹ. Máu thịt của con, chính là máu thịt của mẹ. Xương cốt của con, chính là xương cốt của mẹ. Cung lòng mẹ là tổ ấm của con trong chín tháng mười ngày, con được cưu mang ấm êm hạnh phúc. Nơi cung lòng mẹ, con được đón nhận tất cả những gì mẹ tiếp nhận. Mẹ lo lắng, khó khăn u sầu, con co ro trong lòng mẹ; mẹ vui tươi hạnh phúc, con nhảy mừng trong lòng mẹ (*Đức Mẹ đi viếng bà Elizabeth*); mẹ thanh thoát nhẹ nhàng thưởng thức món ngon vật lạ, bổ dưỡng, con mỉm cười lớn mau. Chính vì thế, các bác sĩ thường khuyên các bà mẹ khi mang thai, muốn thai nhi mạnh khỏe, ngoài việc ăn uống đủ chất dinh dưỡng như cá chép, thịt, trứng...cần có đời sống tinh thần thoải mái, vui tươi, tránh lo lắng u sầu để khỏi ảnh hưởng không tốt đến con trong lòng. Con sinh ra, còn sữa nào tốt hơn sữa mẹ! Dù hôm nay, có hàng trăm thứ sữa, song Bác sĩ vẫn khuyên các bà mẹ nên cho con bú sữa mẹ. Vì khi bú, con còn đón nhận tình cảm ấm áp, dịu dàng, yêu thương ngọt ngào của mẹ, qua sự vuốt ve hay lời ru êm ái từ thẳm sâu lòng mẹ phát ra.

Tình yêu của Thiên Chúa thể hiện một phần nơi các bà mẹ

Mầu nhiệm Chúa ba Ngôi - Mầu nhiệm Tình Yêu, mầu nhiệm trung tâm của Đức Tin Kitô giáo, vốn là một mầu nhiệm vượt trên sự hiểu biết của con người; ngay cả óc tưởng tượng của con người cũng không thể nào thấu hiểu hay hình dung được. Chúa Giêsu đã dạy cho chúng ta biết mầu nhiệm Chúa ba Ngôi: *“anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ. Làm Phép Rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần”* (Mt 28, 20). Nếu Chúa không dạy thì chúng ta không thể nào biết được. Mầu nhiệm Chúa ba ngôi giúp ta biết: *“Thiên Chúa là tình yêu”* (1Ga 4, 8). Chỉ khi Chúa xuống làm người, ta mới được Chúa cho biết Mầu nhiệm cao trọng này; thời Cựu Ước ta mới biết Thiên Chúa duy nhất và quyền năng vô biên đã tạo ra vũ trụ cùng muôn loài.

Thánh Augustinô đã nói: *“Nếu anh thấy tình yêu, anh thấy Ba Ngôi cực thánh”* (Trích Thông điệp Thiên Chúa là tình yêu của Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI số 19). Chính vì thế, khi chúng ta cảm nghiệm, nhìn thấy được tình yêu của mẹ với con cái, chính là lúc chúng ta nhận ra một phần về nhiệm mầu của tình yêu bao la không bến bờ nơi Thiên Chúa dành cho con người.

Tình yêu của các bà mẹ nó cụ thể hơn, nó sống động hơn, ta dễ có thể nhận được bằng giác quan, ta bắt gặp hàng ngày ở bất cứ nơi nào trên trái đất. Nhìn vào tấm gương tình yêu nơi người mẹ với con cái ta đã có thể bập bẹ được đôi điều về tình yêu của Thiên Chúa dành cho nhân loại. Nhà truyền giáo cũng là họa sĩ thời danh người Hà Lan Van Gogh (1853-1890) đã nói:

“Cách tốt nhất để biết Thiên Chúa là hãy yêu nhiều. Hãy yêu bạn mình, yêu vợ mình, yêu một cái gì đó. Rồi bạn sẽ thấy mình đang đi đúng đường dẫn tới chỗ biết Thiên Chúa”.

Vậy nhìn bà mẹ yêu con ta thấy được phần nào tình yêu của Thiên Chúa với chúng ta. Cũng chính vì thế mà trong thư thứ nhất câu 20 chương 4, thánh Gioan đã viết: *“Nếu ai nói: Tôi*

yêu mến Thiên Chúa, mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối. Vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy”.

Nỗi thao thức băn khoăn

Từ cội nguồn, và sâu thẳm, tình yêu thương của mẹ với con là như thế! Và có thể trăm lần, ngàn lần hơn thế! Nhưng nhìn lại trong xã hội hôm nay, ta không khỏi ngậm ngùi chua xót, đốn đau khi thấy khá nhiều người chỉ còn biết chạy theo vật chất, chạy theo tiền tài danh vọng. Hàng ngàn, hàng trăm ngàn bà mẹ sẵn sàng nạo phá thai, trút bỏ thai nhi, máu thịt của mình vô tội vào sọt rác. Đau đớn hơn nữa là các thai nhi nhiều nơi còn được dùng làm đồ ăn cho gia súc. Xã hội chưa có một đạo luật nào bảo vệ sự sống của con người khi còn là thai nhi. Càng buồn hơn khi người ta còn tranh cãi nhau chưa nhận thai nhi là con người. Người ta chỉ nhìn nhận con người khi đã được sinh ra. Thật phi luân và phản đạo đức.

(Điều 19 Hiến Pháp Việt Nam: Con người có quyền sống...)

Kết luận

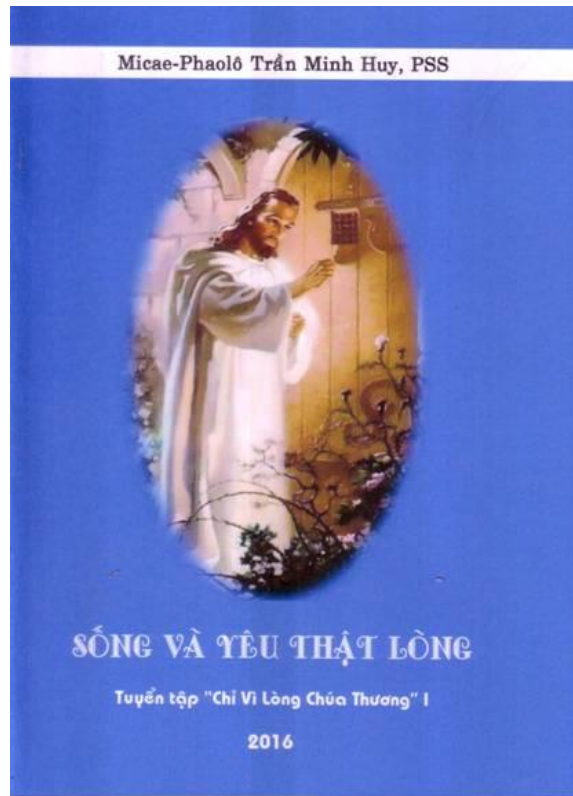
Cộng đoàn giáo xứ phải là cộng đoàn Cầu Nguyện; cộng đoàn Đức Tin; cộng đoàn Yêu Thương và Bác Ai; nhưng trên hết phải là cộng đoàn Loan Báo Tin Mừng. Vì Thánh Gia-cô-bê đã xác quyết: **“Đức Tin không có việc làm là Đức Tin chết”** (Gc. 2, 17). Do đó, chúng ta có bổn phận gìn giữ tình yêu cao đẹp của người mẹ nơi con cái trong quê hương thân yêu này, nơi Chúa đã cho ta sống tại đây, bằng cách thiết tha cầu nguyện xin Chúa thương để các bà mẹ nhận ra việc trút bỏ thai nhi là lỗi luật Chúa dạy. Và ta cùng cầu nguyện để các nhà lãnh đạo trên quê hương sớm có các sắc luật ngăn chặn sự phá thai để mọi người được bảo vệ quyền sống và được sống bình an, ngay khi còn là thai nhi trong cung lòng mẹ. Được như vậy, hạnh phúc biết bao!

Cursillista Inhaxiô Đặng Phúc Minh

VỀ MỤC LỤC

NHÂN DANH CHÚA GIÊSU

Tác Phẩm: CẦU NGUYỆN CÁ NHÂN BÍ QUYẾT TÌNH YÊU VÀ VUI SỐNG
Lm. Micae Phaolô Trần Minh Huy, pss.



Phần thứ ba

CẨM NANG CHỈ ĐƯỜNG

Ba

NHÂN DANH CHÚA GIÊSU

Con có thực sự yêu mến Thầy không?

Chúng ta biết Chúa Giêsu thế nào, nếu không phải là nhờ Phúc âm? Nhưng đọc tiểu sử không đủ để biết Ngài. Mầu nhiệm của Ngài chỉ được tiệm tiến mạc khải theo tỷ lệ tình yêu của chúng ta dành cho Ngài. Càng yêu Ngài, chúng ta càng khám phá thấy rằng chúng ta đến chậm: Chính Ngài yêu chúng ta, Ngài biết chúng ta, Ngài tìm kiếm chúng ta không ngừng, với một sự tế nhị làm chúng ta ngạc nhiên.

Như Phêrô ba lần được hỏi “*Con có thực sự yêu mến Thầy không?*”, chúng ta có thể thưa với Chúa “*Lạy Chúa, Chúa biết con yêu mến Chúa*”. Nhưng có lẽ chúng ta sẽ thêm ngay rằng “*Chúa biết con yêu mến Chúa chưa đủ, con còn phải cố gắng rất nhiều nữa để có thể yêu mến Chúa trên hết mọi sự!*” Trong Chúa Giêsu Kitô đang ẩn giấu mọi kho tàng của Thiên Chúa, của con người, của vũ trụ. Chúng ta hãy yêu mến Ngài trong niềm vui cũng như trong đau khổ. Ngày ngày chúng ta hãy dọn mình sống với Ngài, lúc thăng cũng như lúc trầm, tốt nhất cũng như tồi tệ nhất, mãi cho đến chết. Chúng ta sẽ không thất vọng đâu! Sớm muộn chi cũng sẽ tới lúc chúng ta sẽ nói lại những lời này: “*Thay vì chết một cách ngu ngốc, tôi sẽ hiến dâng cái chết của tôi cho những người tôi yêu mến. Mọi sự luôn phải giúp ta đạt tới tình yêu Chúa Kitô*”.

Tên của Người Yêu Dấu

Giêsu nghĩa là “*Thiên Chúa cứu*” (Mt.1, 21). Thánh Matthêu cũng nói rằng tên này được ban cho con trẻ để lời tiên tri nên trọn: “*Người ta sẽ đặt tên cho Ngài là “Emmanuel” nghĩa là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”*” (Mt.1, 23). Tên mang một ý nghĩa quan trọng. Chúng ta hay nói

“tên là người”. Tên đặt khi sinh ra thường chỉ định một ơn gọi, một chương trình sống. Thiên Chúa đổi tên một người khi Ngài muốn trao cho người đó một sứ mệnh mới (Abram thành Abraham, Jacob thành Israel, Simon thành Phêrô...). Có nhiều tên nghĩa là có nhiều nhiệm vụ phải chu toàn, như Salomon còn được gọi là *“được Chúa thương”* (2 Sm.12, 25).

Trên hết mọi tên là tên của Chúa, độc nhất, mầu nhiệm: *“Đấng Tự Hữu”* (Ex.3, 14). Thiên Chúa đã mạc khải cho Mô-sê từ giữa bụi gai cháy bùng và còn thêm rằng Ngài sẽ giải thoát dân Ngài khỏi khốn khổ. Chỉ Chúa Giêsu mới dám dùng lại cho mình cái tên ấy: *“Trước khi chưa có Abraham, Ta đã hiện hữu”* (Jn.8, 58). Giới lãnh đạo tôn giáo Do Thái không hiểu nên kết án Ngài là phạm thượng, muốn ném đá Ngài và cuối cùng đẩy Ngài chết đóng đinh trên thập giá.

Chính qua sự khinh miệt phi lý đó mà mầu nhiệm thâm sâu nhất của Danh được bộc lộ: một Tình Yêu khiêm hạ đến độ nhận lấy địa vị phạm nhân, tự tước bỏ hết mọi trỗi vượt bên ngoài: *“Chính vì thế, Thiên Chúa đã siêu tôn Người và tặng ban danh hiệu trỗi vượt trên muôn ngàn danh hiệu. Như vậy, khi vừa nghe danh thánh Giêsu, cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ, muôn vật phải bái quỳ; và để tôn vinh Thiên Chúa Cha, mọi loài phải mở miệng tuyên xưng rằng “Đức Giêsu Kitô là Chúa”* (Ph.2, 9-11).

Bây giờ chúng ta hiểu được quyền năng vô biên của Danh Giêsu, một quyền năng của Thiên Chúa làm người, đặt trong tầm vóc của những kẻ bé nhỏ nhất. Quyền năng của tình yêu và khiêm hạ. Vậy chúng ta không còn ngạc nhiên khi cầu nguyện lại kêu nhân danh Chúa Giêsu. Tất cả mọi lời cầu nguyện đều được kết thúc *“Nhờ Đức Giêsu Kitô Chúa chúng con...”*

Chúng ta hãy luôn kêu cầu danh Chúa Giêsu, để dần dần danh Giêsu như được nối liền với nhịp tim của chúng ta: chúng ta yêu mến Chúa Giêsu trong tương quan với Chúa Cha và trong Chúa Thánh Thần. Như vậy, chúng ta vào trong mối hiệp thông tình yêu của Chúa Ba Ngôi. Cái chính yếu là sự trung thành với Chúa Giêsu, đến nỗi chính Ngài lưu lại trong trái tim chúng ta, trong hơi thở chúng ta, trong tư tưởng chúng ta, trong cử chỉ của chúng ta. Danh trở thành phương tiện truyền thông. Nó như là chiếc lăng kính nhận lãnh và hội tụ ánh sáng của Chúa Kitô. Lăng kính này giúp chúng ta thắp lên ngọn lửa đã được nói đến: *“Thầy mang lửa vào thế gian và ước mong phải chi lửa ấy đã bùng lên”* (Lc.12, 49).

Chúa Giêsu cầu nguyện trong chúng ta

Đối với đời sống kitô hữu, lời cầu nguyện đích thực chính là lời cầu nguyện của chính Chúa Giêsu. *“Tôi có cảm tưởng từ bao nhiêu năm qua tôi mang trong lòng mình lời cầu nguyện mà tôi chẳng hề hay biết. Lời cầu nguyện ấy giống như một suối nguồn bị một tảng đá chặn lại. Tới một lúc, Chúa Giêsu đã cất đi tảng đá. Bây giờ, dòng suối bắt đầu chảy, và từ đó nó tiếp tục chảy mãi”*.

Chúng ta sẽ trở lại với lời cầu nguyện liên tục này, nhưng bây giờ hãy tìm ý nghĩa của việc *“cầu nguyện nhân danh Chúa Giêsu”*. Ba lần trong Phúc âm theo thánh Gioan, Chúa Giêsu đã bảo các môn đệ cầu nguyện nhân danh Ngài và Ngài hứa với họ là họ sẽ được nhậm lời: *“Tất cả những gì chúng con xin nhân danh Thầy, Thầy sẽ làm cho, để Cha được vinh hiển trong Con. Nếu các con xin điều gì nhân danh Thầy, Thầy sẽ làm cho các con”* (Jn.14,13-14; 15,7-16;16:23-24.26). Cầu nguyện nhân danh Chúa Giêsu phải kèm theo sự thông hiệp với Ngài: Nhờ Ngài, với Ngài và trong Ngài.

Chúa Giêsu là lời cầu nguyện trọn hảo. Trong suốt cuộc đời trần thế của Ngài, chúng ta thấy Ngài cầu nguyện luôn. Thánh Luca không bỏ qua cơ hội nào mà không chỉ cho chúng ta thấy. Chẳng hạn trước khi chọn mười hai tông đồ, nền tảng của Giáo Hội: *“Chúa Giêsu đi lên núi để cầu nguyện và Ngài đã thức suốt đêm để cầu nguyện cùng Thiên Chúa”* (Lc.6,12). Lúc chịu phép rửa, lúc biến hình, khi hấp hối trên thánh giá, Chúa Giêsu cầu nguyện. Ngài là lời cầu nguyện sống động và phổ quát, vì vinh danh Cha Ngài và vì phần rỗi nhân loại.

Lời cầu nguyện của Ngài là một cuộc kịch chiến chống lại Sự Dữ. Ngài đã nói như thế này với Phêrô: *“Simon, Simon, kìa Satan đã xin được sàng các con như sàng gạo. Nhưng Thầy đã cầu nguyện cho con để con khỏi mất lòng tin. Phần con, một khi đã trở lại, con hãy làm cho các anh em của con được nên vững vàng”* (Lc.22, 31-32). Và bây giờ, đã phục sinh từ kẻ chết, Ngài vẫn tiếp tục cầu nguyện: *“Thật vậy, Ngài hằng sống để chuyển cầu cho họ”* (Dt.7, 25).

Lời cầu nguyện nghèo hèn của chúng ta sẽ được nhậm lời, nếu được trung thành liên kết với lời cầu nguyện của Chúa Giêsu. Đằng sau Danh của Ngài là chính con người của Chúa Giêsu mà chúng ta đón nhận ở trong chúng ta: tình cảm, ý muốn, tư tưởng và Trái Tim của Ngài. Chúng ta càng cầu nguyện với Ngài và bắt chước Ngài, chúng ta càng được biến đổi trong Ngài và được Ngài ở trong chúng ta. Chúa Kitô muốn truyền thông sức mạnh vô biên của lời cầu nguyện của Ngài cho chúng ta. Dù chúng ta chưa cảm nhận được sức mạnh nội tại đó, chúng ta hãy bắt đầu tham gia vào mọi chiều kích lời cầu nguyện của Ngài với đức tin. Một ngày kia chúng ta có thể nói theo kiểu thánh Phaolô rằng *không còn phải là tôi nữa, mà là chính Chúa Kitô cầu nguyện trong tôi*.

Chúa Kitô muốn lời cầu nguyện của Ngài vang lên khắp vũ trụ, từ xích đạo tới bắc cực, từ cực đông cho tới cực tây. Ngài muốn mọi người đều có thể chiếm lấy lời cầu nguyện của Ngài làm của mình và dâng nó lên cho Thiên Chúa.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

SINH TỔ HÒA TAN TRONG NƯỚC

SINH TỔ B 1

Sinh tố B1 (thiamine) gắn liền với một bệnh nan y mà người Trung Hoa đã biết tới cách đây nhiều ngàn năm. Đó là bệnh tê phù do suy nhược hệ thần kinh (Beriberi) vì ăn gạo không có cám.

Tên Beriberi có nghĩa là: *“Tôi không thể”* (I cannot), ý nói khi mắc chứng nan y này thì người bệnh không thể cử động được. Thực vậy, thiếu sinh tố B1, bệnh nhân nằm thõ dốc trên giường. Nhưng chỉ với một mũi tiêm Thiamin là bệnh nhân hồi phục ngay.

Thiamine cần thiết cho mọi sinh động vật.

Công dụng

Sinh tố B1 có nhiều công dụng như sau:

-Giữ vai trò quan trọng trong sự chuyển hóa các chất dinh dưỡng của cơ thể.

-Giúp các tế bào chuyển carbohydrat thành năng lượng.

-Giúp cơ thể chuyển glucose thành chất béo.

-Rất cần thiết cho các chức năng của tế bào thần kinh não bộ và tim. Não bộ chỉ sử dụng nguồn năng lượng duy nhất từ glucose, nên cần Thiamin. Tim suy yếu khi thiếu Thiamin.

-Tạo cảm giác ăn ngon miệng và cần thiết cho sự tiêu hóa, sự tăng trưởng cơ thể và duy trì sức mạnh của cơ thịt.

Nguồn cung cấp

Sinh tố B1 có trong nhiều thực phẩm như mầm lúa mì, thịt nạc (nhất là thịt heo), cá, mầm đậu nành, hạt hướng dương, gạo lức, lòng đỏ trứng, gan...

Sinh tố B1 tổng hợp ở dạng thiamine hydrochloride là một loại bột kết tinh màu trắng, hòa tan trong nước được bán trên thị trường với các tên biệt dược như là Benerva, Betabian, Beneurin...

Sự thu hái, tồn trữ, biến chế thực phẩm có ảnh hưởng tới số lượng thiamine.

Nhiệt độ cao, sự oxy hóa, việc đóng hộp thực phẩm đều làm giảm lượng sinh tố B1. Gạo xay sạch vỏ cám, đường tinh chế cũng mất đi gần hết sinh tố này.

Khi ăn sống (gỏi) các hải sản như cá, tôm, sò cũng làm cho thiamine bị phân hóa và mất tác dụng.

Uống nhiều nước trà hoặc nhai lá trà, uống nhiều rượu cũng ngăn chặn sự hấp thụ thiamine.

Sinh tố B 1 rất kỵ sức nóng cho nên khi nấu thực phẩm thì sinh tố B 1, vì hòa tan trong nước, dễ bị mất mát trong nước sôi .

Thiamine được ruột non hấp thụ, chuyển vào máu và được tồn trữ trong gan, thận, tim, não bộ, cơ thịt. Vì hòa tan trong nước nên thiamine thừa thải ra theo nước tiểu.

Nhu cầu

Mỗi ngày nên tiêu thụ khoảng 1-3mg sinh tố B. Khi chế độ giàu carbohydrat thì có thể gia tăng nhiều hơn.

Thiếu sinh tố B 1 thì con người trở nên mệt mỏi yếu đuối, kém tập trung, ăn mất ngon, đau bụng, buồn nôn, đầu ngón tay tê dại, tim đập nhanh, thậm chí có thể bị suy tim.

Thiếu B1 lâu ngày có thể đưa đến bệnh Tê Phù (beriberi), với viêm giầy thần kinh ngoại vi, mất cảm giác, gầy mòn, sưng phù cơ thể, suy tim.

SINH TỐ B 2

Sinh tố B12 (Riboflavin) hiện diện trong hầu hết các tế bào của cơ thể.

Ở trạng thái thiên nhiên, B2 là những tinh thể màu trắng, không mùi, vị đắng, hòa tan trong nước, tương đối chịu nhiệt nhưng dễ bị ánh sáng phân hủy.

Công dụng

Cũng như thiamin, sinh tố B2 giúp chuyển hóa đường bột, chất đạm và chất béo thành năng lượng. Ngoài ra, sinh tố này còn có các chức năng như:

-Tác động qua lại với các loại sinh tố B khác và giữ vai trò thiết yếu trong sự chế tạo hồng huyết cầu và sự tăng trưởng của cơ thể;

-Giữ vai trò quan trọng để ngăn ngừa chứng đục thủy tinh thể của mắt;

-Làm da, móng chân tay, tóc phát triển lành mạnh.

-Giúp hệ thần kinh hoạt động hoàn hảo.

Nguồn cung cấp

B 2 có trong sữa, phó mát, thịt nạc, tim, gan, thận, trứng, quả hạch (nut), hạt ngũ cốc rau có lá màu lục và các loại rau đậu (legumes).

Nhu cầu

Mỗi ngày cơ thể nên có khoảng 1.4 mg sinh tố B 2.

Phụ nữ mang thai hay đang uống thuốc viên ngừa thai, người nghiện rượu, ma túy, hoặc uống nhiều cà phê thì cần nhiều B 2 hơn .

Thiếu sinh tố này đưa đến cơ thể mệt mỏi, vết thương chậm lành, thủy tinh thể đục, mắt cay, không chịu được ánh sáng mạnh; lưỡi đau, môi nứt nẻ, da khô, tóc dễ gãy, móng tay móng chân ròn.

Thừa sinh tố B2 không gây ngộ độc.

Sinh tố B2 được hấp thụ ở ruột, chuyển sang máu, dự trữ rất ít ở gan, thận. Lượng sinh tố thừa được thải ra hầu như toàn bộ, nên hàng ngày phải cung cấp đủ sinh tố này.

Sinh Tố B 3.

Năm 1730, y sĩ Tây Ban Nha Gaspar Casal mô tả một chứng bệnh với các vết viêm loét trên da, tiêu chảy trầm trọng và thay đổi tính tình như cáu kỉnh, lo sợ, buồn rầu rồi đi dần tới mất định hướng, hoang tưởng. Bệnh xuất hiện ở những người lấy ngô bắp làm thực phẩm chính. Ông ta đặt tên bệnh là Pellagra. Trong tiếng Tây Ban Nha, *pella* có nghĩa là da và *agra* là cáu kỉnh.

Sau đó bệnh lan tràn ra nhiều quốc gia trồng ngô ở châu Âu, châu Phi.

Bên Hoa Kỳ, vào thời kỳ Nội Chiến, dân chúng miền Nam chỉ có ngô để ăn, nên cũng có nhiều người bị bệnh và thiệt mạng.

Nghiên cứu khoa học trong những thế kỷ kế tiếp đã cho thấy rằng, ngô thiếu một chất dinh dưỡng thiết yếu cho cơ thể. Do đó việc chọn ngô làm món ăn chính mới dẫn đến mắc bệnh Pellagra. Chất bị thiếu chính là sinh tố B3 hay niacin, tên gọi chung cho nicotinic acid và nicotinamide. Trong thịt động vật có nhiều chất tryptophan là tiền thân của niacin.

Niacin là những tinh thể không màu, vị đắng, hòa tan trong nước, không bị phân hủy bởi nhiệt độ, ánh sáng, acid, kiềm, và sự oxy hóa.

Công dụng

Sinh tố B3 có các công dụng sau đây:

- Cần thiết cho sự hô hấp của tế bào.
- Cần thiết cho việc chuyển hóa thực phẩm thành năng lượng.
- Giúp duy trì các chức năng của da, giây thần kinh và hệ tiêu hóa;
- Điều hòa lượng đường và cholesterol trong máu.
- Cần thiết để cơ thể chế tạo những kích thích tố căn bản như cortisone, estrogen, progesterone, thyroxin...

Trong điều trị, đôi khi niacin được dùng để giảm mức cholesterol trong máu, nhưng việc sử dụng phải được bác sĩ hướng dẫn vì thuốc có nhiều tác dụng phụ khó chịu.

Nguồn cung cấp

Cơ thể có thể sản xuất sinh tố B 3 từ chất tryptophan có trong chất đạm động vật, hoặc hấp thụ trực tiếp sinh tố B3 có trong thực phẩm.

B 3 có nhiều trong thực phẩm giàu chất đạm như gan, thận, thịt nạc, thịt gà, cá, nấm, các loại hạt, sữa, pho mát, ngũ cốc khô tăng cường, rau, sữa, trứng, cà phê.

Niacin tổng hợp cũng công hiệu như dạng tự nhiên và giá thành vừa phải.

Nhu cầu

Mỗi ngày nên tiêu thụ từ 15-17 mg niacin.

Thiếu sinh tố B 3 dẫn đến các triệu chứng giảm sinh lực, mất ngủ, hay quên, lo âu, tâm thần căng thẳng, hay gắt gỏng, buồn chán, nhức đầu, sưng nướu răng và chảy máu, viêm ngứa da.

Nếu thiếu trầm trọng, có thể mắc bệnh pellagra, với các triệu chứng như viêm da, rối loạn tiêu hóa, bồn chồn, mất ngủ, giảm cân và ở mức độ nặng có thể mất trí nhớ.

Dùng niacin với liều lượng quá cao (trên 3g/ngày) có thể đưa tới hại gan, viêm ngứa da, mặt đỏ bừng, cảm giác chóng mặt. Với liều cao hơn nữa có thể làm cơ thể không hấp thụ được carbohydrat và gây cảm giác bồn chồn, không yên...

Sinh Tố B 6.

Sinh tố B 6 (pyridoxine) rất quan trọng trong sự chuyển hóa acid amin (chất đạm) và có vai trò nhỏ hơn trong chuyển hóa carbohydrat, chất béo. Cơ thể càng tiêu thụ nhiều chất đạm càng cần nhiều sinh tố B 6.

Ngoài ra, sinh tố B6 còn có các công dụng như:

- Giúp duy trì các chức năng bình thường của não bộ, giúp sự chế tạo hồng huyết cầu, kháng thể, kích thích tố nữ estrogen.

- Điều hòa sự sản xuất hóa chất ở não bộ kiểm soát sự ngủ nghỉ, cảm xúc và sự hấp thụ sinh tố B 12.

- Điều trị các trường hợp thiếu máu không đáp ứng với khoáng chất sắt.

Nguồn cung cấp sinh tố B 6 gồm có: thịt cá, gan, thận, quả hạch, đậu, chuối, trái bơ, trứng, lúa mì. Một số vi khuẩn đường ruột cũng tổng hợp được B6.

Sinh tố B6 hòa tan trong nước, chịu đựng được với nhiệt nhưng bị tia tử ngoại, sự oxy hóa phân hủy.

Mỗi ngày trung bình nên tiêu thụ khoảng 2mg.

Người cao tuổi và phụ nữ có thai hoặc đang dùng viên thuốc tránh thai có nhu cầu cao hơn. Ngoài ra, nhu cầu cũng tăng cao theo tỷ lệ thuận với thành phần chất đạm trong bữa ăn.

Thiếu sinh tố B 6, bệnh nhân có những bất thường như ăn mất ngon, ngủ mê, buồn rầu, tinh thần dễ kích động, bắp thịt co rút, co giật, tê đầu ngón tay, da khô, thiếu hồng cầu, giảm sinh lực. Các bất thường này thường thấy ở các bệnh nhân đang dùng thuốc Isoniazid (acid nicotinic hydrazit-INH) để chữa bệnh lao. Họ thường được chỉ định uống bổ sung từ 50 tới 100mg pyridoxine mỗi ngày.

Liều cao sinh tố B6 (trên 10g/ngày) có thể làm cho gan tạo ra men bất thường.

Sinh Tố B 12.

Bệnh *Thiếu máu ác tính (Pernicious Anemia)* là một bệnh hiểm nghèo, được bác sĩ người Anh Thomas Addison mô tả từ năm 1849. Nhưng phải đợi tới gần một thế kỷ nghiên cứu, khoa học mới tìm ra nguyên nhân và thuốc chữa bệnh.

Năm 1948, các khoa học gia đã tách từ gan ra một chất màu đỏ có công dụng trị bệnh *thiếu máu ác tính* và họ đặt tên là sinh tố B12.

Điều đặc biệt là cơ thể thực vật và động vật bậc cao không tự tổng hợp được sinh tố B12. Nhưng vào năm 1955, các nhà khoa học của Đại học Harvard đã tổng hợp được sinh tố này trong phòng thí nghiệm.

Và ngày nay, bệnh *thiếu máu ác tính* đã được điều trị khỏi bằng sinh tố B12 mà ta còn gọi là *Cyano-cobalamin*.

Sự hấp thụ

B12 là sinh tố duy nhất cần có một *nhân tố nội tại* (intrinsic factor) đặc biệt trong bao tử là glycoprotein để có thể hấp thụ ở ruột. Sự hấp thụ này kéo dài cả mấy giờ, trong khi đó các sinh tố hòa tan trong nước khác chỉ cần ít phút.

Hấp thụ sẽ giảm khi thiếu chất glycoprotein vì một căn bệnh nào đó của bao tử, giảm chất glycoprotein ở người cao tuổi, hoặc khi cơ thể thiếu khoáng chất sắt và sinh tố B6.

Trong thực phẩm từ động vật, sinh tố B12 gắn liền với một đơn vị chất đạm. Khi thực phẩm vào bao tử thì chúng tách rời ra và sinh tố B12 kết hợp với glycoprotein. Nhờ đó B12 mới được chuyển qua ruột để hấp thụ.

Gan là cơ quan dự trữ nhiều B12 rồi đến thận, bắp thịt, phổi. Lượng B12 thừa được thải ra ngoài theo nước tiểu.

Công dụng

Sinh tố B 12 có các công dụng sau:

-Cần để tạo hồng huyết cầu từ tủy xương. Thiếu B12, hồng cầu không trưởng thành, sẽ lớn hơn bình thường, và gây ra bệnh thiếu máu hồng cầu to và những thương tổn đặc biệt của hệ thần kinh.

-Duy trì tốt các tế bào thần kinh.

-Giúp sự tăng trưởng của trẻ em;

-Giúp sự chuyển hóa chất béo, carbohydrat và chất đạm trong thực phẩm;

-Làm chậm việc chuyển nhiễm HIV dương tính sang bệnh AIDS;

-Giảm nguy cơ gây bệnh tim

Nguồn cung cấp

Sinh tố B12 được tạo ra nhiều nhất do các vi khuẩn đường ruột của các động vật ăn cỏ, và được kết hợp với chất đạm của các động vật đó. Vì thế B 12 có nhiều trong gan, thận, tim, tụy tạng, thịt bò, thịt gà. B12 cũng có trong cá, lòng đỏ trứng, sữa, pho mát, sò, cua.

Thực phẩm gốc thực vật không có B 12, vì thế những người ăn chay thuần túy rau trái sẽ bị thiếu B 12 và phải uống bổ sung loại sinh tố này.

Sinh tố B 12 hòa tan trong nước, rất dễ bị phân hủy khi ở ngoài cơ thể.

Vì hòa tan trong nước, nên khi tiêu thụ nhiều B12 thì sinh tố sẽ được nước tiểu thải ra ngoài và không gây ra ngộ độc

Nhu cầu

Nhu cầu mỗi ngày là từ 2 tới 4 mcg. Chỉ cần ăn khoảng 100gr thịt bò đã có đủ số lượng này.

Bao tử người cao tuổi thường tiết ra ít acid, nên nhiều vi sinh vật dễ dàng sinh sản nơi đây và tranh ăn hết sinh tố B 12 trong bao tử. Do đó các vị này cần dùng thêm B 12.

Người cao tuổi, người ăn chay, dân chúng các quốc gia đang phát triển (với lượng chất đạm động vật thấp trong khẩu phần) đều có thể bị thiếu B12, nên cần dùng bổ sung.

Thiếu B12 kéo dài dẫn tới bệnh *thiếu máu ác tính*. Bệnh nhân ăn không ngon, da vàng nhợt, khó thở, mất cân, viêm lưỡi, đi không vững, rối loạn thần kinh, cáu kỉnh, buồn rầu. Nếu

không chữa kịp thời có thể dẫn tới tử vong. Điều trị rất đơn giản: chỉ cần tiêm B12 là bệnh thuyên giảm ngay.

Trái với tin tưởng của nhiều người, khi không có bệnh mà tiêm B 12 sẽ không làm cơ thể khỏe mạnh hơn hoặc ăn ngon miệng hơn.

Sinh Tố B 5

Sinh tố B 5 hay acid panthotenic acid hòa tan trong nước, có nhiều trong trứng, sữa và phó sản, cá, rau, đậu, men, thịt nạc, bắp cải xanh, bắp xu, khoai lang.

Sinh tố B5 có các công dụng như sau:

- Cần thiết cho sự tổng hợp các acid béo
- Cần cho chuyển hóa carbohydrat, chất béo, chất đạm để tạo ra năng lượng.
- Giúp tổng hợp các kích thích tố, kháng thể.
- Tạo ra porphyrin, tiền thân của heme, cần cho sự tổng hợp huyết cầu tố.
- Tạo ra hóa chất acetylcholine để điều hòa các chức năng não bộ.
- Giảm đau và cứng khớp xương.

Ngoài ra, một số ý kiến cho là sinh tố giúp tóc giữ màu tự nhiên.

Các nhà dinh dưỡng chưa xác định nhu cầu hàng ngày cho sinh tố này, nhưng khuyên không nên dùng quá 4-7 mg một ngày. Nếu dùng trên 10 mg một ngày thì có thể bị tiêu chảy.

Khi thiếu B5, có thể dẫn đến hội chứng tiêu hóa như viêm dạ dày-ruột, tiêu chảy, vộp bề, ói mửa, kém tập trung, hay mệt mỏi, da sừng hóa, mất sắc tố da và có thể ảnh hưởng tới tuyến thượng thận. Trường hợp thiếu kéo dài có thể xảy ra hiện tượng suy cấp vỏ thượng thận, giảm các chất sterol...

Ở các loài chó, chuột...thiếu B5 làm cho màu lông bạc trắng. Nhưng ở con người thì sinh tố này cũng như các sinh tố khác không có vai trò gì trong việc bạc tóc.

FOLACIN.

Folatin là tên gọi chung của *folic acid* và một số chất có tác dụng tương tự.

Công dụng của Folatein gồm có:

-Giúp cơ thể tạo ra *purines* và *pyrimidines* là những chất rất cần thiết cho sự tổng hợp DNA (deoxyribonucleic acid) và RNA (ribonucleic acid). Đây là hai nguyên tố kiểm soát các hoạt động và tính chất di truyền của mọi tế bào. Do đó sinh tố này cần cho sự tăng trưởng và sự phân bào.

-Tạo ra chất đậm chứa sắt (heme) cần cho việc sản xuất huyết cầu tố.

-Cần cho sự tổng hợp các acid *amin như tyrosine, methionine*

Sinh tố này có nhiều trong các loại thực phẩm và rất cần thiết cho phụ nữ mang thai vì nó giúp các tế bào tăng trưởng.

Nhiều nghiên cứu sơ khởi cho thấy sinh tố này có khả năng giảm nhẹ các nguy cơ khuyết tật ở trẻ sơ sinh; có thể giúp phòng ngừa ung thư tử cung, làm giảm nguy cơ tai biến tim.

Folatein cũng giảm nguy cơ cơn suy tim. Đó là kết quả nghiên cứu tại trường Y khoa Phòng Ngừa Đại học Harvard vào năm 1998.

Folatein cũng được dùng để chữa bệnh Thiếu Máu Hồng Cầu To (Megaloblastic anemia), ung thư máu, bệnh viêm ruột loét miệng (sprue) do thiếu Folic acid.

Tác dụng của Folatein cần sự hiện diện của các sinh tố B12 và C. Sinh tố C cũng bảo vệ folatein khỏi bị oxy hóa.

Nhu cầu trung bình mỗi ngày là 150mcg.

Nguồn cung cấp sinh tố folic acid gồm có gan, thận, các loại rau lá lục đậm, các trái chua, đậu và rau đậu, cám lúa mì, thịt heo, thịt gà và các loại tôm cua sò hến.

Sinh tố bị mất đi khá nhiều khi nấu thức phẩm quá lâu, nhất là các loại rau xanh.

Nghiện rượu kinh niên là nguyên nhân chính đưa tới thiếu Folic acid vì rượu gây trở ngại cho sự hấp thụ và di chuyển sinh tố này từ gan ra tế bào. Thuốc viên uống ngừa thai cũng làm giảm sự hấp thụ Folatein.

Triệu chứng thiếu sinh tố này gồm có: khô ngứa da, môi nứt nẻ, tóc sớm bạc, thiếu máu, ăn kém ngon, mệt mỏi, đau bụng, buồn rầu, lo lắng, giảm trí nhớ...

Sinh Tố C.

Từ những năm 1550 trước Công nguyên, các nhà y học đã mô tả một bệnh có khả năng gây tử vong ở những thủy thủ lênh đênh kéo dài cuộc hải hành cả dặm bầy thàng. Thực phẩm chính của họ là đồ khô, không trái cây, không rau tươi. Đó là bệnh *Scurvy*, tiếng Pháp là *Scorbut*.

Bệnh có các triệu chứng như chảy máu và sưng ở nướu răng, chảy máu dưới da. Kéo dài lâu ngày, bệnh nhân có thể tử vong.

Năm 1535, nhà thám hiểm người Pháp *Jacques Cartier* nhận thấy rằng thủy thủ dùng một loại nước uống của thổ dân Gia Nã Đại thì lành bệnh. Trong nước đó có lẫn nước của trái chanh.

Vào năm 1932, sau nhiều nghiên cứu, các khoa học gia thấy trái chanh chứa một chất có thể chữa và ngừa bệnh *Scurvy*. Đó là sinh tố C, tên hóa học là Ascorbic acid.

Đến năm 1933, người ta tổng hợp được sinh tố C.

Ngày nay sinh tố C rất phổ biến và được nhiều người dùng thêm với nhiều mục đích khác nhau, nhất là để phòng và chữa cảm cúm và chống sự oxy hóa trong cơ thể.

Ascorbic acid là những tinh thể bột không mùi, màu trắng, dễ hòa tan trong nước và dễ bị phân hủy bởi nhiệt, oxy, ánh sáng, dung dịch kiềm, đồng và sắt.

Công dụng

Sinh tố C có nhiều công dụng quan trọng trong cơ thể con người như :

- Duy trì các mô tiếp nối, làm mau lành các vết thương;
- Giúp duy trì răng lợi trong tình trạng tốt;
- Giúp cơ thể hấp thụ chất sắt, folic acid;
- Tăng cường khả năng miễn dịch;
- Giảm mức cholesterol LDL trong máu, làm thành mạch máu bền vững hơn;
- Giúp phòng ngừa bệnh đục thủy tinh thể;
- Làm giảm triệu chứng của cảm lạnh;
- Là chất chống oxy hóa rất tốt;
- Giúp sự chuyển hóa chất béo, các acid amin như tyroxine, tryptophan.

Sinh tố C hiện đang được nghiên cứu về khả năng chống sự oxy hóa làm tổn thương tế bào.

Nhiều nghiên cứu cho thấy, hút thuốc lá liên tục làm giảm sinh tố C trong cơ thể. Nhưng không có dẫn chứng nào cho rằng ghiền thuốc lá cần dùng thêm sinh tố này.

Một số nghiên cứu khác cho rằng sinh tố C dùng với liều cao (300mg một ngày) có thể kéo dài tuổi thọ, có tác dụng chống dị ứng và loại bỏ độc tính của dược phẩm trong cơ thể.

Nguồn cung cấp

Sinh tố C có nhiều trong các loại trái chua như chanh, cam, trái dâu, cà chua, súp lơ xanh, khoai lang, khoai tây, hồng qua (cantaloupe). Cá thịt và sữa có rất ít sinh tố C.

Sinh tố C trong thực phẩm rất dễ bị phân hủy trong khi chế biến, gặt hái, nấu nướng và cất trữ. Thực phẩm tươi nên dùng sớm hoặc cất giữ nơi nhiệt độ lạnh, nấu với ít nước, không nấu trong nồi bằng đồng, sắt và nên ăn ngay sau khi nấu.

Muốn duy trì sinh tố C trong thực phẩm cất trữ bằng đông lạnh, không nên làm rã đá trước khi nấu mà chờ cho nước sôi rồi bỏ nguyên khối thực phẩm đông lạnh vào nồi.

Nhu cầu

Mỗi ngày trung bình nên tiêu thụ khoảng 60 mg sinh tố C.

Tình trạng thiếu sinh tố C của cơ thể ít khi xảy ra vì có nhiều thực phẩm chứa sinh tố C và nhiều loại nước uống cũng được bổ sung sinh tố này.

Thiếu sinh tố C trầm trọng có thể đưa tới bệnh Scurvy. Bệnh có các dấu hiệu như chảy máu ở lợi, rụng răng, dễ băng huyết, vết thương lâu lành. Bệnh thường xảy ra khi ta không ăn rau và trái cây có sinh tố C.

Dùng sinh tố C liều cao trên 8 gr một ngày có thể gây tiêu chảy, đau bụng, ói mửa./.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA